2013

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

SONHA

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Lô số 2, CN1 Khu Công Nghiệp Từ Liêm, Hà Nội
Điện thoại: 04.62656566
Fax: 04.62656588
Email: support@sonha.com.vn
Website: www.sonha.com.vn

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

SONHA

2013
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NNUAL REPORT

Mục lục

CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH TIÊU BIỂU 04
THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH 06
TẦM NHÌN SỨ MỆNH GIÁ TRỊ CỐT LÕI 08
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 09
Rủi ro trong hoạt động của công ty 10
Tổng quan kết quả hoạt động của công ty 15
Các quyết định của hội đồng quản trị 18
Kế hoạch năm 2014 của HĐQT 20
BÁO CÁO CỦA BAN TGĐ 22
Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu 24
Đánh giá kết quả hoạt động 26
Thù lao của các thành viên ban TGĐ 27
Kế hoạch năm 2014 của ban TGĐ 28
BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT 30
QUẢN TRỊ CÔNG TY 36
ĐỘI NGŨ NHÂN SỰ 40
TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI 42
QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY 44
SỰ KIỆN NỔI BẬT 2013 46
SƠ ĐỒ TỔ CHỨC 48
Hội đồng quản trị 50
Ban Tổng Giám đốc 52
Ban Kiểm soát 54
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 55
Báo cáo của ban TGĐ 56
Báo cáo kiểm toán 60
Bảng cân đối kế toán 62
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 64
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ 66
Thuyết minh báo cáo tài chính 67

CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH TIÊU BIỂU

MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH TIÊU BIỂU

Chỉ tiêu	2013	2012	2011	2010	2009
Doanh thu thuần (tỷ đồng)	1.819,8	2.143,5	1.956,3	1.451,8	1.067,1
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh (tỷ đồng)	25,5	150,4	(199,4)	(102,5)	(216,3)
Lợi nhuận thuần từ HĐKD (tỷ đồng)	11,4	20,1	26,2	91,5	47,1
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	7,1	12,7	18,8	90,2	35,6
Tỉ suất lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần (%)	0,4%	0,6%	1,0%	6,2%	3,3%
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số (tỷ đồng)	3,1	1,6	4,3	21,1	-
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ (tỷ đồng)	4,0	11,2	14,5	69,1	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	152	421	586	3,518	2,850
Cổ tức (đồng)	-	300	500	1.500	3.000

Theo loại sản phẩm

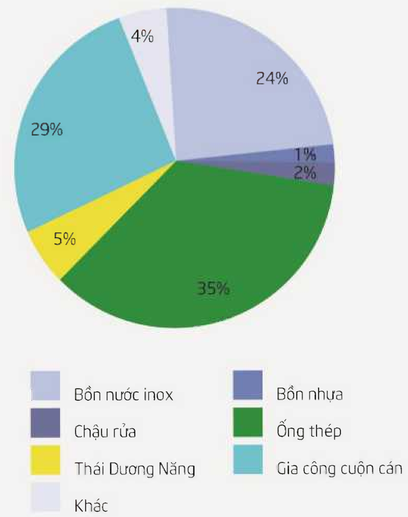

Theo vùng địa lý

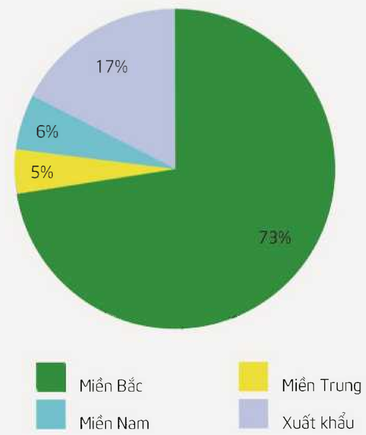

Thị trường xuất khẩu

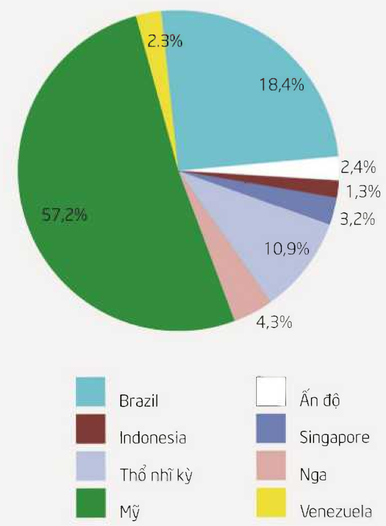

Doanh thu thuần (tỷ đồng)

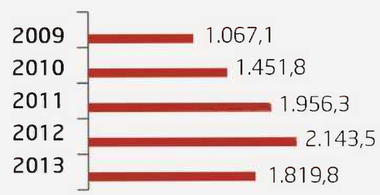

Lưu chuyển tiền từ HĐKD (tỷ đồng)

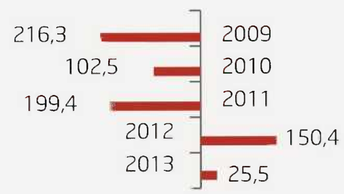

Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)

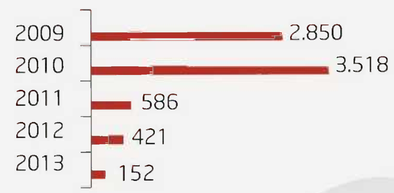

"Chúng tôi tin tưởng, với quyết tâm thay đổi, hướng đến mục tiêu phát triển bền vững, Sơn Hà sẽ tiếp tục xác lập vị thế dẫn đầu tại những ngành nghề tham gia."

THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT

"Căng thẳng và chuyển biến" là cụm từ được dùng để miêu tả trạng thái của nền kinh tế trong năm 2013. Kinh tế trong nước tăng trưởng chậm lại trong bối cảnh chỉ số CPI tăng thấp, sức cầu trong nước hồi phục mong manh. Mặc dù chiến lược đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh đã được thực hiện một cách thận trọng, ảnh hưởng của các yếu tố môi trường vĩ mô và chiến lược kinh doanh đã thể hiện rõ trong kết quả kinh doanh của Sơn Hà khi doanh thu thuần giảm, bằng 84,9% so với năm 2012, đạt 1.819,8 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế chỉ đạt 7,1tỷ đồng bằng 56% so với 2012.

Đối với các sản phẩm từ thép không gỉ truyền thống, Sơn Hà tiếp tục duy trì chiến lược mở rộng và đa dạng hóa thị trường, củng cố và đẩy mạnh thương hiệu, cải tiến sản phẩm, nâng cao chất lượng dịch vụ đi đôi với thực hiện hợp lý hóa quá trình sản xuất, bán hàng, quản lý dòng tiền chặt chẽ nhằm đảm bảo nguồn vốn phục vụ sản xuất, kinh doanh. Trong năm 2013, các chi nhánh Công ty tại Tuyên Quang, Sóc Sơn, Thái Nguyên, Phú Thọ, Quảng Bình, Cẩm Phả và Hà Tĩnh được thành lập. Chi phí cho công tác quảng bá, khuyếch trương sản phẩm gia tăng thông qua các hoạt động tham gia triển lãm chuyên ngành trong và ngoài nước như Vietbuild tại Hà Nội, Tp. HCM, Đà Nẵng và hội chợ ở Nga, Thổ Nhĩ Kỳ cùng các chương trình khuyến mại cho khách hàng. Các thế hệ mới của dòng sản phẩm Thái Dương Năng và chậu rửa được nghiên cứu chế tạo và đưa ra thị trường đã nhận được những phản hồi tích cực. Chương trình cải cách hành chính được thực hiện thường xuyên và thu được kết quả tốt. Công tác luân chuyển cán bộ được thực hiện cả các vị trí cấp cao. Các khoản phải thu phải trả được quản lý chặt chẽ hơn cùng với quan hệ với các tổ chức tín dụng được duy trì tốt nên nguồn vốn cho sản xuất kinh doanh được ổn định. Trong năm 2013, các vụ kiện chống bán phá giá liên quan đến nguồn nguyên liệu và thị trường xuất khẩu ống thép của Sơn Hà đã ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh. Đó là vụ kiện liên quan đến thép không gỉ cán nguội ở dạng cuộn hoặc tấm độ dày nhỏ hơn hoặc bằng 3,5 mm được nhập khẩu từ 4 quốc gia/vùng lãnh thổ là Trung Quốc, Malaysia, Indonesia và Đài Loan. Tiếp theo là Bộ Thương mại Hoa Kỳ (DOC) đã khởi xướng điều tra áp dụng biện pháp chống bán phá giá và chống trợ cấp đối với mặt hàng ống thép hàn chịu lực không gỉ được nhập khẩu từ Malaysia, Thái Lan và Việt Nam.
Trong năm, Sơn Hà tiếp tục thoái vốn ở các công ty thành viên.
Đối với chiến lược phát triển chuỗi siêu thị Hiway, ngày 22/11/2013 siêu thị thứ hai tại Ngọc Khánh đã khai trương,đánh dấu sự phát triển liên tục của chuỗi siêu thị này.

Mặc dù đã có những cố gắng lớn, kết quả đạt được năm 2013 vẫn chưa tương xứng với quy mô tài sản và tiềm năng của doanh nghiệp. Bước sang năm 2014,đã có những tín hiệu hồi phục nhưng chưa vững, nền kinh tế trong nước còn bấp bênh phụ thuộc nhiều và kết quả cải cách của hệ thống doanh nghiệp nhà nước, hệ thống ngân hàng, cơ cấu ngành nghề và cải cách thể chế. Sơn Hà tiếp tục khẳng định chiến lược phát triển bền vững, duy trì tốc độ tăng trưởng ổn định của ngành nghề truyền thống và tăng trưởng thận trọng ở ngành nghề mới. Cụ thể:

-Thực hiện chính sách đa dạng hóa nguồn nguyên liệu và thị trường sản phẩm.
-Xây dựng và triển khai các chính sách tiết kiệm trong quá trình sản xuất: cải tiến dây chuyền sản xuất, hợp lý hóa quy trình sản xuất theo hướng tiết kiệm năng lượng, chi phí nhân công.
-Xây dựng chính sách lương hợp lý nhằm thu hút đội ngũ công nhân kỹ thuật lành nghề, nâng cao năng suất lao động, xây dựng hệ thống thông tin quản trị doanh nghiệp hiệu quả.
-Thực hiện đầu tư dự án sản xuất tại Chu Lai để đáp ứng nhu cầu thị trường khu vực Duyên Hải miền Trung, giảm chi phí vận chuyển sản phẩm và hưởng các chính sách ưu đãi tại địa phương.
-Tiếp tục thoái vốn có chọn lọc, điều chỉnh danh mục tài sản đầu tư theo hướng tiếp tục nâng chuẩn danh mục tài sản, chú trọng đến tính thị trường, thanh khoản của tài sản.
-Thực hiện chính sách hợp tác đầu tư để phát triển chuỗi siêu thị Hiway.
-Tăng vốn chủ sở hữu thông qua tăng vốn điều lệ và lợi nhuận tích lũy trên cơ sở nâng cao hiệu quả hoạt động.
-Tăng cường các nguồn vốn ổn định hơn để đáp ứng nhu cầu đầu tư dài hạn.

Một chặng đường 15 năm đã qua, Sơn Hà đã không ngừng mở rộng về quy mô và sự phức tạp trong hoạt động kinh doanh. Để duy trì tốc độ tăng trưởng, những trạng thái cân bằng cần được thiết lập liên tục trong suốt chặng đường phát triển. Năm 2014 và một số năm sau, Sơn Hà hướng tới thiết lập một trạng thái cân bằng mới với những điều chỉnh ở tất cả các mặt hoạt động để tạo nền móng vững chắc cho giai đoạn tăng trưởng tiếp theo.
Chúng tôi tin tưởng, với quyết tâm thay đổi, hướng đến mục tiêu phát triển bền vững, Sơn Hà sẽ tiếp tục xác lập vị thế dẫn đầu tại những ngành nghề tham gia.

Thay mặt Ban lãnh đạo Công ty, tôi xin được gửi tới tất cả các cổ đông, nhà đầu tư, các đối tác, cùng toàn thể cán bộ nhân viên Công ty lời cảm ơn chân thành vì sự gắn bó của quý vị với quá trình phát triển của Sơn Hà.

Trân trọng.

Lê Vĩnh Sơn
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

TẦM NHÌN, SỨ MỆNH, GIÁ TRỊ CỐT LÕI

TẦM NHÌN

Trở thành tập đoàn sản xuất các sản phẩm từ thép không gỉ hàng đầu Việt Nam, đa dạng hoá hoạt động đầu tư dựa trên nền tảng phát triển bền vững.

SỨ MỆNH

Sơn Hà cung cấp các sản phẩm thép không gỉ công nghiệp và dân dụng có chất lượng tiêu chuẩn quốc tế, đa dạng hoá hoạt động đầu tư để mang lại cho khách hàng cuộc sống tiện nghi hiện đại

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Đối với khách hàng: cung cấp những sản phẩm và dịch vụ về thép không gỉ cũng như các sản phẩm của công ty đầu tư giúp khách hàng tối ưu hoá hiệu quả sử dụng.
Đối với cổ đông: là một tổ chức kinh tế hoạt động bền vững và hiệu quả mang tới cho cổ đông lợi ích cao, đều đặn và dài hạn.
Đối với cán bộ nhân viên: là ngôi nhà chung mang tới từng thành viên một cuộc sống sung túc, đầy đủ về kinh tế và tinh thần.
Đối với cộng đồng và xã hội: là tổ chức có trách nhiệm xã hội, tích cực, chủ động tham gia vào các hoạt động cộng đồng, xã hội, góp phần làm hưng thịnh quốc gia.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

RỦI RO TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty hoạt động trong ngành sản xuất chính là chế tạo bồn chứa nước và các sản phẩm gia dụng công nghiệp từ nguyên liệu chính là thép không gỉ. Các công ty con và công ty có vốn đầu tư hoạt động trong ngành kinh doanh bất động sản và bán lẻ. Do vậy, kết quả kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng của các yếu tố từ ngành sản xuất chính và ngành mà công ty có vốn đầu tư. Môi trường kinh tế vĩ mô cũng ảnh hưởng tới hoạt động chung của các doanh nghiệp trong nền kinh tế.

-Ngành sản xuất các sản phẩm từ thép không gỉ chịu ảnh hưởng của một số yếu tố đặc trưng là giá nguyên liệu thép không gỉ, tỉ giá, thuế suất thuế nhập khẩu nguyên liệu, thuế suất thuế xuất khẩu thành phẩm và các yếu tố chung của các doanh nghiệp sản xuất là chi phí vận chuyển, giá điện, chi phí nhân công. Biến động của các yếu tố này ảnh hưởng đến kết quả hoạt động của các công ty trong ngành.

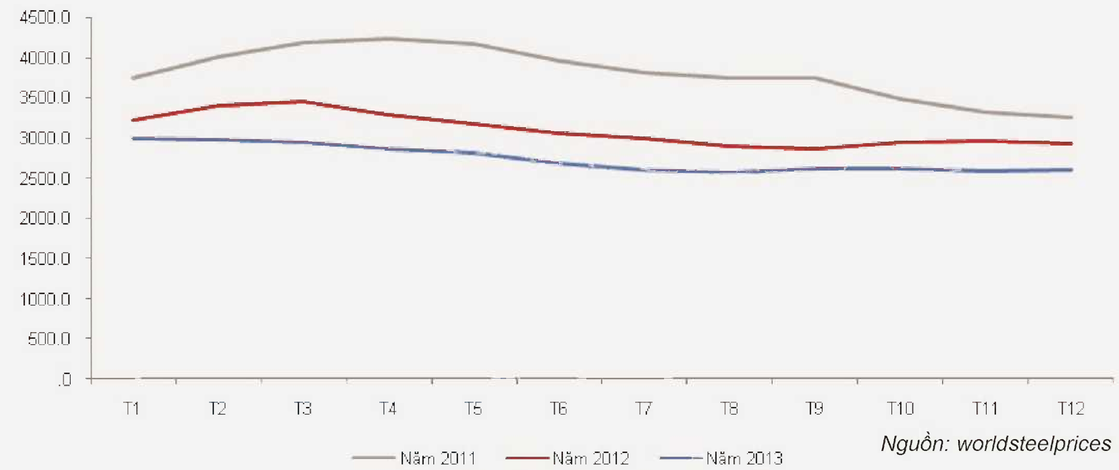

Giá thép không gỉ mác 304 (USD/tấn)

Mặt bằng chung giá nguyên liệu thép không gỉ giảm so với năm 2012, tuy nhiên giá có khả năng tăng trở lại vào năm 2014 do đã có những dấu hiệu thoát đáy chu kỳ kinh tế. Chi phí nguyên liệu chiếm tỉ trọng cao nhất trong giá vốn sản phẩm thép không gỉ, bình quân 85%. Theo MEPS, năm 2013 ghi nhận mức sản lượng toàn cầu của thép không gỉ ở mức cao chưa từng có là 37,3 triệu tấn, tăng 5,5% so với năm 2012 là năm đánh dấu sản lượng thép không gỉ đạt mức cao kỷ lục so với những năm trước đó. Dự báo, năm 2014 sản lượng tiếp tục tăng khoảng 4,6% lên 39 triệu tấn. Cụ thể với quốc gia/vùng lãnh thổ, sản lượng của Hàn Quốc, EU và Nhật Bản thấp hơn so với 2012; Đài Loan và Hoa Kỳ hồi phục, tăng 2% so với cùng kỳ năm trước. Mức tăng sản lượng chủ yếu do mở rộng sản xuất tại Trung Quốc và các quốc gia mới nổi: sản lượng của Trung Quốc tăng gấp 3,4 lần so với năm 2006 và dự báo sẽ tiếp tục tăng 6,8%, đạt 19,3 triệu tấn, chiếm 50% tổng sản lượng thép không gỉ toàn cầu vào năm 2014.

Tỉ giá USD/VND trong năm 2013 biến động không lớn, tại thời điểm tháng 12/2013 tỉ giá đô la Mỹ tăng 1,09% so với cùng kỳ năm 2012.

Ngoài nguyên liệu nhập khẩu, thép không gỉ được mua từ nhà sản xuất trong nước là Posco Việt Nam. Tuy nhiên, thị trường các sản phẩm thép không gỉ trong nước sẽ thay đổi trong năm 2014 do những sự kiện diễn ra dưới đây, tác động đến thuế suất nguyên liệu thép không gỉ nhập khẩu.

Vụ kiện liên quan đến thép không gỉ cán nguội ở dạng cuộn hoặc tấm độ dày nhỏ hơn hoặc bằng 3,5 mm được nhập khẩu từ 4 quốc gia/vùng lãnh thổ là Trung Quốc, Malaysia, Indonesia và Đài Loan. Hiện các mặt hàng thép nói trên có mức thuế nhập khẩu vào Việt Nam từ 0-10%. Trong đó, mức thuế suất 0% được áp dụng cho thép không gỉ cán nguội nhập khẩu từ một số nước, như Trung Quốc và các nước ASEAN, theo cam kết trong các hiệp định thương mại tự do Việt Nam có tham gia. Ngày 25/12/2013, Bộ Công Thương đã ban hành quyết định áp dụng biện pháp chống bán phá giá tạm thời với mức thuế theo kiến nghị của Cục Quản lý Cạnh tranh từ 6,45% lên mức cao nhất tới 30,73%, có hiệu lực từ 25/1/2014.

Chi phí vận chuyển tiếp tục tăng

Chi phí vận chuyển tiếp tục tăng do giá xăng dầu và nhiên liệu tăng. Giá xăng dầu trong năm 2013 được điều chỉnh,tổng cộng cả năm giá xăng dầu tăng 2,18%. Giá điện được điều chỉnh tăng, tổng cộng cả năm 10%.

Cạnh tranh giữa các nhà sản xuất trong ngành ngày càng cao khi sản lượng xuất khẩu đối với mặt hàng ống thép không gỉ đã chiếm tỉ trọng đáng kể trên thị trường, dẫn đến những vụ kiện tụng giữa các nhà xuất khẩu và nhà sản xuất trong nước làm thay đổi chính sách thuế đối với mặt hàng xuất khẩu. Vụ kiện ngày 16 tháng 5 năm 2013, Bộ Thương mại Hoa Kỳ (DOC) đã chính thức khởi xướng điều tra áp dụng biện pháp chống bán phá giá và chống trợ cấp đối với mặt hàng ống thép hàn chịu lực không gỉ từ Malaysia,Thái Lan và Việt Nam. Theo số liệu của Bộ Thương mại Hoa Kỳ thì trong năm 2012, kim ngạch nhập khẩu ống thép hàn chịu lực không gỉ từ Việt Nam đạt mức 16,37 triệu USD với tổng khối lượng 4.627 tấn, chiếm khoảng 6,61 % lượng nhập khẩu vào thị trường này.

Cuối tháng 12 năm 2013, Bộ Thương mại Hoa Kỳ (DOC) đã thông báo kết luận sơ bộ trong vụ điều tra chống bán phá giá đối với mặt hàng ống thép hàn chịu lực không gỉ nhập khẩu từ Malaysia, Thái Lan và Việt Nam, Sơn Hà phải chịu mức thuế suất 17,72 % và mức thuế suất toàn quốc cho toàn bộ các nhà sản xuất, xuất khẩu khác là 53,92%.

-Ngành bán lẻ chịu ảnh hưởng của thói quen, mức thu nhập của người tiêu dùng và các chi phí hoạt động chung như giá thuê mặt bằng, giá điện, chi phí nhân công, chi phí vận chuyển.

Với mạng lưới 700 siêu thị và 125 trung tâm thương mại trong cả nước, tổng mức bán lẻ cả năm 2013 ước đạt 2.618 nghìn tỷ đồng, tăng 12,6% so với năm 2012 và là mức tăng thấp nhất trong vòng 4 năm trở lại đây, loại trừ yếu tố giá tăng 5,6%, so với năm 2012 là 6,5%, năm 2011 tăng 4,4%.

Tốc độ đô thị hóa của Việt Nam khá cao, tăng bình quân 3%/năm, người tiêu dùng tại các khu vực đô thị hướng dẫn tới các trung tâm mua sắm.

Tốc độ đô thị hóa

Nguồn:
1931-1988: Bảng 4, trang 106 của F.Fauveau và Dang Thu (1997)
1989-2013: Điều tra dân số & website của Tổng cục Thống kê

Trong năm 2013, Tổng cục Thống kê đã thay đổi phương pháp tính GDP với việc điều chỉnh tăng quy mô giá trị tăng thêm của hoạt động ngân hàng và dịch vụ nhà tự có tự ở của dân cư và áp dụng tính toán theo năm gốc 2010. Kết quả là,thu nhập bình quân đầu người (GDP đầu người)năm 2013 đạt 1.890 USD/người, tăng hơn 8 % so với năm trước là 1.749 USD/người. Mức thu nhập hấp dẫn với các nhà đầu tư nước ngoài là 3.000 USD/người/năm.

Với tốc tăng trưởng GDP bình quân đầu người được duy trì, trong vòng từ 4-5 năm, thị trường bán lẻ Việt Nam sẽ thực sự hấp dẫn các nhà đầu tư nước ngoài. Động thái mở rộng mạng lưới của các nhà bán lẻ tại Việt Nam trong năm như Ocean Retail, Saigon Co.op, Lotte Mart, Parkson và sự thâm nhập của các nhà bán lẻ nước ngoài như Aeon (Nhật Bản), Auchan (Pháp) là những dấu hiệu tích cực cho thị trường.

GDP Đầu người

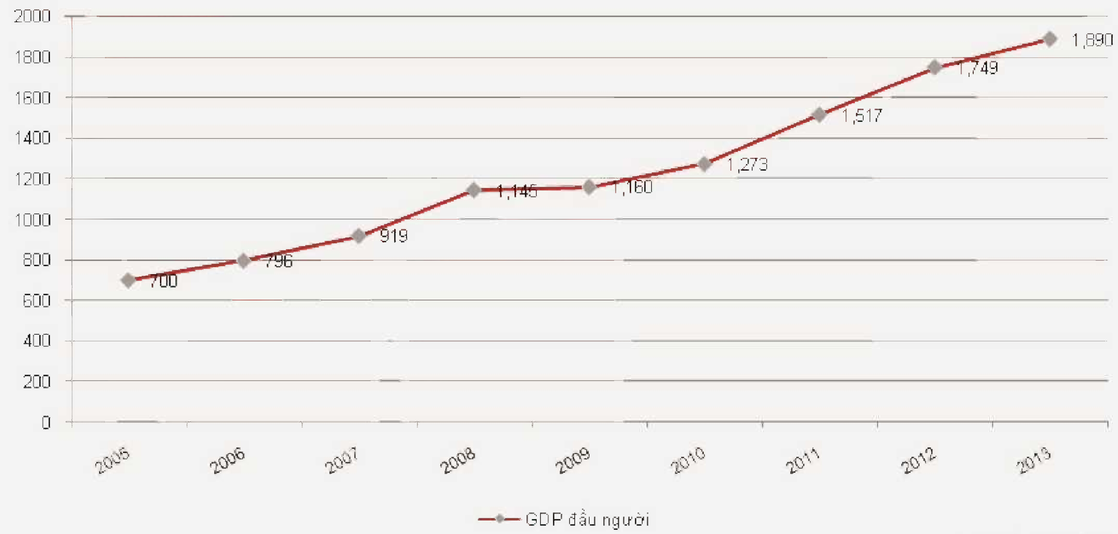

Nguồn: Tổng cục Thống kê

Giá thuê mặt bằng bán lẻ trung bình có xu thế giảm so với năm 2012, tỉ lệ trống tăng so với năm trước. Các yếu tố khác như chi phí nhân công, điện, chi phí vận chuyển đều tăng so với năm trước.

Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Báo cáo Triển vọng Kinh tế Toàn cầu 2013-IMF
(*) Indonesia, Thái Lan, Malaysia, Phillippines và Việt Nam

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, GDP năm 2013 theo giá so sánh 2010 ước tính tăng 5,42% so với năm 2012. Mức tăng trưởng thấp hơn so với mục tiêu tăng trưởng kinh tế 5,5%, nhưng cao hơn mức tăng 5,25% năm 2012.Theo số liệu của Quỹ Tiền tệ Quốc tế-IMF, tốc độ tăng trưởng của Việt Nam cao hơn tốc độ bình quân của các nước Đông Nam Á. Tốc độ tăng trưởng thấp ảnh hưởng tới nhu cầu tiêu dùng nguyên liệu và hàng tiêu dùng.

Tỉ lệ lạm phát, CPI cuối kỳ (%)

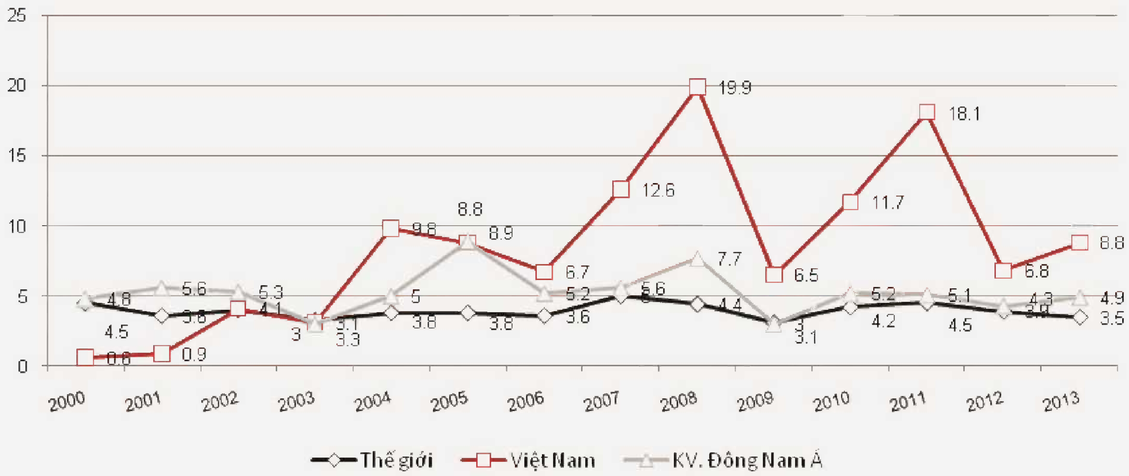

Báo cáo Triển vọng Kinh tế Toàn cầu 2013-IMF

Tăng trưởng tín dụng và lãi suất: tốc độ tăng trưởng tín dụng bình quân 8.8% trong năm 2013, so với mức 5% năm 2012.Mặt bằng lãi suất chung trong năm giảm. Theo thống kê năm 2012, tỷ lệ nợ/vốn chủ sở hữu của các doanh nghiệp phi tài chính hiện đang niêm yết trên thị trường chứng khoán là 1,5 lần. Trong đó, chủ yếu là vốn tín dụng từ các ngân hàng thương mại. Việc mở rộng hay thu hẹp tín dụng của Ngân hàng Nhà nước, cùng với biến động lãi suất sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến nguồn vốn và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Tăng trưởng tín dụng

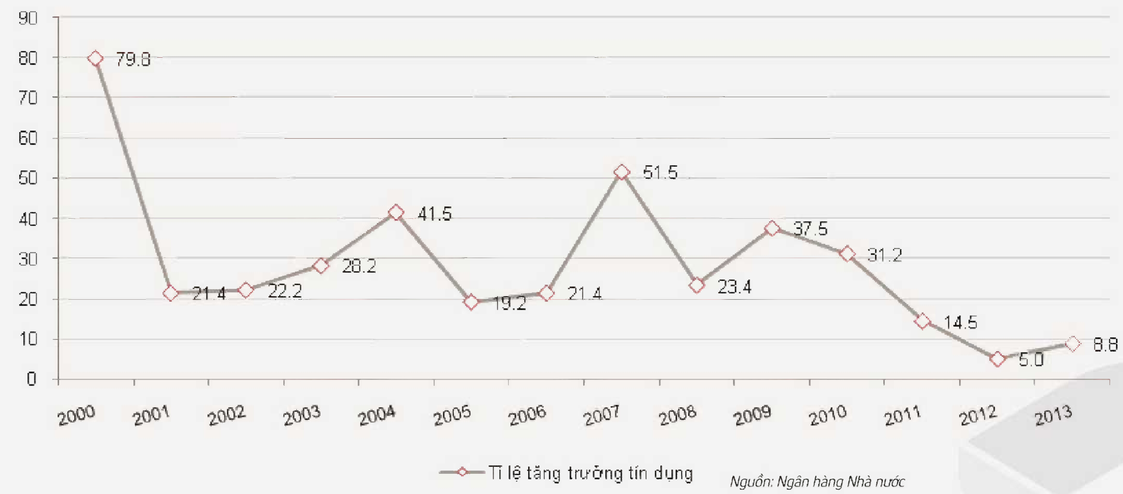

Nguồn: Ngân hàng Nhà nước

Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI):

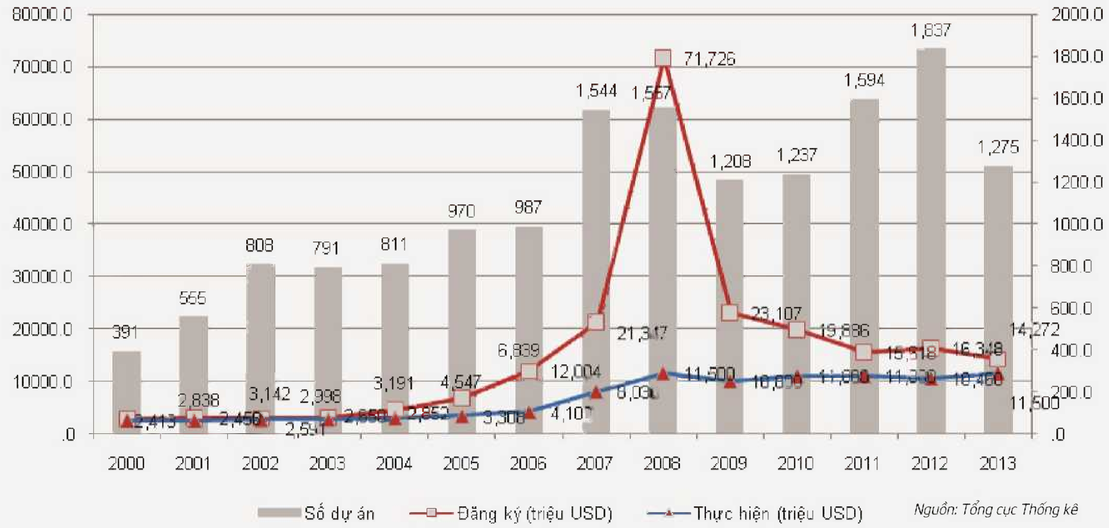

Nguồn: Tổng cục Thống kê

Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI): FDI đăng ký trong năm 14,3tỷ USD, thực hiện ước đạt 11,5 tỷ USD. Nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài là nguồn vốn bổ sung cho tăng trưởng kinh tế. Bên cạnh đó nguồn vốn FDI đòi hỏi nguồn vốn đối ứng trong nước và có thể tác động đến yếu tố tỷ giá.

TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY

Công ty CP Quốc tế Sơn Hà, tiền thân là Công ty TNHH Cơ Kim khí Sơn Hà được thành lập vào ngày 17/11/1998 theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0103020425 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội, chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần vào ngày 30/10/2007. Công ty hiện đang hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100776445, được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 8 ngày 12/04/2013. Công ty sản xuất và kinh doanh các sản phẩm từ thép không gỉ, bao gồm bồn chứa nước, chậu rửa, ống thép và máy đun nước nóng sử dụng năng lượng mặt trời-Thái Dương Năng, các bán thành phẩm và gia công cuộn cán. Công ty đã góp vốn và đang mở rộng hoạt động sang lĩnh vực bán lẻ. Vốn đầu tư của chủ sở hữu tính đến thời điểm 31/12/2013 là 267.107.230.000 đồng. Công ty thực hiện niêm yết và giao dịch phiên đầu tiên tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ngày 30/12/2009 với mã chứng khoán SHI.

HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT CÔNG TY NĂM 2013

Trong năm 2013, tiếp tục thực hiện chiến lược mở rộng thị trường, tăng thị phần, HĐQT đã ra quyết định thành lập một số chi nhánh tại các tỉnh/thành phố như Tuyên Quang, Sóc Sơn, Thái Nguyên, Phú Thọ, Quảng Bình, Cẩm Phả và Hà Tĩnh.
Trong năm, HĐQT cũng đã quyết định thoái vốn toàn bộ/một phần tại các công ty thành viên: chuyển nhượng 968.200 cổ phần tại Công ty CP Phát triển Năng lượng Sơn Hà, chuyển nhượng 1.680.000 cổ phần tại Công ty CP Sơn Hà Sài Gòn.
Năm 2013 cũng là năm kết thúc nhiệm kỳ đầu tiên của HĐQT và Ban Kiểm soát kể từ khi Công ty chuyển sang hình thức cổ phần đánh dấu bằng sự kiện bầu lại HĐQT và Ban Kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2013-2018 tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2013.
Trong năm 2013, HĐQT cũng đã ra quyết định luân chuyển cán bộ ở vị trí Kế toán Trưởng Công ty nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ vững mạnh hơn.
Tiếp tục chiến lược đa dạng hóa ngành nghề một các thận trọng, Công ty CP Hiway Việt Nam, công ty có vốn góp của Công ty CP Quốc tế Sơn Hà, đã khai trương siêu thị thứ hai tại Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội vào ngày 22/11/2013.

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Giải ngân theo phương án phát hành
Nguồn chưa giải ngân cho đầu tư thiết bị tại Nhà máy Hà Nội 19,21 tỷ đồng được bổ sung cho vốn lưu động theo nghị quyết số 01/2013/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2013 ngày 27/4/2013.
Biến động các khoản đầu tư trong năm
Trên báo cáo tổng hợp thể hiện, Công ty đã thực hiện mua sắm TSCĐ hữu hình với tổng giá trị là 19,9 tỷ đồng, phần lớn nhằm phục vụ sản xuất sản phẩm bồn nhựa. Trong đó, nhà cửa, vật kiến trúc là 0,2 tỷ đồng, MMTB có tổng giá trị 15,1 tỷ đồng; phương tiện vận tải, truyền dẫn 3,7 tỷ đồng; thiết bị, dụng cụ quản lý là 0,9 tỷ. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phát sinh tăng 5,2 tỷ đồng. Đầu tư vào công ty 100% vốn Sơn Hà Chu Lai tăng gần 3 tỷ đồng.
Trong năm, Công ty cũng thực hiện thoái vốn đầu tư ở một số công ty có vốn góp: 968.200 cổ phần tại Công ty CP Phát triển Năng lượng Sơn Hà và 1.680.000 cổ phần tại Công ty CP Sơn Hà Sài Gòn.

CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT

Công ty con:
Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai
Địa chỉ: Khu Công nghiệp Bắc Chu Lai, Xã Tam Hiệp, Huyện Núi Thành, Tỉnh Quảng Nam
Vốn điều lệ: 10.000.000.000 đồng
Tỉ lệ sở hữu: 100%
Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh Thương mại Vinaconex
Địa chỉ: Số 8 đường Quang Trung, Phường Quang Trung, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội
Vốn điều lệ: 63.932.530.000 đồng
Tỉ lệ sở hữu: 71,13%
Công ty liên kết
Công ty CP Sơn Hà Sài Gòn
Địa chỉ:
Vốn điều lệ: 80.000.000.000 đồng
Tỉ lệ sở hữu: 30%
Công ty CP Đầu tư Phát triển Đô thị Kiến Hưng
Địa chỉ: B14-TT18 Khu đô thị mới Văn Quán, Xã Phúc La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội
Vốn điều lệ: 50.000.000.000 đồng
Tỉ lệ sở hữu: 30% (trong đó 15% là nhận ủy thác)

MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CỦA CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Đơn vị tính: tỷ đồng

Công ty	Tổng tài sản	DT thuần	LN sau thuế
Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai (*)	-	-	-
Công ty CP đầu tư và Kinh doanh Thương mại Vinaconex	251	63,8	2,1
Công ty CP Sơn Hà Sài Gòn	213,8	346,8	5,5
Công ty CP đầu tư Phát triển Đô thị Kiến Hưng (**)	-	-	-

(*): Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai chưa có hoạt động sản xuất kinh doanh

(**): Công ty CP đầu tư Phát triển đô thị Kiến Hưng đang trong giai đoạn giải phóng mặt bằng, chưa phát sinh doanh thu.

KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2013

Đơn vị tính: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện
1	**Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**1.819,8**
2	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	10,1
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	7,1
	Trong đó: lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	4,0
4	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	152
5	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN (31/12/2013)**	**1.423,8**
5.1	Tài sản ngắn hạn	950,5
5.2	Tài sản dài hạn	473,3
6	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (31/12/2013)**	1.423,8
6.1	Nợ phải trả	1.047,3
6.2	Nguồn vốn chủ sở hữu	363,3
6.3	Lợi ích của cổ đông thiểu số	13,2

So với kế hoạch đề ra

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ hoàn thành
1	Doanh thu	2.400	1.819,8	75,8%
2	Lợi nhuận sau thuế	10	4	40%
3	Cổ tức (đồng/cp)	300	-	-

Như vậy, so với kế hoạch, chỉ tiêu doanh thu thực hiện đạt 75,8% so với kế hoạch, chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ chỉ đạt 40%. Nguyên nhân là do:
Doanh thu xuất khẩu giảm do ảnh hưởng của việc Hoa Kỳ áp thuế chống bán phá giá đối với mặt hàng ống thép xuất khẩu, hơn nữa Công ty không thực hiện hợp nhất báo cáo của Công ty CP Sơn Hà Sài Gòn ở quý 4, thời điểm Công ty thoái vốn ngày 6/11/2013.
Chi phí bán hàng tăng do Công ty thực hiện tăng ngân sách cho quảng cáo và các chương trình khuyến mại trong năm.
Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng do năm nay phát sinh chi phí thuê luật sư để xử lý vụ kiện chống bán phá giá là 3.2 tỷ đồng và dự phòng công nợ phải thu.

SO SÁNH HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG VỚI CÁC CÔNG TY CÙNG NGÀNH TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC

Chỉ tiêu	DTL	HLA	HSG	SHI	Froch enterprise [1]	Yeun Chyang Industrial [2]
Tỉ lệ lãi g ộp (%)	8,25%	8,3%	%	3%	6,3%	6,7%
Tỉ suất LN từ HĐKD (%)	1,1%	4,6%	%	0,6%	0,2%	2,6%
Tỉ suất LN sau thuế(%)	0,9%	4,3%	%	0,4%	-0,8%	2,5%
EBIT/DT thuần (%)	4,6%	-1%	%	5,2%	N/A	3,3
EBITDA/DT thuần (%)	7%	-1%	%	7,4%	2,1	2.5%
EPS (đồng)	361	5.028		152	N/A	N/A
PE (lần)	27,7	-	9,5	48	N/A	17,2
ROA (%)	0.9%	8,3%	%	0,5%	-1%	5,2%
ROE (%)	2.6%	%	%	2,0%	-3,6%	8,7%
Nợ/Vốn CSH (lần)	2,0	6,1	2,3	2,9	235	46,4

(1) Froch Enterprise Co, Ltd là công ty Đài Loan chuyên sản xuất và mua bán các sản phẩm ống thép không gỉ, ống thép, ống đồng, ống dẫn bằng nhôm và các sản phẩm liên quan. Công ty cung cấp ống thép không gỉ, các thanh thép góc không gỉ và cuộn thép không gỉ. Công ty niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Đài Loan, vốn hóa của công ty vào ngày 25/3/2014 là hơn 88,4 triệu đô la Mỹ-Reuters.

(2) Công ty TNHH Công nghiệp Yeun Chyang là công ty Đài Loan chuyên sản xuất và phân phối các sản phẩm thép không gỉ. Công ty cung cấp ống thép không gỉ công nghiệp, ống thép không gỉ kết cấu, tấm thép không gỉ mỏng, tấm thép không gỉ dày, sản phẩm thép không gỉ góc, các sản phẩm thép không gỉ cán mỏng và một số sản phẩm thép không gỉ khác. Sản phẩm được áp dụng trong ngành công nghiệp như hóa chất, xây dựng, thực phẩm, máy móc, bảo vệ môi trường, chữa cháy, viễn thông, cũng như sản xuất của các cửa ra vào, cửa sổ, kệ. Công ty phân phối sản phẩm của mình tại thị trường trong nước và nước ngoài. Công ty niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Đài Loan, vốn hóa của công ty vào ngày 25/3/2014 là khoảng 318,5 triệu đô la Mỹ-Reuters.

So với các công ty cùng ngành trong nước, về hiệu quả SHI sau DTL và HSG mà chỉ hơn HLA. Tỉ lệ lãi gộp của SHI tương đương với HSG, nhưng tỉ suất lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh và lợi nhuận sau thuế thấp hơn HSG. Hiện tượng này phản ánh, tỉ trọng các chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý của SHI chiếm tỉ trọng so với doanh thu cao hơn so với HSG. Tuy nhiên, chỉ tiêu về định giá PE của SHI cao hơn của HSG. Cuối cùng, về chỉ tiêu an toàn tài chính, SHI nằm trong nhóm có chỉ số nợ vay/vốn CSH tương đối cao. So với Yeun Chyang Industrial, công ty Đài Loan, các chỉ số của SHI đều cho thấy tỉ suất lợi nhuận đều thấp hơn.

CÁC QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các quyết định của HĐQT được liệt kê chi tiết tại Báo cáo Quản trị Công ty 2013. Tóm tắt một số quyết định quan trọng như sau:

Stt	Số NQ/ QĐ	Ngày	Nội dung
1	201/2013/NQ-HĐQT	25/2/2013	Triệu tập ĐHĐCĐ thường niên 2013
2	293/2013/NQ-HĐQT	19/3/2013	Thành l ập các chi nhánh Tuyên Quang, Sóc Sơn, Thái Nguyên
3	325/2013/NQ-HĐQT	26/3/2013	Thông qua chủ trương chuyển đổi mục đích xây dựng tại dự án Khu đô thị Kiến Hưng
4	338/2013/NQ-HĐQT	28/3/2013	Thành lập chi nhánh Phú Thọ và thay đổi địa điểm họp ĐHĐCĐ
5	558/2013/NQ-HĐQT	7/5/2013	Phân công nhiệm vụtrong HĐQT và thông qua Quy chế Quản trị Công ty
6		27/5/2013	Biên bản họp HĐQT cam kết trung thực trong thực hiện nhiệm vụvà tính độc lập của các thành viên HĐQT độc lập
7	752/2013/NQ-HĐQT	5/6/2013	Thông qua chuyển nhượng 968.200 cổphần tại Công ty CP Phát triển Năng lượng Sơn Hà
8	1295/2013/NQ-HĐQT	24/9/2013	Thông qua việc chia cổ tức năm 2012
9	1339/NQ-HĐQT	30/9/2013	Thông qua chuyển nhượng 1.680.000 cổ phần tại Công ty CP Sơn Hà Sài Gòn
10	1516/2013/NQ-HĐQT	30/10/2013	Miễn nhiệm chức danh Kế toán Trưởng Công ty đối với Bà Nguyễn Thị Như Dung
11	1517/2013/NQ-HĐQT	30/10/2013	Bổ nhiệm chức danh Kế toán Trưởng Công ty đối với Bà Tôn Thị Thiện An
12	1728/2013/NQ-HĐQT	19/12/2013	Thành lập chi nhánh Công ty tại Quảng Bình, Cẩm Phả và Hà Tĩnh

Ngoài ra còn các quyết định liên quan đến việc vay vốn tín dụng từ các ngân hàng thương mại để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG ĐỐI VỚI TỔNG GIÁM ĐỐC

-Họp và thẩm định Báo cáo tài chính Qúy, 6 tháng và năm, chỉ đạo ban điều hành hoàn thành báo cáo tài chính kiểm toán, soát xét và Báo cáo thường niên 2012.
-Triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên 2013, chỉ đạo Ban Điều hành tổ chức thành công đại hội.
-Phê chuẩn tờ trình luân chuẩn chức danh Kế toán Trưởng.
-Phê chuẩn các tờ trình vay vốn thuộc thẩm quyền của HĐQT, thành lập chi nhánh, thoái vốn tại các dự án/công ty con, công ty liên kết.

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2014 CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Dự báo tăng trưởng kinh tế thế giới trong năm 2014 vẫn yếu, các động lực phát triển đang thay đổi dẫn đến thay đổi chính sách và sức lan tỏa đang là mối quan tâm lớn. Chính sách tiền tệ của Hoa Kỳ đang tiến tới điểm giới hạn, làm gia tăng sản lượng trong dài hạn của Hoa Kỳ và một số quốc gia khác. Thay đổi này gây rủi ro cho các nền kinh tế mới nổi mà ở đó hoạt động kinh tế đang chậm lại và chất lượng tăng trưởng đang kém đi. Tăng trưởng của Trung Quốc cũng chậm lại, gây ảnh hưởng tới nhiều quốc gia khác. Một số vấn đề còn tồn tại như hệ thống tài chính rệu rã của Khu vực đồng Euro và tỉ lệ nợ công cao tại các quốc gia phát triển, chưa được giải quyết và có thể châm ngòi cho cuộc khủng hoảng mới. Các nền kinh tế chính có thể phải nhanh chóng đưa ra các chính sách nhằm cải thiện tình hình: Hoa Kỳ và Nhật Bản xây dựng và thực thi một chính sách mạnh mẽ với các công cụ nhằm điều chỉnh chính sách tài khóa trung hạn và cải cách toàn diện. Khu vực đồng Euro phát triển mạnh hơn liên minh tiền tệ và lành mạnh hệ thống tài chính. Trung Quốc có chính sách thúc đẩy tiêu dùng trong nước để cân bằng chính sách tăng trưởng hiện đang dựa vào xuất khẩu và đầu tư. Các nền kinh tế mới nổi tiếp tục thực hiện tái cơ cấu.

Tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế Việt Nam đang chậm lại. Tốc độ tăng và tính bền vững của GDP đang phụ thuộc vào hiệu quả cải cách hệ thống ngân hàng và các doanh nghiệp nhà nước. Tuy nhiên, một mức tăng cao hơn của chỉ tiêu GDP trong năm 2014 vẫn đang được dự báo; tỉ lệ lạm phát được dự báo thấp hơn; thặng dư cán cân vãng lai tiếp tục duy trì trong năm 2014 và năm tiếp theo. Tuy nhiên, trong 2 năm qua, các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đóng góp ngày càng nhiều hơn cho chỉ tiêu xuất khẩu, trong khi xuất khẩu từ các công ty có vốn đầu tư trong nước gần như không thay đổi.
Năm 2014, Công ty đối diện với những thách thức lớn có thể tóm lược như sau:

-Đối với sản xuất các sản phẩm từ thép không gỉ: (i) giá nguyên liệu đầu vào có khả năng tăng do giá thế giới tăng và một số nguồn nhập khẩu lớn, trong khi chưa tìm được nguồn thay thế, sẽ bị áp thuế chống bán phá giá theo quy định của Bộ Công thương từ 25/1/2014 và nhà cung cấp trong nước sẽ tận dụng chính sách bảo hộ để tăng giá và/hoặc áp dụng các điều kiện thanh toán bất lợi hơn; (ii) thị trường xuất khẩu ống thép gặp khó khăn do cuối tháng 12/2013. Bộ Thương mại Hoa Kỳ (DOC) đã thông báo kết luận sơ bộ việc điều tra chống bán phá giá mặt hàng ống thép hàn chịu lực không gỉ. Theo đó, mức thuế đối với bị đơn bắt buộc của Việt Nam là 17,72% và mức thuế suất toàn quốc cho toàn bộ các nhà sản xuất, xuất khẩu khác là 53,92%. Thị trường trong nước còn khó khăn do kinh tế chưa hồi phục rõ rệt làm ảnh hưởng đến quyết định dài hạn của người tiêu dùng; (iv) Giá điện có khả năng tiếp tục điều chỉnh tăng theo lộ trình đã được Thủ tướng phê duyệt khung giá bán lẻ điện năm 2013-2015, với giá từ 1.347 đồng/kWh đến 1.835 đồng/kWh tại Quyết định 2165 ngày 11/11/2013. Điều này có nghĩa, tới năm 2015, giá điện có thể tăng tới 21,6%, trung bình mỗi năm sẽ tăng hơn 10%; (v) Chi phí nhân công có khả năng tăng, một phần để đáp ứng yêu cầu nâng cao thu nhập cho người lao động nói chung và tuân thủ quy định về mức lương tối thiểu vùng tăng theo Nghị định số 182/2013/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 14/11/2013. Theo đó, mức lương tối thiểu vùng đối với doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn thuộc vùng I tăng từ 2.350.000 đồng/tháng lên 2.700.000 đồng/tháng, tăng 350.000 đồng/tháng so với quy định trước đó.

-Đối với các ngành nghề khác mà Công ty có vốn đầu tư: thị trường bất động sản vẫn trong tình trạng khó khăn nên tiến độ triển khai dự án Kiến Hưng bị chậm lại nhiều so với dự kiến, ảnh hưởng tới dòng tiền về dự kiến của Công ty. Việc triển khai tiếp các siêu thị của chuỗi siêu thị Hiway cũng đang được xem xét thận trọng do bối cảnh tốc độ tăng trưởng tổng mức hàng hóa bán lẻ và doanh thu dịch vụ tiêu dùng suy giảm: năm 2013 ước tính đạt 2618 nghìn tỷ đồng, tăng 12,6% so với năm 2012 và là mức tăng thấp nhất trong vòng 4 năm trở lại đây, loại trừ yếu tố giá năm 2013 tăng 5,6%.

-Tình hình tài chính của Công ty: trên báo cáo tổng hợp tại thời điểm 31/12/2013, tỉ lệ vốn vay/vốn chủ sở hữu của công ty mẹ là ~ 1.8 lần, nợ phải trả/vốn chủ sở hữu là 2,6 lần. Do tỉ lệ đòn bẩy tài chính cao nên mặc dù lãi suất đã giảm trong thời gian qua nhưng kết quả kinh doanh chưa được cải thiện.
Trước những thách thức này, HĐQT thống nhất đưa ra chiến lược cho năm tài chính 2014 cụ thể như sau:

-Thực hiện chính sách đa dạng hóa nguồn nguyên liệu và thị trường sản phẩm.

-Xây dựng và triển khai các chính sách tiết kiệm trong quá trình sản xuất: cải tiến dây chuyền sản xuất, hợp lý hóa quy trình sản xuất theo hướng tiết kiệm năng lượng, chi phí nhân công.

-Xây dựng chính sách lương hợp lý nhằm thu hút đội ngũ công nhân kỹ thuật lành nghề, nâng cao năng suất lao động, xây dựng hệ thống thông tin quản trị doanh nghiệp hiệu quả.-Thực hiện đầu tư dự án sản xuất tại Chu Lai để đáp ứng nhu cầu thị trường khu vực Duyên Hải miền Trung, giảm chi phí vận chuyển sản phẩm và hưởng các chính sách ưu đãi tại địa phương.

-Tiếp tục thoái vốn có chọn lọc, điều chỉnh danh mục tài sản đầu tư theo hướng tiếp tục nâng chuẩn danh mục tài sản, chú trọng đến tính thị trường, thanh khoản của tài sản.

-Thực hiện chính sách hợp tác đầu tư để phát triển chuỗi siêu thị Hiway.

-Tăng vốn chủ sở hữu thông qua tăng vốn điều lệ và lợi nhuận tích lũy trên cơ sở nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.

-Tăng cường các nguồn vốn ổn định hơn để đáp ứng nhu cầu đầu tư dài hạn.
Với dự báo về tình hình năm 2014, HĐQT đặt kế hoạch với doanh thu hợp nhất 2.000 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 10 tỷ đồng, cổ tức 300 đồng/cổ phiếu.

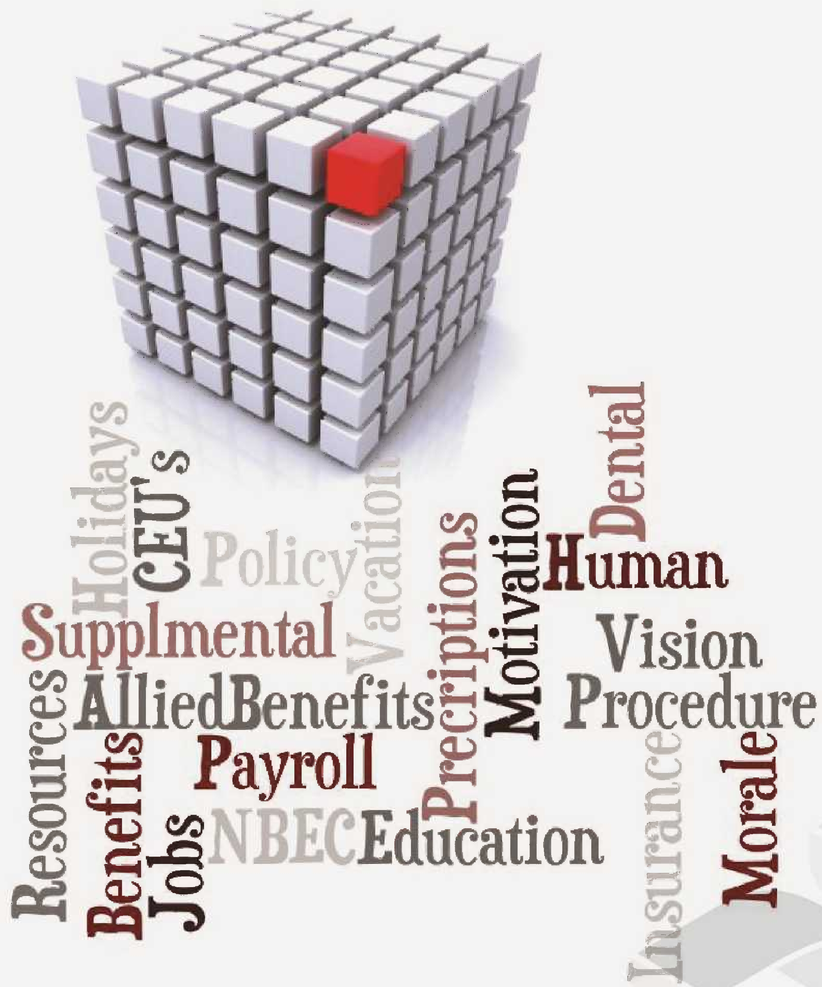

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

TÌNH HÌNH KINH DOANH

1.Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện(tỷ đồng)
1	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.819,8
2	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	10,1
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	7,1
	Trong đó: Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	4
4	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	152

2.So với chỉ tiêu đề ra

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	%
1	Doanh thu	2.400	1.819,8	75,8%
2	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	10	4	40%

So với kế hoạch, chỉ tiêu doanh thu thực hiện đạt 75,8% so với kế hoạch, chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ chỉ đạt 40%. Nguyên nhân là do:
Doanh thu xuất khẩu giảm do ảnh hưởng của việc Hoa Kỳ áp thuế chống bán phá giá đối với mặt hàng ống thép xuất khẩu, hơn nữa Công ty không thực hiện hợp nhất báo cáo của Công ty CP Sơn Hà Sài Gòn ở quý 4.
Chi phí bán hàng tăng do Công ty thực hiện tăng ngân sách cho quảng cáo và các chương trình khuyến mại trong năm.
Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng do năm nay phát sinh chi phí thuê luật sư để xử lý vụ kiện chống bán phá giá là 3,2 tỷ đồng, dự phòng công nợ phải thu.

3.Các hoạt động trong năm

a. Kinh doanh hướng tới phát triển thị trường và quảng bá sản phẩm.
Phát triển thị trường trong nước đối với sản phẩm ngành hàng gia dụng: trong năm Ban Điều hành đã trình HĐQT ra quyết định thành lập các chi nhánh ở các tỉnh, thành phố như Tuyên Quang, Sóc Sơn, Thái Nguyên, Phú Thọ, Quảng Bình, Cẩm Phả và Hà Tĩnh; tham gia hội trợ triển lãm trong nước như Vietbuild Hà Nội, Hồ Chí Minh và Đà Nẵng; giới thiệu sản phẩm cải tiến với các tính năng ưu việt hơn ra thị trường, đó là các sản phẩm Thái Dương Năng thế hệ mới, sản phẩm chậu rửa được thiết kế lại thuận tiện và tính thẩm mỹ cao hơn; đẩy mạnh việc tiêu thụ mặt hàng có tiềm năng như bồn nhựa; và giới thiệu sản phẩm mới là bồn chứa nước lắp ghép Sơn Hà BK.
Mở rộng thị trường xuất khẩu thông qua các hoạt động xúc tiến bán hàng đối với sản phẩm công nghiệp xuất khẩu thông qua tham gia hội chợ triển lãm ống thép tại Nga, Thổ Nhĩ Kỳ, đẩy mạnh đổi mới cơ cấu sản phẩm sang chủng loại thép mác 304.
Đẩy mạnh hoạt động quảng bá sản phẩm thông qua các hoạt động quảng cáo như thuê biển quảng cáo ống thép không gỉ khổ lớn tại trục đường lên sân bay Nội Bài và Tân Sơn Nhất, tổ chức hội nghị nhà cung cấp tại Hà Nội và hội nghị khách hàng tại Cửa Lò bên cạnh việc duy trì thường xuyên các chương trình khuyến mại, giảm giá và các chương trình khác cho nhà cung cấp và khách hàng.
b. Sản xuất tập trung vào công tác kế hoạch, quản lý chất lượng sản phẩm, hiệu quả ngân sách.
Sản lượng thực hiện theo khá sát so với kế hoạch: sản lượng bồn inox đạt 99,5% so với kế hoạch, Thái Dương Năng đạt 101%, chậu rửa đạt 92,3% , bồn nhựa đạt 95,3%, ống công nghiệp đạt 99,1%, ống trang trí đạt 98%.
Chất lượng được kiểm soát: tỉ lệ lỗi vật tư linh kiện đầu vào tại nhà máy Diễn và nhà máy Phùng đều nằm trong biên độ cho phép; quản lý xuất hàng và xử lý khiếu nại đạt 100%.

Công tác kế hoạch tiếp tục được cải thiện: kế hoạch xuất hàng so với kế hoạch kinh doanh của các mặt hàng phần lớn đều nằm trong biên độ ± 10%, tăng đột biến so với kế hoạch; kế hoạch sản xuất so với đặt vật tư đều khá sát với tỉ lệ nằm trong phạm vi ± 7%.
Hoạt động sửa chữa được cải thiện với tỉ lệ số lượng lỗi đang giảm theo tháng, tuy nhiên tỉ lệ chủ động kiểm soát lỗi chưa tốt.
Ngân sách sản xuất được cắt giảm với tỉ lệ 24,4% so với kế hoạch và được thực hiện ở hầu hết các công đoạn sản xuất.

c. Tài chính thực hiện các biện pháp cải tiến quy trình, thực hiện mua sắm tài sản theo kế hoạch và nâng cao hiệu quả hệ thống thông tin tài chính doanh nghiệp.

Phối hợp hiệu quả với các bộ phận khác trong việc lập ngân sách tài chính, thực hiện các biện pháp tiết kiệm trong quá trình sản xuất, quản lý hoạt động kinh doanh, tinh gọn bộ máy quản lý.
Liên tục thực hiện điều chỉnh cho phù hợp với thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh đối với các quy trình nghiệp vụ kế toán, thanh toán, quản lý nguyên vật liệu, sản phẩm và các tài sản dài hạn.
Thực hiện mua sắm tài sản cố định và phương tiện vận tải theo kế hoạch để phục vụ sản xuất ống thép và bán hàng tại các chi nhánh.
Thiết lập và duy trì quan hệ tốt với các tổ chức tín dụng để đảm bảo nguồn vốn phục vụ cho sản xuất kinh doanh.
Cải tiến hệ thống thông tin tài chính, quản trị nhằm cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời cho hoạt động điều hành doanh nghiệp.

d. Hành chính Nhân sự tập trung vào việc tuân thủ quy định quản lý hồ sơ, tài liệu, tuyển dụng, đào tạo và quản lý lao động.

Tuân thủ quy định về văn thư lưu trữ như kiểm soát công văn đi đến, quản lý con dấu, tập hợp tài liệu và giải trình với các đoàn thanh tra nhà nước đến từ Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công Thương, Sở Lao động TBXH, công an các cấp; thực hiện công tác kiểm kê tài sản định kỳ.
Đa dạng các hình thức tuyển dụng đảm bảo nguồn nhân lực chuyên môn kỹ thuật và lao động phổ thông, chuẩn hóa ngân hàng đề thi, tổ chức đào tạo nội bộ nhân viên các chi nhánh, nhân viên kinh doanh, thực hiện công tác khen thưởng kỷ luật đúng quy định, tổ chức các sinh hoạt văn hóa nhân các ngày lễ kỷ niệm trong năm.

e. Logistic thực hiện tổ chức lại đội xe vận chuyển trong tình trạng đầu xe giảm do điều chuyển về chi nhánh, đảm bảo và nâng cao năng lực vận chuyển, kết hợp với phương thức vận chuyển bằng xe gắn máy đối với sản phẩm có kích thước cho phép trong nội thành và các huyện ven đô.
Tiếp tục cải thiện dịch vụ sau bán hàng như giảm thời gian kéo bồn, lắp đặt, thực hiện bảo hành.

f. Kiểm soát Nội bộ thực hiện xây dựng quy trình, bộ máy nhân sự và trong năm đã thực hiện kiểm tra hoạt động của hầu hết các phòng ban, chi nhánh, phân xưởng nhằm tăng cường tính tuân thủ của các bộ phận, phòng ban và có những kiến nghị điều chỉnh phù hợp.
Kịp thời phát hiện và kiến nghị xử lý nhiều trường hợp vi phạm quy định trong quá trình thu tiền hàng, quản lý thị trường, thị phần và dịch vụ sau bán hàng và đã kiến nghị điều chỉnh về quy trình, bộ máy nhân sự của các bộ phận, chi nhánh.

g. Bộ phận mua hàng và xuất khẩu thực hiện điều chỉnh danh sách nhà cung cấp nhằm thiết lập hệ thống cung cấp nguồn vật tư ổn định, giá mua hợp lý. Trong năm, các hoạt động xúc tiến bán hàng ra nước ngoài được thúc đẩy theo hướng đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, xây dựng hệ thống khách hàng tin cậy. Ngoài ra, bộ phận xuất khẩu còn là đầu mối để tập hợp tài liệu, tổ chức tiếp đại diện của Bộ Thương mại Hoa Kỳ trong quá trình điều tra chống bán phá giá và kiến nghị đối với phán quyết của Bộ Công Thương về áp thuế chống bán phá giá đối với nguồn nguyên liệu từ bốn quốc gia/vùng lãnh thổ (Trung Quốc, Đài Loan, Malaysia và Indonesia).

h. Bộ phận Công nghệ Thông tin thực hiện tốt việc duy trì hệ thống thông tin ổn định phục vụ công tác quản lý, điều hành; triển khai hệ thống thông tin ở các chi nhánh mới mở, phối hợp với các nhà cung cấp để nâng cấp, chuyển đổi sang các hệ thống công nghệ thông tin tiên tiến đáp ứng yêu cầu quản lý ngày càng phức tạp.

4.Kết quả kinh doanh từng ngành hàng

Doanh thu năm 2013 đạt 1.819,8 tỷ đồng, giảm15,1% so với năm 2012, bằng 75,8% so với kế hoạch; lợi nhuận gộp đạt 260,8 tỷ đồng, giảm 0,1% so với năm 2012. Trong đó, doanh thu từ bồn nước đạt 462,4 tỷ đồng, lợi nhuận gộp 110,2 tỷ đồng; doanh thu từ chậu rửa đạt 43,1tỷ đồng, lợi nhuận gộp 11,6 tỷ đồng; doanh thu từ Thái Dương Năng đạt 87,2 tỷ đồng, lợi nhuận gộp 29,4 tỷ đồng; doanh thu từ ống thép đạt 629 tỷ đồng, lợi nhuận gộp 54,8 tỷ đồng. Trong đó, doanh thu từ xuất khẩu ống thép đạt 315,6,3 tỷ đồng. Doanh thu khác 598,2 tỷ đồng từ hoạt động gia công thép cuộn, cho thuê tòa nhà của Vinaconex Plaza và hoạt động khác, lợi nhuận gộp đạt 54,8 tỷ đồng.
Bồn nước là ngành hàng truyền thống của Sơn Hà với các sản phẩm bồn đứng và bồn ngang, dung tích từ 500 đến 30.000 lít. Trong đó, sản phẩm có dung tích từ 1.000 đến 1.500 lít được tiêu thụ mạnh nhất. Năm 2013, Sơn Hà cung cấp ra thị trường gần 200.000 sản phẩm bồn nước. Doanh thu bồn nước năm 2013 đạt 462,4 tỷ đồng, giảm 4,5% so với mức 484,4 năm 2012; lợi nhuận gộp đạt 110,2 tỷ đồng, giảm gần14% so với mức 128,9 tỷ đồng năm 2012.Thị phần của Sơn Hà chiếm hơn 30%. Năm 2013, dây chuyền sản xuất bồn nhựa được đầu tư, đã đi vào sản xuất và đã đóng góp được 22,7 tỷ trong doanh thu ngành bồn. Trong năm, bồn lắp ghép BK đã được Sơn Hà giới thiệu ra thị trường với những ưu điểm về tính cơ động, dễ lắp đặt và linh hoạt về dung tích.

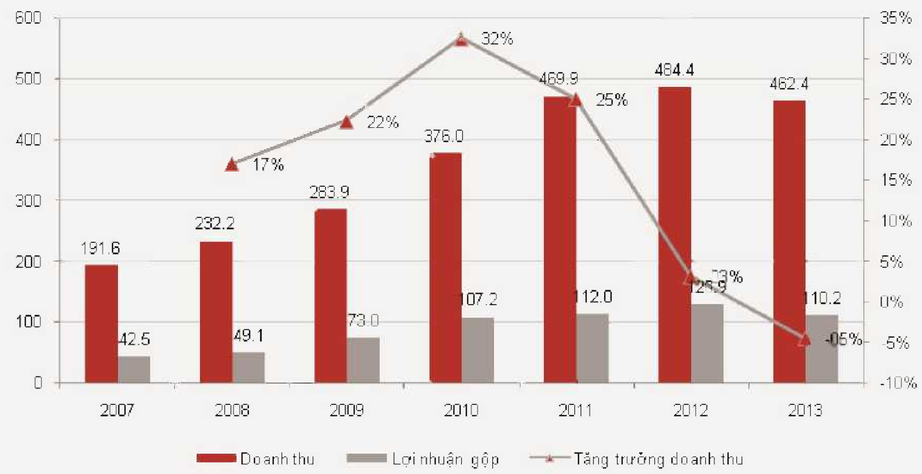

Chậu rửa Sơn Hà được chế tạo từ thép không gỉ mác 201 và 202 với hơn 30 dòng sản phẩm khác nhau. Sản phẩm chậu rửa được tập trung phân phối ở phân khúc khách hàng có thu nhập trung bình. Năm 2013, Sơn Hà cung cấp ra thị trường gần 130.000 bộ chậu rửa. Doanh thu chậu rửa đạt 43,1tỷ đồng, giảm 16,5% so với mức 51,6 tỷ đồngnăm 2012; lợi nhuận gộp 11,6 tỷ đồng, tương đương với mức 11,7 tỷ đồng năm 2012.

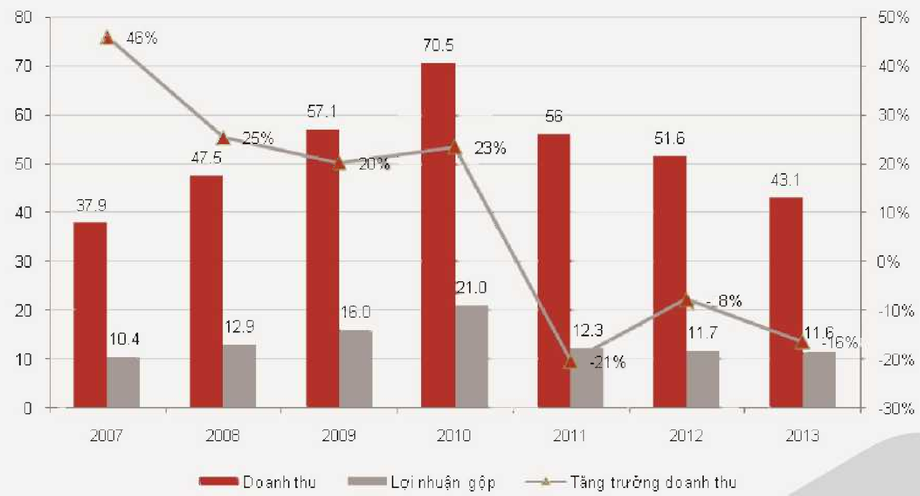

Thái Dương Năng là sản phẩm có tốc độ tăng trưởng cao do đây là mặt hàng sử dụng năng lượng tái tạo, hiện đang được khuyến khích và hỗ trợ của nhà nước. Sơn Hà tiếp tục mở rộng thị trường phía Nam và các tỉnh Duyên hải miền Trung. Năm 2013, Sơn Hà cung cấp ra thị trường gần 18.000 bộ Thái Dương Năng đạt doanh thu 87,2 tỷ đồng, giảm 21,9% so với mức 111,7 tỷ đồng năm 2012; lợi nhuận gộp đạt 29,4 tỷ đồng, giảm 40,1% so với mức 49,1 tỷ đồng năm 2012.

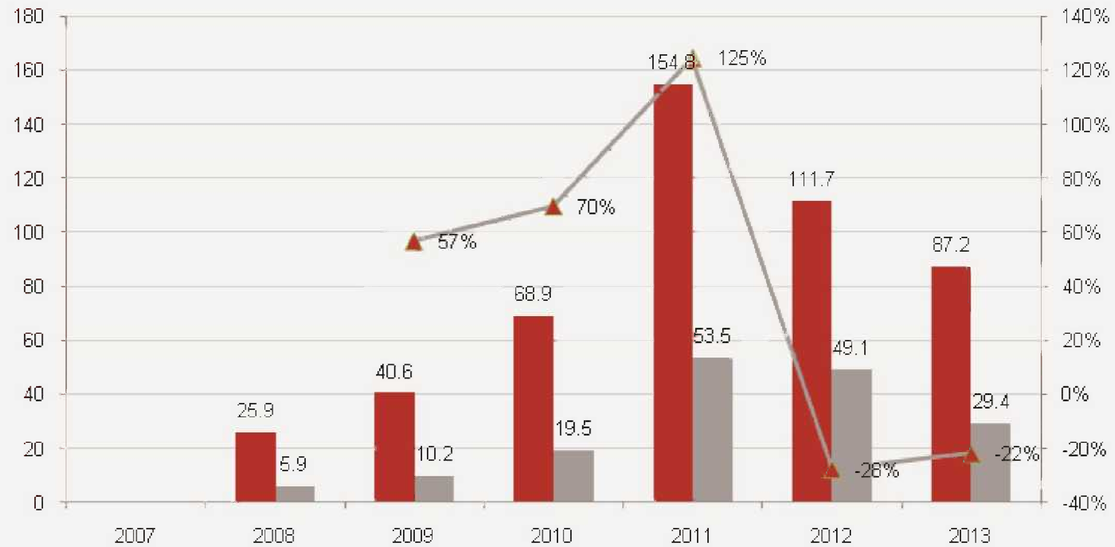

Ống thép không gỉ vẫn là sản phẩm chiến lược của Sơn Hà, đóng góp tỉ trọng lớn trong tổng doanh thu, đặc biệt là ống thép công nghiệp xuất khẩu. Sơn Hà vẫn duy trì vị trí số 1 về ống thép không gỉ xuất khẩu đạt tiêu chuẩn PED (Pressure Equipment Directive) của Cộng đồng Châu Âu. Bên cạnh thị trường truyền thống là Mỹ, Brazin, Sơn Hà tiếp tục mở rộng thị trường Nga, Thổ Nhĩ Kỳ và khu vực Đông Nam Á. Năm 2013, Sơn Hà cung cấp ra thị trường 12,9 nghìn tấn ống thép, đạt doanh thu 629 tỷ đồng giảm 17,5% so với mức 762,6 tỷ đồng năm 2012; lợi nhuận gộp đạt 54,8 tỷ đồng, tăng88,9% so với mức 29 tỷ đồng năm 2012.

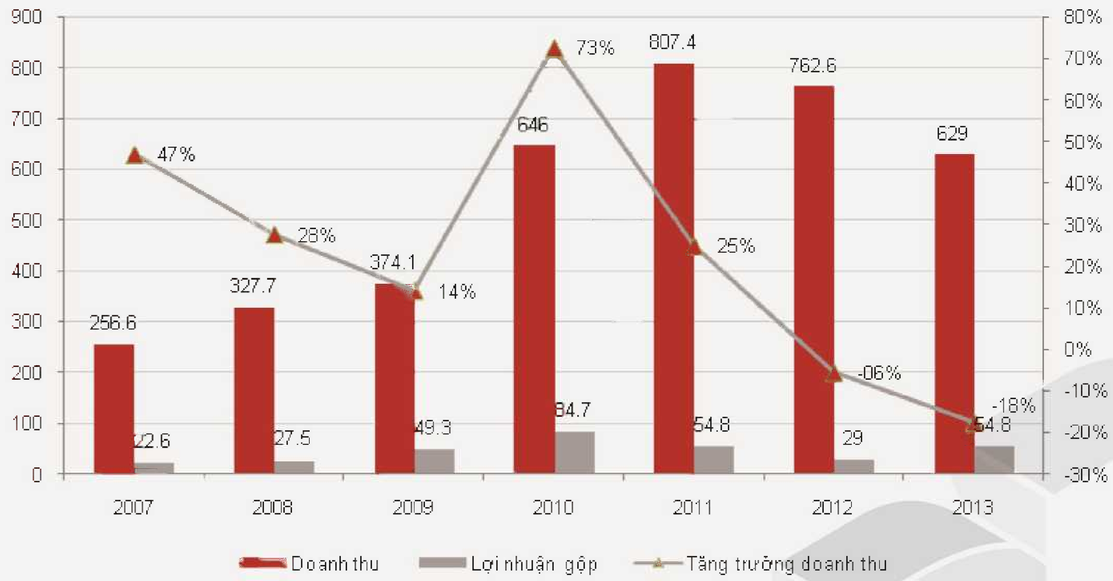

Doanh thu khác, bao gồm doanh thu từ gia công thép cuộn, tiền cho thuê mặt bằng tại Vinaconex Plaza, doanh thu từ kinh doanh siêu thị và các hoạt động khác là 598,2 tỷ đồng, giảm 18,4% so với mức 733,2 năm 2012; lợi nhuận gộp đạt 54,8 tỷ đồng, tăng 29,2% so với mức 42,4 tỷ đồng năm 2012.

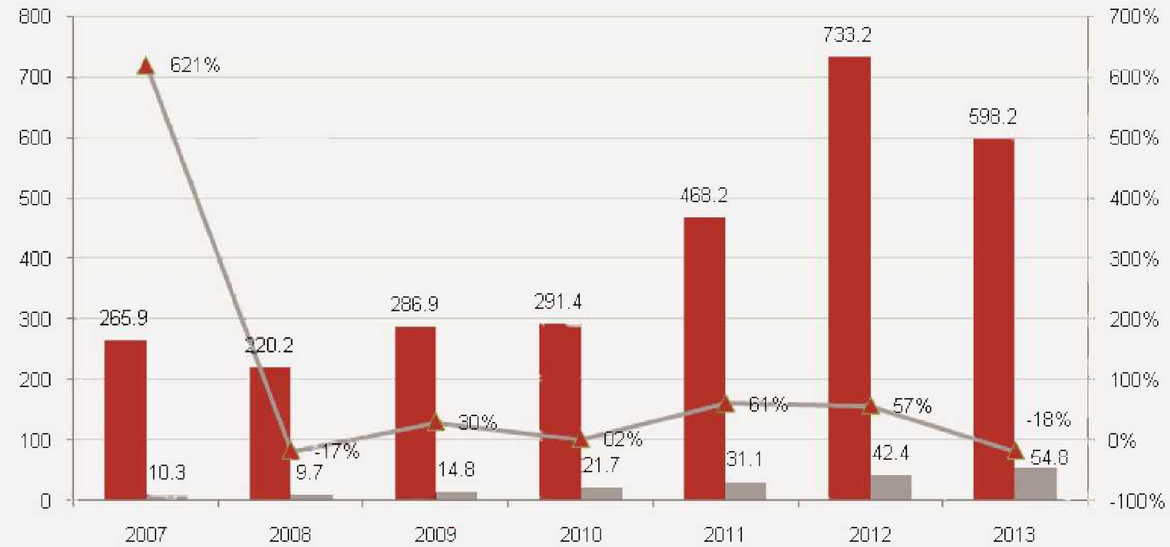

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2012	% tăng giảm
Tổng tài sản	1.423,8	1.614,3	-11,8%
Phải thu khách hàng	240,1	308,6	-22,2%
Hàng tồn kho	569,1	397,1	43,3%
Vốn chủ sở hữu	363,3	370,1	-1,8%
Doanh thu thuần	1.819,8	2.143,5	-15,1%
Lợi nhuận gộp	260,8	261,1	-0,1%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	11,4	20,1	-43,3%
Lợi nhuận khác	-1,4	-1,2	16,7%
Lợi nhuận trước thuế	10,1	18,0	-43,9%
Lợi nhuận sau thuế	7,1	12,7	-44,1%
Mức cổ tức (đồng)	300*	300	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SXKD	25,5	150,3	-83,0%
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	-17,5	-76,6	-77,2%
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	-117,0	-1,6	7.212,5%

(*): mức trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2013

Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh

Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh năm 2013 đạt 11,4 tỷ, giảm 43,3% so với mức năm 2012 là 20,1 tỷ. Lợi nhuận suy giảm là do chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tăng tương ứng là 30% lên mức 100,6 tỷ so với mức 77,4 tỷ năm 2012 và 15% lên mức 61,2 tỷ so với mức 53,2 tỷ năm 2012. Mặc dù, doanh thu tài chính tăng 23,9% đạt 13,3 tỷ so với mức 10,8 tỷ năm 2012; chi phí tài chính giảm 16,7% xuống mức 100,9 tỷ so với mức 77,4 tỷ năm 2012. Mức suy giảm này là do mặt bằng lãi suất chung của tiền gửi và tiền vay trong năm đều giảm.

Lợi nhuận sau thuế

Mức suy giảm lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh dẫn đến lợi nhuận sau thuế giảm 44,1% xuống mức 7,1 tỷ đồng so với mức 12,7 tỷ đồng năm 2012. Và do đó, so với kế hoạch kinh doanh, lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ chỉ đạt 40%.

Tổng tài sản

Tổng tài sản giảm 11,8% ở mức 1.423,8 tỷ đồng so với mức 1.614,3 tỷ đồng năm 2012. Trong đó nợ phải trả giảm 15,8% xuống mức 1.047,3 tỷ đồng so với mức 1.244 tỷ đồng năm 2012. Vốn chủ sở hữu giảm 1,9% xuống mức 363,3 tỷ đồng so với mức 370,1 tỷ đồng năm 2012. Trong năm, Công ty tiến hành trả 7,8 tỷ đồng cổ tức năm 2012.

Phải thu khách hàng

Phải thu khách hàng giảm 22,2% xuống mức 240,1 tỷ đồng so với mức 308,6 tỷ đồng năm 2012.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho tăng 43,3% lên mức 569,1 tỷ đồng so với mức 397,1 tỷ đồng năm 2012. Tại thời điểm 31/12/2013, hàng mua đang đi trên đường là 40,3 tỷ đồng, nguyên vật liệu là 401,9 tỷ đồng, thành phẩm 97,1 tỷ đồng, tồn kho hàng hóa 19,6 tỷ đồng..

Cơ cấu nợ vay

Vay ngắn hạn giảm 17,3% xuống mức 615,9 tỷ đồng so với mức 744,4 tỷ đồng năm 2012. Trong năm, số tiền vay phát sinh là 1.602,6 tỷ đồng, hoàn trả 1.711,8 tỷ đồng. Nợ dài hạn giảm 18,2% xuống mức 104,5 tỷ đồng so với mức 127,8 tỷ đồng năm 2012. Công ty tiếp tục thực hiện tái cơ cấu nguồn vốn phù hợp với cơ cấu tài sản.

Các chỉ tiêu trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Trong năm 2013, dòng tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh giảm xuống mức 25,5 tỷ đồng so với mức 150,3 tỷ đồng năm 2012; dòng tiền từ hoạt động đầu tư ở mức -17,5 tỷ đồng so với mức -76,6 tỷ đồng năm 2012; dòng tiền từ hoạt động tài chính giảm mạnh ở mức -117 tỷ đồng so với mức -1,6 tỷ đồng năm 2012.

CÁC CHỈ TIÊU HIỆU QUẢ

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2012
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
Hệ số thanh toán ngắn hạn (lần)	1,1	1,0
Hệ số thanh toán nhanh (lần)	0,4	0,7
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
Hệ số Nợ/Tổng tài sản (lần)	0,74	0,8
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (lần)	2,9	3,3
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
Vòng quay hàng tồn kho (lần)	5,0	5,0
Doanh thu thuần/Tổng TS (lần)	1,3	1,3
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
Tỉ suất lợi nhuận gộp (%)	14,3	12,2
Hệ số LNST/Doanh thu thuần (%)	0,4	0,6
Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu-ROE (%)	2,0	3,4
Hệ số LNST/Tổng tài sản-ROA (%)	0,5	0,8
Hệ số LN HĐKD/Doanh thu thuần (%)	0,6	0,9
EBIT/Doanh thu thuần (%)	5,2	6,4
EBITDA/Doanh thu thuần (%)	7,4	7,9

Hệ số thanh toán ngắn hạn của Công ty năm 2013 cải thiện, ở mức 1,1 lần so với mức 1,0 lần năm 2012. Tuy nhiên hệ số thanh toán nhanh giảm xuống mức 0,4 lần, so với mức 0,7 lần năm 2012 do hàng tồn kho tăng cao (43,3%).

Cơ cấu vốn của Công ty năm 2013 thay đổi theo hướng giảm nhẹ tỉ trọng Nợ phải trả so với Tổng tài sản và so với Vốn chủ sở hữu. Nguyên nhân chính là do Công ty thực hiện trả nợ vay cao hơn mức vay lại.

Các hệ số về khả năng sinh lời đều giảm ngoại trừ chỉ tiêu tỉ suất lợi nhuận gộp: lợi nhuận gộp tăng từ mức 12,2 % lên mức 14,3%; hệ số lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần giảm từ mức 0,6% xuống 0,4%; hệ số ROE giảm từ 3,4% xuống 2%; hệ số ROA giảm từ 0,8% xuống 0,5%; lợi nhuận hoạt động kinh doanh/doanh thu thuần giảm từ 0,9% xuống 0,6%; hệ số EBIT/ Doanh thu thuần giảm từ 6,4% xuống 5,2%; hệ số EBIT-DA/Doanh thu thuần giảm từ 7,9% xuống 7,4%.

THÙ LAO CỦA BAN TGĐ

STT	Thành viên	Thù lao năm 2013(nghìn đồng)
1	Lê Hoàng Hà-TGĐ	593.491
2	Nguyễn Văn Thuận-Phó TGĐ	479.415
3	Đàm Quang Hùng-Phó TGĐ	464.814
4	Phạm Thị Thanh Hà-Phó TGĐ	464.814
5	Phạm Phú Trường-Phó TGĐ	464.814
6	Đặng Minh Quang-Phó TGĐ *	-
7	Đặng Quốc Huy-Phó TGĐ	464.814

**Ông Đặng Minh Quang hưởng lương tại Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh Thương mại Vinaconex*

KẾ HOẠCH NĂM 2014

Nền kinh tế năm 2014 vẫn nằm trong giai đoạn chuyển đổi mà kết quả còn phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố khách quan và chủ quan. Mức độ cạnh tranh cao giữa các đối thủ lớn và những bất lợi về chính sách là đặc điểm của ngành sản xuất các sản phẩm từ thép không gỉ. Điều chỉnh chiến lược kinh doanh theo hướng linh hoạt, bám sát diễn biến của thị trường và cải thiện tình hình tài chính được xác định là nhiệm vụ trọng tâm trong năm tài chính 2014. Với bối cảnh trên, Ban điều hành đưa ra kế hoạch kinh doanh cho năm 2014 như sau:

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch
1	Doanh thu hợp nhất (đồng)	2,000,000,000,000
2	Lợi nhuận sau thuế (đồng)	10,000,000,000

Các giải pháp chủ yếu:

-Thực hiện chiến lược đa dạng hóa nguồn nguyên liệu và thị trường sản phẩm, tăng cường xúc tiến bán hàng, đẩy mạnh hình ảnh và thương hiệu sản phẩm.

-Nâng cao năng lực sản xuất để đáp ứng kế hoạch tăng sản lượng ở các sản phẩm: xây dựng và giám sát thực hiện mục tiêu chất lượng sản phẩm; thực hiện chương trình đào tạo cho công nhân, cán bộ quản lý; xây dựng mục tiêu tăng năng suất lao động ở các phân xưởng, công đoạn. Cụ thể, 15% đối với phân xưởng gia dụng, 10% ống trang trí, 14% lốc ống công nghiệp, 5% ở tổ cán, ủ; lập và triển khai kế hoạch quản lý vận hành máy móc đảm bảo năng lực vận hành của máy móc thiết bị, giảm sự cố trong quá trình sản xuất; thực hiện kế hoạch cải tiến, giảm chi phí và phát triển sản phẩm mới; xây dựng và quản lý hệ thống thông tin và tiêu chuẩn sản xuất.

-Cải tiến hệ thống thông tin, báo cáo tài chính, quản trị doanh nghiệp, đồng bộ phần mềm quản lý đang được sử dụng trong các bộ phận, phòng ban; đa dạng hóa quan hệ tín dụng với các tổ chức tài chính trong và ngoài nước; tăng cường năng lực tài chính thông qua tăng tỉ trọng vốn chủ sở hữu trong tổng tài sản.

-Thực hiện các biện pháp tuyển dụng hướng đến tính ổn định của nguồn nhân lực, tổ chức thi sát hạch định kỳ để nâng cao năng lực, ý thức làm việc của người lao động, tăng cường công tác quản lý nhân sự.

-Hoàn thiện quy trình, nâng cao nghiệp vụ cho bộ phận Kiểm soát nội bộ.

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

SƠ LƯỢC TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA BKS 2013

Trong 4 tháng đầu năm tài chính 2013, thành viên BKS bao gồm 3 thành viên:
Ông Nguyễn Huy Thưởng - Trưởng ban, Ông Nguyễn Văn Tâm – Thành viên, Bà Trần Thị Thu Hằng – Thành viên
Đại hội đồng cổ đông thường niên 2013 tổ chức vào ngày 27/4/2013 đã bầu 3 thành viên BKS nhiệm kỳ mới (2013-2018), gồm:
Bà Nguyễn Thị Việt Hà- Trưởng ban, Bà Nguyễn Thị Lý- Thành viên, Bà Trần Thị Thu Hằng- Thành viên
BKS hoạt động trên cơ sở kết hợp giữa việc giám sát thường xuyên và giám sát định kỳ tình hình hoạt động của doanh nghiệp theo quyền hạn và trách nhiệm quy định trong Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động. Trong năm BKS đã tổ chức 3 cuộc họp, cuộc họp thứ nhất vào ngày 1/4/2013 để thông qua báo cáo Ban Kiểm soát trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2013; cuộc họp lần thứ hai vào ngày 4/6/2013 để bầu Trưởng BKS nhiệm kỳ mới và cuộc họp thứ 3 vào ngày 26/8/2013 để thẩm định báo cáo tài chính 6 tháng có soát xét của tổ chức kiểm toán.
Trong quá trình hoạt động, BKS luôn giữ thái độ nghiêm túc, khách quan, cẩn trọng khi kiểm soát, đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và giám sát việc tuân thủ Điều lệ, Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) năm 2013 của Hội đồng Quản trị (HĐQT), Ban Tổng Giám đốc (BTGĐ).

KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG NĂM 2013

Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tình hình tài chính của công ty

BKS đã tiến hành rà soát tình hình hoạt động của Công ty, xem xét báo cáo tài chính, tổ chức họp cùng BGĐ, bộ phận tài chính, tổ chức kiểm toán. Qua đó, BKS đưa ra nhận xét đồng ý về cơ bản với các báo cáo về tình hình hoạt động và tình hình tài chính của Công ty do BTGĐ và tổ chức kiểm toán đã đưa ra.
Các hoạt động của Công ty đã tuân thủ yêu cầu quy định trong hệ thống quản trị nội bộ. Việc kiểm soát, rà soát quá trình hoạt động và tình hình tài chính được thực hiện nghiêm túc, kịp thời phát hiện vấn đề và có các giải pháp phù hợp. Do đó Công ty tuy được mở rộng quy mô nhưng việc điều hành và kiểm soát vẫn được tiến hành tốt.

Kết quả giám sát đối với hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc

Về hoạt động của HĐQT, năm 2013, HĐQT có một số thay đổi về nhân sự. Ông Nguyễn Công Tạn và ông Phùng Viết Điều mãn nhiệm, ông Phan Thế Ruệ, ông Vi Công Khanh được bầu làm ủy viên HĐQT vào ngày 27/4/2013. Mọi thành viên của HĐQT đều tham gia đầy đủ các cuộc họp trong năm. Thông qua việc tổ chức họp định kỳ, thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo thường niên, phê duyệt các quyết định đầu tư, quyết định bổ nhiệm nhân sự... thuộc thẩm quyền của HĐQT, HĐQT đã thực hiện tốt việc giám sát hoạt động của BTGĐ.
Trong năm vừa qua, HĐQT đã đưa ra một số quyết định quan trọng như:
Thành lập các chi nhánh tại Tuyên Quang, Sóc Sơn, Thái Nguyên, Phú Thọ, Quảng Bình, Cẩm Phả, Hà Tĩnh;
Thông qua chủ trương chuyển đổi mục đích xây dựng ở khu đô thị Kiến Hưng
Thông qua việc thoái vốn toàn bộ tại Công ty CP Phát triển năng lượng Sơn Hà và thoái vốn một phần tại Công ty CP Sơn Hà Sài Gòn
Thông qua việc miễn nhiệm Kế toán trưởng và bổ nhiệm Kế toán trưởng mới
Các quyết định đều tuân thủ theo đúng quy trình, thẩm quyền và trách nhiệm của HĐQT Công ty.
Về hoạt động của Ban TGĐ, năm 2013 Ban TGĐ cơ bản đã thực hiện theo đúng thẩm quyền và trách nhiệm theo quy định tại Điều lệ Công ty, tuy nhiên kết quả kinh doanh của Công ty trong năm vừa qua chưa đạt kế hoạch. Một số kết quả hoạt động theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty trong năm 2013 như sau:
+ Theo báo cáo hợp nhất kiểm toán năm 2013, doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 15% so với năm trước. Trong khi đó chi phí bán hàng tăng 30% và chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 15% so với năm 2012. Điều này khiến cho lợi nhuận kế toán trước thuế giảm 44% so với năm 2012, đạt 10,1 tỷ đồng. Lãi cơ bản trên cổ phiếu đạt 152 đồng, bằng 36% so với năm 2012.

+ Doanh thu thực hiện chỉ đạt 76% so với kế hoạch đề ra tại ĐHĐCĐ năm 2013, lợi nhuận sau thuế đạt 7 tỷ đồng tương đương 0.4% trên doanh thu thuần, lãi cơ bản trên cổ phiếu đạt 152 đồng.
+ Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi tại thời điểm cuối năm lên đến gần 7 tỷ đồng, tương đương khoảng 3% tổng các khoản phải thu ngắn hạn. BKS đề nghị cần có những biện pháp xử lý hợp lý vấn đề nợ phải thu khó đòi để không làm thất thoát tài sản của Công ty.
+ Trong cơ cấu nguồn vốn của Công ty, nợ phải trả luôn ở mức rất cao so với vốn chủ sở hữu. Tại thời điểm 31/12/2013, nợ phải trả gấp 2.9 lần vốn chủ sở hữu, trong đó nợ ngắn hạn chiếm 86% nợ phải trả cho thấy một thực tế là hoạt động của Công ty phụ thuộc rất nhiều vào vốn vay ngân hàng, chủ yếu là vốn vay ngắn hạn, tỷ lệ đòn bẩy cao. Điều này làm phát sinh vấn đề về rủi ro thanh khoản và rủi ro trong việc đảm bảo ổn định nguồn vốn hoạt động lâu dài cho Công ty. BKS đề nghị Ban TGĐ lưu ý tới vấn đề này trong quá trình hoạt động.

Sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và cổ đông

BKS đã tiếp cận, rà soát một cách độc lập, khách quan các thông tin, báo cáo về tình hình hoạt động và các quyết định của HĐQT, BTGĐ. BKS cũng được cung cấp một cách tương đối đầy đủ các tài liệu liên quan. Đồng thời, BKS vẫn luôn giữ liên hệ với các cổ đông, tiếp thu ý kiến phản hồi của các cổ đông.

THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2013

Toàn bộ số liệu tài chính do Ban TGĐ vừa công bố đều được trích dẫn từ báo cáo tài chính của công ty tại thời điểm 31/12/2013. Số liệu phản ánh kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm qua và được hạch toán tuân thủ theo các quy định về hạch toán kế toán hiện hành. Kết quả trên đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C).

Bảng Cân đối kế toán tóm tắt năm 2013

STT	Nội dung	Số cuối kỳ (31/12/2013)	Số đầu kỳ (01/01/2013)
1	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**	**1.423.788.312.887**	**1.614.250.259.747**
1.1	Tài sản ngắn hạn	950.505.959.692	1.056.121.343.898
1.2	Tài sản dài hạn	473.282.353.195	558.128.915.849
2	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**	**1.423.788.312.887**	**1.614.250.259.747**
2.1	Nợ phải trả	1.047.334.717.761	1.186.851.044.020
2.2	Nguồn vốn chủ sở hữu	363.264.831.386	370.144.765.230
2.3	Lợi ích của cổ đông thiểu số	13.188.763.740	57.254.450.497

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2013

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện
1	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.819.848.355.291
2	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	10.124.962.596
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	7.137.561.355
	Trong đó: lợi nhuận sau thuế cổ đông của công ty mẹ	3.955.761.107
4	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (tính trên vốn điều lệ bình quân)	152

STT	Nội dung	Năm nay	Năm trước
I	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	25.543.477.595	150.354.153.949
II	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(17.499.480.325)	(76.615.211.905)
III	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(117.024.562.842)	(1.592.225.988)
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	**(108.980.565.572)**	**72.146.716.056**
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	**131.787.822.045**	**59.926.054.161**
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	(25.669.604)	(284.948.172)
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	**22.781.586.869**	**131.787.822.045**

TRIỂN KHAI NGHỊ QUYẾT CỦA ĐHĐCĐ VÀ HĐQT

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ hoàn thành
1	Doanh thu	2,400	1,820	76%
2	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	10	4	40%
3	Cổ tức (đồng)	300	-	-

Năm 2013, Công ty đã thực hiện được 76% kế hoạch đề ra về doanh thu, và thực hiện được 40% kế hoạch lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ.

Các khoản đầu tư lớn của công ty được thực hiện trong năm 2013

Trong năm 2013, Công ty đã thực hiện thoái vốn tại hai công ty con là Công ty CP Sơn Hà Sài Gòn và Công ty CP Năng lượng, cụ thể như sau:
Ngày 5/6/2013, thông qua chuyển nhượng 968.200 cổ phần tại Công ty phát triển năng lượng Sơn Hà (thoái vốn toàn bộ).
Ngày 30/9/2013, Thông qua chuyển nhượng 1.680.000 cổ phần tại Công ty CP Sơn Hà Sài Gòn khiến cho số cổ phiếu mà Sơn Hà nắm giữ tại công ty này hiện tại ở mức 30%.

Các hoạt động khác đã được thông qua tại Đại hội

Chi trả thù lao cho HĐQT và BKS

Thù lao của HĐQT và BKS được thực hiện theo nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2013. Cụ thể: trong năm 2013 chức danh trưởng BKS nhận 48 triệu đồng/năm, các chức danh thành viên BKS nhận 24 triệu đồng/năm. Thù lao cụ thể của các thành viên phụ thuộc vào thời gian nắm giữ các chức danh trong BKS.

Lựa chọn công ty kiểm toán

Báo cáo tài chính năm 2013 được Công ty TNHH Kiểm toán và Tư Vấn (A&C) kiểm toán. Công ty A&C nằm trong danh sách các công ty kiểm toán được Ủy ban chứng khoán nhà nước chấp thuận. Tuy nhiên, như những năm trước đây BKS đã có ý kiến, Công ty A&C đã tham gia kiểm toán cho Công ty CP Quốc tế Sơn Hà từ năm 2008 vì vậy đề nghị HĐQT cân nhắc việc thay đổi công ty kiểm toán để đảm bảo tính khách quan trong việc kiểm toán báo cáo tài chính.

Một số hoạt động khác của HĐQT:

Trong năm. HĐQT đã tiến hành họp theo đúng Điều lệ và ra các nghị quyết quan trọng như:
- Thông qua việc miễn nhiệm bà Nguyễn Thị Như Dung- Kế toán trưởng và bổ nhiệm vị trí Trưởng BP Quản lý Tài chính;
- Thông qua việc bổ nhiệm bà Tôn Thị Thiện An giữ chức vụ Kế toán trưởng.

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2014 CỦA BKS

Năm 2014. Công ty dự kiến sẽ tiếp tục mở rộng hoạt động bằng việc thành lập thêm các chi nhánh tại các địa phương khác nhau trong cả nước. Bên cạnh đó nền kinh tế của đất nước nói chung và tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty nói riêng vẫn tiếp tục phải đối mặt với nhiều khó khăn. Do vậy. Công ty sẽ phải tiếp tục cải tiến. đổi mới trong hoạt động. trong chính sách và chiến lược để vượt qua giai đoạn suy thoái kinh tế này. Điều đó đòi hỏi việc quản trị nội bộ của Công ty càng cần được chú trọng.
Năm 2014, BKS sẽ tiếp tục phát huy vai trò của mình với nhiệm vụ giám sát các hoạt động của HĐQT. BTGĐ theo đúng thẩm quyền và trách nhiệm được quy định trong Luật doanh nghiệp. Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động nhằm bảo vệ lợi ích của cổ đông. Bên cạnh đó. BKS cũng sẽ tiếp tục phối hợp với HĐQT nhằm tăng cường các biện pháp quản trị rủi ro trong các hoạt động kinh doanh. đầu tư mở rộng. thận trọng trước những biến động của thị trường.

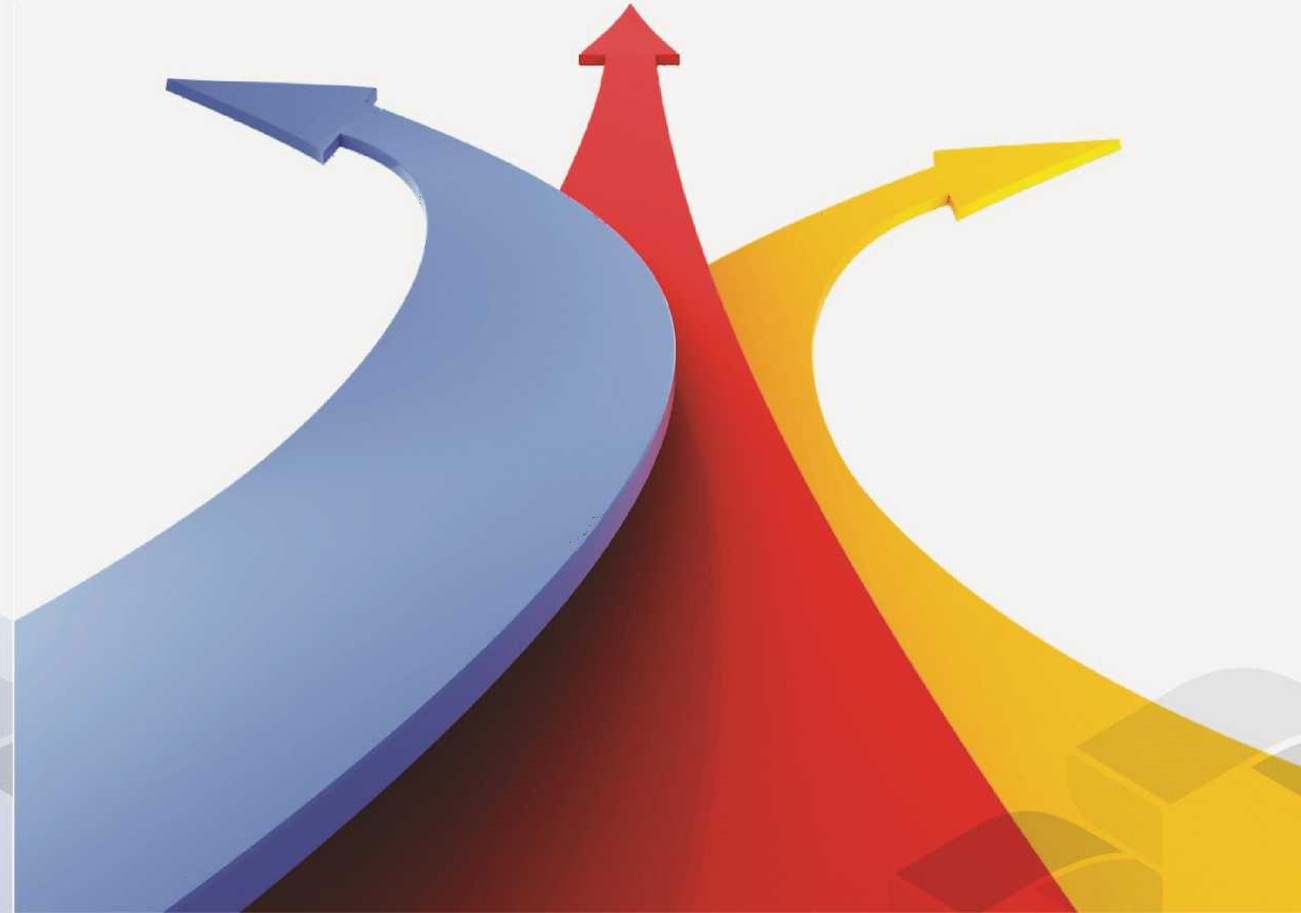

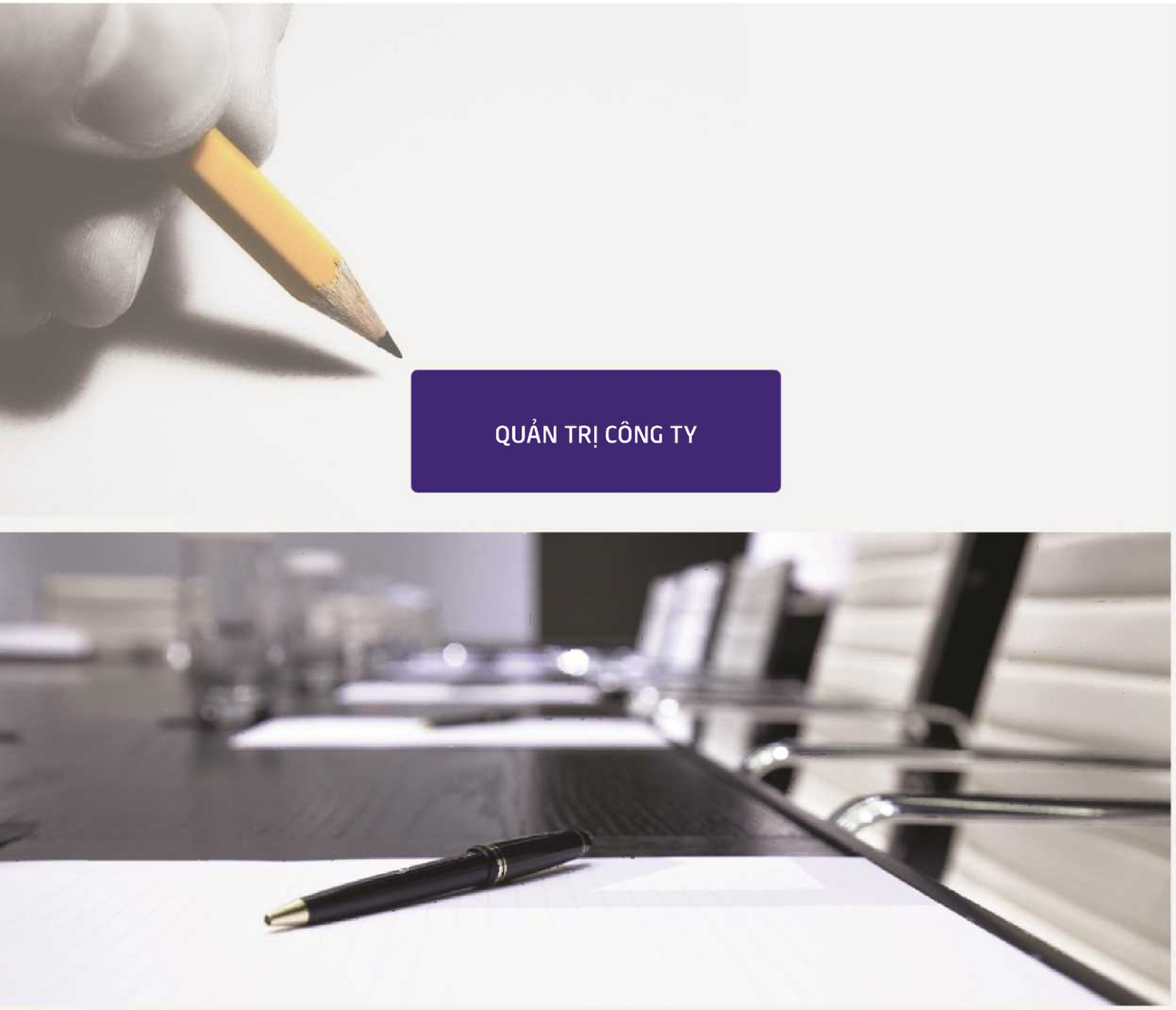

QUẢN TRỊ CÔNG TY

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Năm 2013, Công ty tiến hành bầu lại HĐQT, Ban Kiểm soát nhiệm kỳ II kể từ khi Công ty chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần

Cơ cấu của HĐQT

HĐQT nhiệm kỳ 2013-2018 gồm 8 thành viên. Trong đó, có 3 thành viên HĐQT độc lập phụ trách các hoạt động về lương, thưởng và nhân sự. Danh sách HĐQT và thay đổi trong năm 2013:

TT	Thành viên	Chức vụ	Thay đổi
1	Lê Vĩnh Sơn	Chủ tịch không điều hành	Được bầu lại 27/4/2013
2	Lê Hoàng Hà	Phó Chủ tịch	Được bầu lại 27/4/2013
3	Lê Văn Ngà	Ủy viênkhông điều hành	Được bầu lại 27/4/2013
4	Lê Huy Côn	Ủy viên độc lập	Được bầu lại 27/4/2013
5	Nguyễn Công Tạn	Ủy viên độc lập	Hết nhiệm kỳ27/4/2013
6	Phùng Viết Điều	Ủy viên độc lập	Hết nhiệm kỳ27/4/2013
7	Phan ThếRuệ	Ủy viên độc lập	Được bầu 27/4/2013
8	Vi Công Khanh	Ủy viên độc lập	Được bầu 27/4/2013
9	Nguyễn Đức Tài	Ủy viênkhông điều hành	Được bầu lại 27/4/2013
10	Đặng Minh Quang	Ủy viên	Được bầu lại 27/4/2013

Ngoài các chức danh tại Công ty, các thành viên còn tham gia và nắm giữ các chức danh tại các công ty có vốn góp của Công ty CP Quốc tế Sơn Hà và các công ty khác.

Hoạt động của HĐQT

Trong năm HĐQT đã tổ chức họp 21 cuộc họp để quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT như triệu tập đại hội đồng cổ đông thường niên, thành lập chi nhánh, thẩm định và phê chuẩn báo cáo tài chính hàng quý, 6 tháng, 9 tháng, phê chuẩn các tờ trình vay vốn thuộc thẩm quyền của HĐQT, thành lập các chi nhánh, thoái vốn ở các công ty con, công ty liên kết, phê chuẩn các việc bổ nhiệm nhân sự cấp cao.
HĐQT Công ty không thành lập các tiểu ban mà phân công các thành viên HĐQT phụ trách các hoạt động thông qua nghị quyết số 558/2013/NQ-HĐQT ngày 7/5/2013. Theo đó, Ông Lê Huy Côn, thành viên HĐQT độc lập, được phân công phụ trách công tác lương, thưởng; Ông Vi Công Khanh, thành viên HĐQT độc lập, được phân công phụ trách công tác nhân sự. Các thành viên HĐQT đã chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc thực hiện tuân thủ các chế độ lương, BHXH cho người lao đông theo quy định, công tác tuyển dụng đa dạng các hình thức tuyển dụng đảm bảo nguồn nhân lực chuyên môn kỹ thuật và lao động phổ thông, chuẩn hóa ngân hàng đề thi, tổ chức đào tạo nội bộ nhân viên các chi nhánh, nhân viên kinh doanh, thực hiện công tác khen thưởng kỷ luật đúng quy định, tổ chức các sinh hoạt văn hóa nhân các ngày lễ kỷ niệm trong năm.

Thù lao của HĐQT năm 2013

Các khoản thù lao của HĐQT được thực hiện theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2013 dựa trên kết quả của báo cáo tài chính kiểm toán của chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ. Cụ thể:

TT	Thành viên	Mức phê duyệt (đồng/tháng)	% hoàn thành	Mức thực hiện (đồng/tháng)	Số ngày	Thù lao năm 2013 (đồng)
1	Lê Vĩnh Sơn-Chủ tịch	12.000.000	40%	4.800.000	365	57.600.000
2	Lê Hoàng Hà -Phó Chủ tịch	4.500.000	40%	1.800.000	365	21.600.000
3	Lê Văn Ngà-Ủy viên	4.500.000	40%	1.800.000	365	21.600.000
4	Lê Huy Côn-Ủy viên	4.500.000	40%	1.800.000	365	21.600.000
5	Nguyễn Công Tạn-Ủy viên	4.500.000	40%	1.800.000	117	6.923.836
6	Phùng Viết Điều-Ủy viên	4.500.000	40%	1.800.000	117	6.923.836
7	Phan Thế Ruệ-Ủy viên	4.500.000	40%	1.800.000	248	14.676.164
8	Vi Công Khanh-Ủy viên	4.500.000	40%	1.800.000	248	14.676.164
9	Nguyễn Đức Tài-Ủy viên	4.500.000	40%	1.800.000	365	21.600.000
10	Đặng Minh Quang- Ủy viên	4.500.000	40%	1.800.000	365	21.600.000

Chức vụ nắm giữ tại công ty khác của các thành viên HĐQT

TT	Thành viên	Chức vụ	Chức vụ nắm giữ tại công ty khác
1	Lê Vĩnh Sơn	Chủ tịch	- Chủ tịch HĐQT Công ty CP Sơn Hà Sài Gòn - Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh Thương Mại Vinaconex - Chủ tịch HĐQT Công ty CP Phát triển Năng lượng Sơn Hà - Chủ tịch HĐQT Công ty CP Hiway VN - Thành viên HĐQT Công ty CP Đầu tư Phát triển Đô thị Kiến Hưng
2	Lê Hoàng Hà	Phó Chủ tịch	- Chủ tịch Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai - Chủ tịch Công ty TNHH MTV Công nghiệp Sơn Hà - Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Sơn Hà Sài Gòn - Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh TM Vinaconex - Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Phát triển Năng lượng Sơn Hà - Thành viên HĐQT Công ty CP Hiway VN - Thành viên HĐQT Đại học Thành tây
3	Lê Văn Ngà	Ủy viên	- Ủy viên HĐQT Công ty CP Sơn Hà Sài Gòn - Ủy viên HĐQT Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh Thương mại Vinaconex
4	Lê Huy Côn	Ủy viên độc lập	
5	Nguyễn Công Tạn	Ủy viên độc lập	
6	Phùng Viết Điều	Ủy viên độc lập	
7	Phan Thế Ruệ	Ủy viên độc lập	
8	Vi Công Khanh	Ủy viên độc lập	
9	Nguyễn Đức Tài	Ủy viên	- Giám đốc Lotus-Mekong River Equity Fund
10	Đặng Minh Quang	Ủy viên	- Ủy viên HĐQT Công ty CP Sơn Hà Sài Gòn - Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh Thương mại Vinaconex

Cơ cấu của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2013-2018 gồm 3 thành viên. Danh sách Ban Kiểm soát và thay đổi trong năm 2013:

TT	Thành viên	Chức vụ	Thay đổi
1	Nguyễn Huy Thưởng	Trưởng ban	Hết nhiệm kỳ 27/4/2013
2	Nguyễn Thị Việt Hà	Trưởng ban	Được bầu 27/4/2013
3	Nguyễn Văn Tâm	Thành viên	Hết nhiệm kỳ 27/4/2013
4	Trần Thị Thu Hằng	Thành viên	Được bầu lại 27/4/2013
5	Nguyễn Thị Lý	Thành viên	Được bầu 27/4/2013

Hoạt động của Ban Kiểm soát

Trong năm, Ban Kiểm soát thực hiện họp 3 lần theo quy định để đánh giá việc tuân thủ Điều lệ và thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông ở các lĩnh vực hoạt động kinh doanh, tài chính; giám sát hoạt động HĐQT, Ban Tổng Giám đốc ; phối hợp với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc trong hoạt động, thẩm định báo cáo tài chính định kỳ.

Thù lao của Ban Kiểm soát

Chi trả thù lao cho các thành viên Ban Kiểm soát năm 2013 theo Điều 6 Nghị quyết số 01/2013/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/4/2013 của Đại hội Cổ đông. Cụ thể như sau:

TT	Thành viên	Mức phê duyệt (đồng/tháng)	Số ngày	Thù lao được nhận
1	Nguyễn Huy Thưởng-Trưởng ban (từ 01/01/2013-26/04/2013)	4.000.000	116	15.254.795
2	Nguyễn Thị Việt Hà-Trưởng ban (từ 27/4/2013-31/12/2013)	4.000.000	249	32.745.205
3	Nguyễn Văn Tâm-Thành viên (từ 01/01/2013-26/04/2013)	2.000.000	116	7.627.397
4	Trần Thị Thu Hằng-Thành viên	2.000.000	365	24.000.000
5	Nguyễn Thị Lý (từ 27/4/2013-31/12/2013)	2.000.000	249	16.372.603

Các giao dịch của thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

Trong năm, giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ được thực hiện đối với cổ phiếu của Công ty như sau:

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Thị Việt Hà	Trưởng BKS	0	0%	10.000	0.0%	Mua
2	Nguyễn Văn Thuận	Phó TGĐ	35.680	0,13%	25.680	0,09%	Đăng ký bán 10.000 cp từ 30/12/2013 đến 10/1/2014
3	Lotus-Mekong River Equity Fund	Ông Nguyễn Đức Tài là thành viên HĐQT SHI đồng thời là Giám đốc Lotus-Mekong River Equity Fund	3.238.782	12,46	0	0%	Đăng ký bán toàn bộ 3.238.782 cp từ 7/8/2013 đến 7/9/2013

ĐỘI NGŨ NHÂN SỰ

Cơ cấu nhân sự theo trình độ

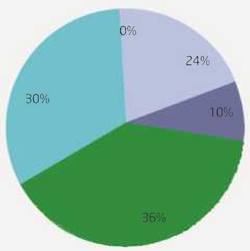

Cơ cấu nhân sự theo độ tuổi

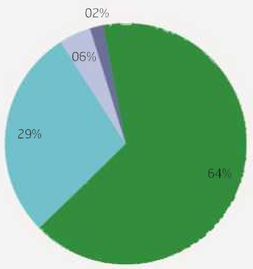

Sau đại học
Trung cấp
Lao động phổ thông
Đại học / cao đẳng
Sơ cấp / CC nghề
Dưới 30
40-50
30-40
Trên 50

Tại thời điểm 31/12/2013, Công ty có 781 cán bộ, nhân viên. Do đặc thù công ty là doanh nghiệp sản xuất, số cán bộ, nhân viên có trình độ từ cao đẳng, đại học trở lên chiếm 23,8%. Trong khi đó, công nhân trực tiếp sản xuất chiếm tỷ lệ lớn nhất với 65,8%. Đội ngũ cán bộ nhân viên khá trẻ, 64,3% cán bộ, nhân viên dưới 30 tuổi, được tập hợp sinh hoạt trong tổ chức Đoàn Thanh niên. Công ty luôn chú trọng đào tạo và tổ chức thi nâng cao tay nghề cho công nhân, xây dựng quy chế lương phù hợp với mục tiêu khuyến khích lao động hiệu quả , chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của cán bộ, nhân viên.

CỔ ĐÔNG VÀ CỔ PHIẾU CỦA SƠN HÀ

Diễn biến giá cổ phiếu SHI năm 2013
Phiên giao dịch đầu năm vào ngày 02/01/2013, cổ phiếu SHI đóng cửa ở mức giá 5.700 đồng/cp; phiên giao dịch cuối năm vào ngày 31/12/2013, cổ phiếu SHI đóng cửa ở mức giá 4.700 đồng/cp. Như vậy, giá cổ phiếu SHI đã giảm 17,5% so với mức giá phiên đầu năm. So sánh với chỉ số VNIndex, cổ phiếu SHI có mức tăng trưởng thấp hơn trong năm.

Cơ cấu sở hữu
Tại thời điểm 21/3/2014, tổng số cổ phiếu đang đã phát hành là 26.710.723, số cổ phiếu quỹ 716.060. Như vậy tổng số cổ phiếu đang lưu hành là 25.994.663. Toàn bộ số cổ phiếu đang lưu hành thuộc diện cổ phiếu phổ thông tự do chuyển nhượng.
Công ty có 6 cổ đông lớn, sở hữu 18.880.636 cổ phiếu, chiếm 70,7% tổng số cổ phiếu đã phát hành; 877 cổ đông nhỏ sở hữu 7.830.087 cổ phiếu, chiếm 29,3% tổng số cổ phiếu đã phát hành. Số cổ đông tổ chức là 19, sở hữu 3.534.223 cổ phiếu, chiếm 13,2% tổng số cổ phiếu đã phát hành; 874 cổ đông cá nhân, sở hữu 22.460.440 cổ phiếu, chiếm 84,1% tổng số cổ phiếu đã. Số cổ đông trong nước là 875, sở hữu 26.522.269 cổ phiếu, chiếm tỉ lệ 99,3% tổng số cổ phiếu đã; 18 cổ đông nước ngoài sở hữu 188.454 cổ phiếu, chiêm tỉ lệ 0,7% tổng số cổ phiếu đã phát hành. Công ty không có cổ đông nhà nước.

Cơ cấu cổ đông tại 21/3/2014

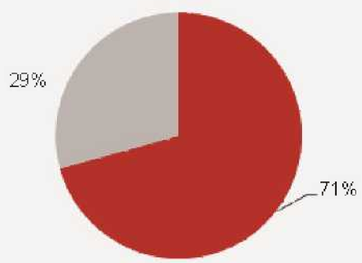

Cổ đông lớn
Cổ đông nhỏ

Cơ cấu cổ đông tại 21/3/2014

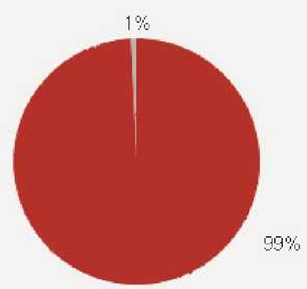

Cổ đông trong nước
Cổ đông nước ngoài

Loại cổ đông	STT	Họ tên (Bao gồm chức vụ) (*)	Cổ phần hạn chế chuyển nhượng(*)	Cổ phần chuyển nhượng tự do(*)	Tổng số cổ phần(*)	Tỷ lệ sở hữu(*)
HĐQT	1	Lê Vĩnh Sơn – Chủ tịch		6.206.702	6.206.702	23,2%
	2	Lê Hoàng Hà – Phó Chủ tịch		4.895.000	4.895.000	18,3%
	3	Lê Văn Ngà - Ủy viên		2.568.000	2.568.000	9,6%
	4	Phan Thế Ruệ - Ủy viên		0	0	0
	5	Lê Huy Côn - Ủy viên		0	0	0
	6	Vi Công Khanh -Ủy viên		0	0	0
	7	Nguyễn Đức Tài		0	0	0
	8	Đặng Minh Quang		0	0	0
Ban TGĐ	1	Lê Hoàng Hà – TGĐ		4.895.000	4.895.000	18,3%
	2	Nguyễn Văn Thu ận – Phó TGĐ		25.680	25.680	0,1%
	3	Đàm Quang Hùng – Phó TGĐ		27.976	27.976	0,1%
	4	Đặng Minh Quang – Phó TGĐ		0	0	0
	5	Phạm Thị Thanh Hà -Phó TGĐ		7.490	7.490	0,0%
	6	Phạm Phú Trường -Phó TGĐ		5.906	5.906	0,0%
BKS	1	Nguyễn Thị Việt Hà – Trưởng ban		10.000	10.000	0,0%
	2	Nguyễn Thị Lý – Thành viên		4.365	4.365	0,0%
	3	Trần Thị Thu Hằng – Thành viên		0	0	0
KTT	1	Tôn Thị Thiện An		0	0	0
Người được ủy quyền CBTT	1	Đàm Quang Hùng - Phó TGĐ		27.976	27.976	0,1%
		Tổng cộng:		**13.751.119**	**13.751.119**	**51,5%**

Sở hữu chứng khoán của cổ đông nội bộ và người được ủy quyền công bố thông tin

TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI

"Là 1 doanh nghiệp được biết đến với chất lượng sản phẩm và dịch vụ hàng đầu, Sơn Hà còn khẳng định được niềm tin đối với người tiêu dùng bằng việc thể hiện và khẳng định trách nhiệm xã hội trong quá trình xây dựng và phát triển. Ngoài việc gây dựng văn hóa doanh nghiệp lành mạnh và chuyên nghiệp để tạo môi trường làm việc với những chế độ tốt nhất cho người lao động cống hiến, Sơn Hà cũng được đánh giá cao trong công tác hoạt động của các tổ chức Đảng, Đoàn thanh niên, Công đoàn... chính những điều đó góp phần giúp cho Sơn Hà ngày càng trở thành 1 thương hiệu được tin dùng. Bên cạnh đó, Sơn Hà thường xuyên có các hoạt động tài trợ, ủng hộ các hoạt động thiện nguyện, từ thiện, các hoạt động thanh thiếu niên trên địa bàn và các địa phương còn gặp nhiều khó khăn. Với quan điểm, sản xuất kinh doanh gắn liền với trách nhiệm cộng đồng, Sơn Hà đang ngày càng khẳng định vị thế dẫn đầu và là niềm tin cho người tiêu dùng trong và ngoài nước."

Câu chuyện về học sinh nghèo nơi miền biên giới Mường Khương yêu thương

Ngày 28 tháng 9 năm 2013, thay mặt cho Đoàn thanh niên công ty CPQT Sơn Hà kết hợp với CLB tình nguyện TP Hà Nội, đ/c Nguyễn Thị Thu Hà và đ/c Phan Thanh Phong đã tặng 02 chiếc bồn nước với trị giá 8.800.000 đồng đến tận tay các em học sinh thôn Dìn Chin, xã Tả Gia Khâu, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai. Món quà tuy chưa thật lớn, xong ý nghĩa cho các em học sinh, khi mà vật dụng chứa nước hiện tại của các em vẫn chỉ là những chiếc can nhựa không có nắp đậy.

Hành trình thiện nguyện về với Xóm Đép

Đoàn viên thanh niên Sơn Hà lên Xóm Đép, bắt đầu chuyến hành trình thiện nguyện. Bên cạnh việc trao các món quà ý nghĩa cho toàn thể bà con nghèo xóm Đép, Đoàn còn tổ chức đến thăm hỏi và tặng quà cho 2 gia đình nghèo trong xóm: Gia đình anh Phùng Văn Tới và gia đình chị Hà Trọng Duyên. Chuyến đi đã để lại trong lòng toàn thể bà con niềm xúc động, niềm vui với những nụ cười hạnh phúc.

Hoạt động hiến máu nhân đạo

34 đơn vị máu được hiến tặng từ 34 lượt hiến máu là kết quả của phong trào ngày hội hiến máu cứu người, được Công đoàn Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà phối hợp với Viện Huyết học và truyền máu Trung Ương tổ chức chiều ngày 17/8 tại trụ sở chính – Lô số 2, CN1, Khu Công nghiệp vừa và nhỏ Từ Liêm – Minh Khai – Từ Liêm – Hà Nội. Những giọt máu hồngcủa CBCNV Sơn Hà sẽ góp phần mang lại sự sống cho các bệnh nhân đang ở ranh giới mong manh giữa sự sống và cái chết, minh chứng cho tinh thần vì cộng đồng, tinh thần trách nhiệm xã hội của CBCNV Sơn Hà.

Bồ Đề - nơi nương tựa của những mảnh đời bất hạnh

Với mục đích khích lệ tinh thần tương thân tương ái cho các Đoàn viên, ngày 26/01/2013, đ/c Nguyễn Thị Thu Hà – Phó Bí thư Đoàn TNCS HCM Công ty CPQT Sơn Hà cùng đồng chí Hoàng Thị Ngọc – Bí thư chi đoàn Ngành hàng Gia dụng và toàn thể Đoàn viên trong Chi đoàn Ngành hàng Gia Dụng đã tổ chức sinh hoạt Chi Đoàn đồng thời tổ chức chiến dịch làm từ thiện tại chùa Bồ Đề - Gia Lâm – Hà Nội – là nơi đang che chở và nuôi dưỡng khoảng 170 em nhỏ cơ nhỡ, gần 30 cụ già neo đơn. Dù rằng vật chất không nhiều, nhưng tình cảm sư trụ trì Thích Đàm Lan với tấm lòng từ bi của thành Đoàn Sơn Hà nói chung và anh chị em nói riêng rất đáng để trân trọng.

QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY

1998
Công ty TNHH Cơ Kim Khí Sơn Hà thành lập với vốn điều lệ 600 triệu đồng.

2004
Tăng vốn điều lệ lên 30 tỷ đồng đạt tiêu chuẩn ISO 9001–2000.

2006
Tăng vốn điều lệ lên 41 tỷ đồng.

2007
Công ty TNHH Cơ Kim Khí Sơn Hà chuyển đổi thành CTCP Quốc tế Sơn Hà.

2008
Tăng vốn điều lệ lên 120 tỷ đồng. Nhà máy sản xuất inox Sơn Hà (Công nghiệp Phùng) hoàn thành và đi vào sản xuất.

2009
CTCP Quốc tế Sơn Hà trở thành công ty đại chúng với vốn điều lệ 150 tỷ đồng. Cổ phiếu CTCP Quốc tế Sơn Hà (SHI) giao dịch phiên đầu tiên tại HOSE.

2010
Nhà máy tại Hóc Môn đi vào hoạt động. Phát hành thành công 10 triệu cổ phiếu thu về 163 tỷ đồng và đợt trái phiếu thu về 100 tỷ đồng.

2011
Mua 75.8% cổ phần của công ty Cổ phần Đầu tư & Kinh doanh Thương mại Vinaconex. Chính thức bước chân vào lĩnh vực bán lẻ. Top 100 giải thưởng Sao Vàng Đất Việt. Mở rộng thị trường xuất khẩu ống thép sang Mỹ, Trung Đông bên cạnh thị trường truyền thống. Chính thức thoái vốn khỏi lĩnh vực BĐS.

2012
Khai trương chuỗi siêu thị Hiway. Giải thưởng hàng Việt Nam, chất lượng cao năm 2012. Thành lập tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM và chi bộ Đảng CSVN. Thực hiện thoái vốn tại 3 dự án BĐS.

2013
Sản phẩm Ống thép inox Sơn Hà đã vươn lên 1 tầm cao mới, xuất khẩu đi 20 nước trên thế giới như Mỹ, Brazil, Argentina, Mexico, Indonesia, Ecuador, Singapore...

10 SỰ KIỆN NỔI BẬT CỦA NĂM 2013

Sơn Hà vinh dự đạt danh hiệu hàng Việt Nam chất lượng cao 2013

Ngày 13/3/2013, tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hội Doanh nghiệp Hàng Việt Nam chất lượng cao đã công bố các doanh nghiệp đạt chứng nhận hàng Việt Nam chất lượng cao 2013.
Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà đã nhiều năm liên tiếp đạt danh hiệu cao quý này. Các sản phẩm mang thương hiệu Sơn Hà hiện nay đã có chỗ đứng vững chắc trên thị trường và tạo dựng được niềm tin vững chắc với hàng triệu gia đình Việt.

Sơn Hà tham gia Hội chợ Vietbuild trên cả nước với sự ra mắt của sản phẩm bồn nước công nghiệp Sơn Hà Bk

Triển lãm Quốc tế Xây dựng VietBuild là triển lãm lớn nhất của ngành xây dựng Việt Nam. Năm 2013 là năm Sơn Hà tham gia đầy đủ các hội chợ Vietbuild trên toàn quốc. Bồn nước lắp ghép từ các tấm vật liệu GRP được xem là sự lựa chọn hoàn hảo cho nhiều công trình xây dựng vì tính linh hoạt, dễ thi công và mang lại nhiều thuận tiện trong việc di chuyển ở trên mặt đất cũng như trên cao, trong nhà hay trên những nóc nhà cao tầng.
Gian hàng của Sơn Hà tại hội chợ triển lãm vietbuild đã thu hút được đông đảo khách hàng và Sơn Hà cũng liên tục vinh dự nhận được danh hiệu là gian hàng nổi bật tại hội chợ Vietbuild 2013.

Sơn Hà tham gia hội chợ ống thép hàng đầu thế giới được tổ chức tại Matxcova – Nga.

Từ ngày 25 đến ngày 28 tháng 6 năm 2013 tại Matxcova của Nga đã diễn ra Hội chợ Triển lãm Ống thép cơ khí 2013, đây là một trong những triển lãm hàng đầu của Thế giới được tổ chức hàng năm tại Nga.
Trong nhiều năm qua, với nỗ lực giới thiệu và quảng bá sản phẩm của Công ty đến với thị trường Quốc tế - sản phẩm ống thép mang thương hiệu SONHA đã và đang khẳng định vị thế dẫn đầu tại thị trường thị trường khu vực và trên thế giới.

Tổ chức thành công hội nghị khách hàng diễn ra tại Cửa Lò T8/2013

Từ 11-13/8/2013 Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà đã tổ chức thành công Hội nghị khách hàng - một chuyến đi đầy ý nghĩa tới bãi biển Cửa Lò – Thị xã Cửa Lò – Nghệ An dành riêng cho Quý Đại lý/Nhà phân phối của Sơn Hà trên nhiều tỉnh thành cả nước.
Đây là lời tri ân của Sơn Hà đối với những Đại lý/Nhà phân phối đã có thành tích bán hàng xuất sắc trong chương trình "Khám phá những ưu đãi – trải nghiệm cùng Sơn Hà" trong thời gian vừa qua và là lời cảm ơn chân thành đến tất cả Quý Đại lý/NPP đã đồng hành cùng sự phát triển của Sơn Hà.

Sơn Hà chính thức cho ra mắt sản phẩm bồn nhựa cao cấp

Nằm trong chuỗi hoạt động tại Hội nghị khách hàng diễn ra tại Cửa Lò vào tháng 8/2013, Sơn Hà cũng đã chính thức ra mắt sản phẩm bồn nhựa cao cấp Sơn Hà.
Sản phẩm bồn nhựa Sơn Hà có cấu tạo đặc biệt 3 lớp, áp dụng theo công nghệ sản xuất bồn nhựa từ Australia, hiện đại hàng đầu thế giới hiện nay. 100% sản phẩm bồn nhựa được làm từ nhựa nguyên sinh, không sử dụng nhựa tái sinh, vì thế rất an toàn trong quá trình sử dụng.
Sản phẩm bồn nhựa cao cấp Sơn Hà nhận được sự hưởng ứng nhiệt tình từ các ĐL/NPP tham dự.

Sơn Hà đón nhận bằng khen về tuyên truyền sử dụng điện tiết kiệm, hiệu quả trong CNVCLĐ giai đoạn 2010-2013

Ngày 15 tháng 10 năm 2013, Công đoàn Tổng công ty Điện lực TP Hà Nội phối hợp với Liên đoàn Lao động Thành phố tổ chức Hội nghị tổng kết 3 năm thực hiện chương trình phối hợp tuyên truyền sử dụng điện tiết kiệm, hiệu quả trong CNVC LĐ Thủ đô giai đoạn 2010 – 2013.
Trong giai đoạn từ năm 2011 đến 15/9/2013, Sơn Hà đã bán được 18.673 bộ Thái Dương Năng ở khu vực Hà Nội. Việc người dân hiểu về sản phẩm Thái Dương Năng, tin dùng sản phẩm Thái Dương Năng cũng đồng nghĩa với việc người dân đã hiểu được về việc sử dụng sản phẩm tiết kiện điện, góp phần vào việc tiết kiệm năng lượng quốc gia.

Sơn Hà nhận giải Sao Vàng Đất Việt 2013

Sáng 2/9/2013, tại Trung tâm Hội nghị Quốc gia Hà Nội, Công ty cổ phần Quốc tế Sơn Hà đã vinh dự nhận danh hiệu "Top 100 Sao Vàng Đất Việt 2013" do Hội Doanh nhân Trẻ Việt Nam phối hợp với Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam tổ chức. Nhiều năm liên tiếp Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà đã vinh dự được trao tặng giải thưởng này, giải thưởng dành cho thương hiệu tiêu biểu của đất nước, có khả năng cạnh tranh quốc tế và có uy tín cao trong xã hội.

Sinh nhật Sơn Hà tròn 15 tuổi: 17/11/1998-17/11/2013

Năm 2013 là năm với dấu mốc quan trọng đối với Sơn Hà, năm Sơn Hà tròn 15 tuổi.
15 năm qua một chặng đường, 15 năm với bao nỗ lực và phấn đấu không ngừng, tập thể cán bộ Công nhân viên Sơn Hà đã cùng chung tay giúp sức để có được một Sơn Hà bền vững và phát triển như ngày hôm nay. Năm nay Sơn Hà cũng đã tổ chức buổi lễ Sinh nhật 15 năm ấm cúng và thân thiện tại nhà máy Phùng để cùng nhau chia sẻ về quãng đường đã qua của Sơn Hà và những dự định sắp tới.

Khai trương đại siêu thị thứ 2 do Công ty có vốn góp của Sơn Hà đầu tư Hiway Ngọc Khánh

Với mục tiêu đem lại cho người tiêu dùng những sản phẩm chất lượng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Ngày 22/11/2013 vừa qua, Hiway Việt Nam đã chính thức đi vào hoạt động hệ thống siêu thị lớn thứ 2 ở khu vực Hà Nội, đó là đại siêu thị Hiway Ngọc Khánh tại số 15-17 Ngọc Khánh – Ba Đình - Hà Nội
Hiway Ngọc Khánh nằm trong chuỗi dự án hệ thống siêu thị trên cả nước của Liên doanh Hiway Việt Nam. Với diện tích 6.500 m2 trên tuyến phố trọng điểm, đông dân cư, giao thông đi lại thuận tiện, được xem là một trong những khu mua sắm hiện đại bậc nhất ở khu vực Ba Đình.

Lễ ra mắt sản phẩm Thái Dương Năng Thế hệ mới và sản phẩm chậu rửa mới

Ngày 12/12/2013, Công ty Cổ Phần Quốc tế Sơn Hà đã chính thức ra mắt dòng sản phẩm Thái Dương Năng – Sơn Hà thế hệ mới, chậu rửa Inox cao cấp. Sự kiện đã thu hút được hàng trăm nhà phân phối và nhiều cơ quan báo đài tham dự.
Tung ra thị trường lần này, Sơn Hà cho ra mắt máy nước nóng năng lượng mặt trời thế hệ mới với hai nhãn hiệu là nhãn hiệu Sơn Hà và nhãn hiệu Thái Dương Năng, trong đó mỗi nhãn hiệu sẽ bao gồm 3 dòng sản phẩm: Eco, Gold và Titan. Đây được coi là những sản phẩm mang tính chiến lược đột phá của Sơn Hà, nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng tại thị trường Việt Nam.
Cùng thời điểm này, Sơn Hà cũng tung ra thị trường 3 sản phẩm chậu rửa mới sang trọng hơn, bền đẹp hơn đáp ứng thị hiếu của người tiêu dùng trong và ngoài nước.Chậu rửa inox mới của Sơn Hà không chỉ là sản phẩm sở hữu những tính năng độc đáo, mới lạ mà còn đạt độ thẩm mỹ cao, an toàn với người sử dụng. Có thể nói đây là thiết kế hoàn hảo cho một căn bếp sang trọng và tinh tế.
Thái Dương Năng thế hệ mới và dòng chậu rửa Inox cao cấp có nhiều tính năng ưu việt nên ngay trong lễ ra mắt sản phẩm mới đã được đông đảo các nhà phân phối, đại lý đón nhận.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY

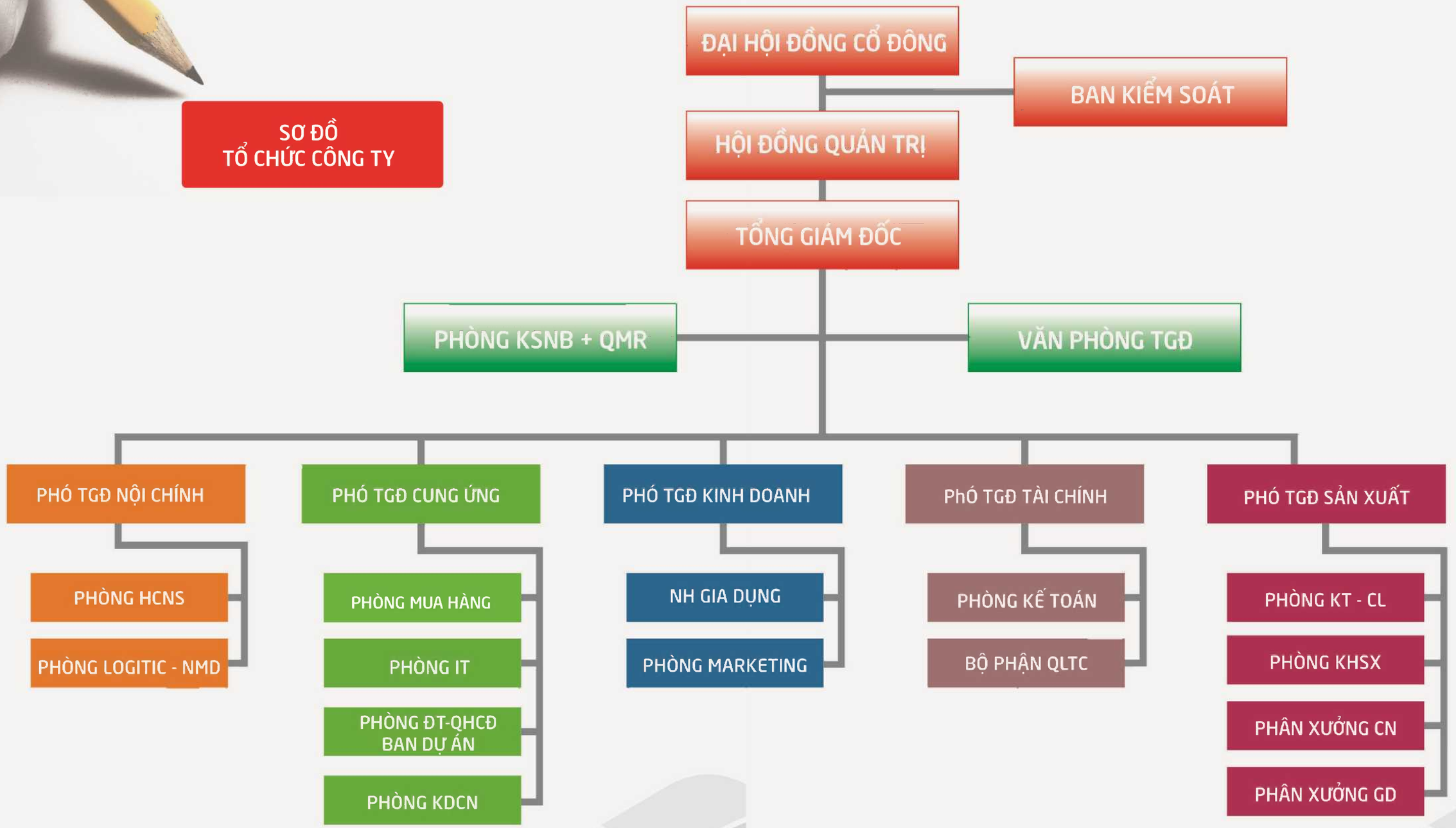

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Lê Vĩnh Sơn
CHỦ TỊCH

Đồng thời là người đồng sáng lập ra Sơn Hà kiêm Tổng giám đốc công ty trong những năm đầu tiên, ông Sơn được xem là người chèo lái đưa Sơn Hà phát triển mạnh mẽ trong những năm qua. Ông Sơn có bằng Cử nhân Quản trị kinh doanh. Ông Sơn cũng là chủ tịch HĐQT của công ty CP Sơn Hà Sài Gòn,Công ty CP Đầu tư và KDTM Vinaconex ,Công ty Cp phát triển Năng lượng Sơn Hà và là ủy viên HĐQT Công ty CP Đầu tư Phát triển Đô thị Kiến Hưng và một số công ty khác. Ông được bầu lại vào HĐQT ngày 27/04/2013.

Ông Lê Hoàng Hà
PHÓ CHỦ TỊCH

Ông Hà cũng là đồng sáng lập ra Công ty và mới được bổ nhiệm là Tổng Giám Đốc từ năm 2010. Ông Hà tốt nghiệp Đại học Kinh tế quốc dân với chuyên ngành quản trị kinh doanh. Ông Hà hiện nay cũng là phó chủ tịch HĐQT công ty CP Sơn Hà Sài Gòn, Công ty CP Đầu tư và KDTM Vinaconex,Công ty CP phát triển năng lượng Sơn Hà và một số công ty khác. Ông được bầu lại vào HĐQT ngày 27/04/2013.

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Lê Vĩnh Sơn	Chủ tịch	Tái cử tại ĐHCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2013
Ông Lê Hoàng Hà	Phó Chủ tịch	Tái cử tại ĐHCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2013
Ông Lê Văn Ngà	Thành viên	Tái cử tại ĐHCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2013
Ông Nguyễn Công Tạn	Thành viên	Mãn nhiệm tại ĐHCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2013
Ông Lê Huy Côn	Thành viên	Tái cử tại ĐHCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2013
Ông Phùng Viết Điều	Thành viên	Mãn nhiệm tại ĐHCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2013
Ông Nguyễn Đức Tài	Thành viên	Tái cử tại ĐHCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2013
Ông Đặng Minh Quang	Thành viên	Tái cử tại ĐHCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2013
Ông Phan Thuế Ruệ	Thành viên	Trúng cử tại ĐHCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2013
Ông Vi Công Khanh	Thành viên	Trúng cử tại ĐHCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2013

Ông Lê Huy Côn
THÀNH VIÊN HĐQT

Ông Côn tốt nghiệp Đại học chuyên ngành Quản trị Kinh tế.Ông Côn đã từng giữ chức vụ Viện trưởng Viện nghiên cứu Da giầy thuộc Bộ công nghiệp ,Tổng giám đốc Tổng công ty Da giầy Việt Nam và Thứ trưởng thường trực Bộ công nghiệp nhiệm kỳ 1990-2001.Ông tham gia SHI từ năm 2007 với cương vị ủy viên HĐQT. Ông được bầu lại vào HĐQT ngày 27/04/2013.

Ông Lê Văn Ngà
THÀNH VIÊN HĐQT

Ông Ngà là thân sinh ra ông Lê Vĩnh Sơn và ông Lê Hoàng Hà và đồng sáng lập ra công ty và tham gia quản lý công ty đến năm 2008 trước khi nghỉ hưu.Ông Ngà là kĩ sư địa chất của Đại học Mỏ .Ông cũng là ủy viên HĐQT của công ty CP Sơn Hà Sài Gòn,Công ty CP Đầu tư và KDTM Vinaconex. Ông được bầu lại vào HĐQT ngày 27/04/2013.

Ông Phan Thế Ruệ
THÀNH VIÊN HĐQT

Ông Phan Thế Ruệ là người giàu kinh nghiệm trong lĩnh vực Công-Thương nghiệp. Ông đã kinh qua các công việc chuyên môn ở Bộ Ngoại thương, Công ty XNK, Sở KH&ĐT, Sở Thương mại Bắc Thái. Ông cũng là lãnh đạo cấp cao trong chính quyền, tổ chức đảng đoàn và chính phủ. Ông đã giữ các chức vụ quan trọng như Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Kạn, Thứ trưởng thường trực Bộ Thương mại, Phó ban Kinh tế kiêm nhiệm Ban Kiểm tra Trung ương. Ông được bầu vào HĐQT ngày 27/04/2013.

Ông Vi Công Khanh
THÀNH VIÊN HĐQT

Ông Vi Công Khanh là người giàu kinh nghiệm trong công tác tổ chức qua các vị trí quan trọng tại Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và Văn phòng Chính phủ. Ông được bầu vào HĐQT ngày 27/04/2013.

Ông Nguyễn Đức Tài
THÀNH VIÊN HĐQT

Được bầu vào HĐQT tại đại hội cổ đông thường niên 2012 ông Nguyễn Đức Tài có rất nhiều kinh nghiệm tài chính thông qua các vị trí tại công ty quản lý quỹ Bông Sen,BIDV-Vietnam Partners và tại ngân hàng BIDV.Ông Tài nhận bằng Thạc sĩ quản trị kinh doanh và hiện là giám đốc công ty Cp quản lý quỹ Bông Sen. Ông được bầu lại vào HĐQT ngày 27/04/2013.

Ông Đặng Minh Quang
THÀNH VIÊN HĐQT

Ông Quang tốt nghiệp Học viện Ngân hàng Hà Nội và nhận bằng Tiến sĩ Quản trị kinh doanh tại Đại học Nam Úc năm 2004. Ông có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng qua các vị trí công việc tại Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Bảo Việt và nhiều năm làm việc tại nước ngoài. Ông ra nhập Sơn Hà năm 2010 với cương vị Phó Tổng Giám đốc, ông được bầu vào HĐQT tại đại hội cổ đông thường niên 2012. Ông được bầu lại vào HĐQT ngày 27/04/2013.

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

01. ÔNG LÊ HOÀNG HÀ
02. ÔNG ĐÀM QUANG HÙNG
03. ÔNG ĐẶNG QUỐC HUY
04. ÔNG NGUYỄN VĂN THUẬN
05. BÀ PHẠM THỊ THANH HÀ
06. ÔNG PHẠM PHÚ TRƯỜNG
07. BÀ TÔN THỊ THIỆN AN *(Được bổ nhiệm ngày 01/11/2013)*
08. ÔNG ĐẶNG MINH QUANG

ÔNG LÊ HOÀNG HÀ - Phó chủ tịch - Tổng giám đốc

Ông Hà cũng là đồng sáng lập ra công ty và được bổ nhiệm Tổng Giám Đốc từ năm 2010. Ông Hà tốt nghiệp ĐH Kinh tế Quốc dân chuyên ngành Quản trị Kinh doanh. Ông Hà hiện nay là Phó chủ tịch HĐQT Công ty CP Sơn Hà Sài Gòn, Công ty CP Đầu tư và KDTM Vinaconex, Công ty CP Phát triển Năng lượng Sơn Hà và một số công ty khác.

ÔNG NGUYỄN VĂN THUẬN - Phó TGĐ

Ông Thuận đã từng là giáo viên trường dạy nghề cơ khí NN I Trung Ương – Vĩnh Phúc năm 1981-1984, công tác tại Công ty Xây lắp 524 Bộ Quốc Phòng 15 năm. Ông tham gia công tác tại Sơn Hà từ năm 2003 và được bổ nhiệm chức vụ Phó tổng Giám đốc năm 2007. Ông hiện nay cũng là thành viên HĐQT, Phó tổng Giám đốc công ty CP Phát triển Năng lượng Sơn Hà.

ÔNG ĐÀM QUANG HÙNG - Phó TGĐ

Ông Hùng tham gia công tác tại Sơn hà năm 1999. Ông được bổ nhiệm chức vụ Phó tổng Giám đốc phụ trách mảng tài chính và đầu tư năm 2007. Hiện nay, Ông là ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà.

ÔNG PHẠM PHÚ TRƯỜNG - Phó TGĐ

Được bổ nhiệm Phó tổng Giám đốc phụ trách kinh doanh từ ngày 10/04/2011, ông Trường chịu trách nhiệm trước Ban giám đốc và Hội đồng quản trị trong việc quản lý, điều hành hoạt động liên quan đến lĩnh vực kinh doanh của công ty.

BÀ PHẠM THỊ THANH HÀ - Phó TGĐ

Được bổ nhiệm làm Phó tổng Giám đốc phụ trách tài chính từ ngày 10/04/2011, bà Hà chịu trách nhiệm trước Ban giám đốc và HĐQT trong việc quản lý, điều hành hoạt động liên quan đến lĩnh vực tài chính của công ty.
Bà Hà đồng thời là TBKS của Công ty CP Sơn Hà Sài Gòn và Công ty CP Đầu tư và KDTM Vinaconex.

ÔNG ĐẶNG MINH QUANG - Phó TGĐ

Ông Quang tốt nghiệp Học viện Ngân hàng Hà Nội và nhận bằng Tiến sỹ Quản trị Kinh doanh tại Đại học Nam Úc năm 2004. Ông có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng qua các vị trí công việc tại Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Bảo Việt và nhiều năm làm việc ở nước ngoài. Ông gia nhập Sơn Hà năm 2010 với cương vị Phó tổng Giám đốc. Ông được bầu vào HĐQT tại đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012. Ông được bầu lại vào HĐQT ngày 27/04/2013.

ÔNG ĐẶNG QUỐC HUY - Phó TGĐ

Được bổ nhiệm làm Phó tổng Giám đốc ngày 4/5/2012, ông Đặng Quốc Huy có nhiều kinh nghiệm trong quản lý sản xuất qua các vị trí tại Công ty Giầy Da Hải Phòng, tập đoàn xây dựng DongAh (Hàn Quốc), LG Việt Nam, Nagakawa và Picenza. Ông Huy tốt nghiệp kỹ sư Điện khí hóa năm 1994.

BÀ TÔN THỊ THIỆN AN - Kế toán trưởng

Bà An có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực Kế toán-Tài chính qua các vị trí chuyên môn tại Công ty Khách sạn Du lịch Kim Liên, Công ty CP Bibica, Công ty CP Đầu tư PV-Inconess và Công ty CP Him Lam Thủ đô trước khi ra nhập Công ty CP Quốc tế Sơn Hà. Bà nhận bằng cử nhân chuyên ngành Kế toán tại ĐH Kinh tế Quốc dân. Bà được bổ nhiệm làm Kế toán trưởng Công ty CP Quốc tế Sơn Hà từ ngày 1/11/2013.

BAN KIỂM SOÁT

01. BÀ NGUYỄN THỊ VIỆT HÀ
02. BÀ NGUYỄN THỊ LÝ
03. BÀ TRẦN THỊ THU HẰNG

BÀ NGUYỄN THỊ VIỆT HÀ - Trưởng ban kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Việt Hà người có nhiều kinh nghiệm trong công tác tổ chức, hành chính qua các vị trí công tác tại các Ngân hàng TMCP Quốc tế, Ngân hàng TMCP Liên Việt. Bà Hà là Thạc sỹ Tài chính-Ngân hàng và Cử nhân chuyên ngành Kế toán. Bà công tác tại Sơn Hà từ 3/2011 và được bầu vào Ban Kiểm soát Công ty CP Quốc tế Sơn Hà tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2013.

BÀ NGUYỄN THỊ LÝ - Thành viên ban kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Lý có kinh nghiệm hoạt động ở nhiều mảng nghiệp vụ và nắm rõ hoạt động của Công ty CP Quốc tế Sơn Hà. Bà công tác tại Sơn Hà từ năm 2002 và kinh qua nhiều vị trí như kinh doanh, logistic và vật tư-lĩnh vực quan trọng trong chuỗi giá trị các sản phẩm của Sơn Hà. Bà được bầu vào Ban Kiểm soát Công ty CP Quốc tế Sơn Hà tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2013.

BÀ TRẦN THỊ THU HẰNG - Thành viên ban kiểm soát

Bà Hằng là thành viên Hiệp hội kế toán Công chứng Anh (ACCA) .Bà có hơn 05 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính từng làm việc tại công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Vietnam. Hiện tại bà Hằng đang làm việc tai công ty CP Quản lý quỹ Bông Sen. Bà được bầu là thành viên Ban Kiểm soát tại Đại hội cổ đông 23/04/2011.

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Nguyễn Thị Việt Hà	Trưởng ban	Trúng cử tại ĐHCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2013
Ông Nguyễn Huy Thưởng	Trưởng ban	Mãn nhiệm tại ĐHCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2013
Ông Nguyễn Văn Tâm	Thành viên	Mãn nhiệm tại ĐHCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2013
Bà Trần Thị Thu Hằng	Thành viên	Tái cử tại ĐHCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2013
Bà Nguyễn Thị Lý	Thành viên	Trúng cử tại ĐHCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2013

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà tiền thân là Công ty TNHH Cơ Kim khí Sơn Hà, được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 070376 ngày 23 tháng 11 năm 1998 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Công ty chuyển đổi sang mô hình Công ty Cổ phần từ ngày 30 tháng 10 năm 2007 và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100776445 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp cùng ngày.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã tám (08) lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh để phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty, trong đó lần đăng ký thay đổi thứ tám (08) ngày 12 tháng 4 năm 2013.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:		267.107.230.000 VND
Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Ông Lê Văn Ngà	25.680.000.000	9,61%
Ông Lê Vĩnh Sơn	61.267.020.000	22,94%
Ông Lê Hoàng Hà	48.150.000.000	18,03%
Cổ đông khác	132.010.210.000	49,42%
Cộng	267.107.230.000	100%

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Lô 2 CN1 cụm Công nghiệp tập trung nhỏ và vừa Từ Liêm, xã Minh Khai, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Điện thoại : (04) 62 65 65 66

Fax : (04) 62 65 65 88

E-mail : sonhagroup@hn.vnn.vn

Mã số thuế : 0 1 0 0 7 7 6 4 4 51

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	Lô III3 A, đường 1, Khu công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
Chi nhánh Thanh Hóa	Số 50, đường Lê Đình Chinh, thị trấn Ngọc Lặc, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa
Chi nhánh Nghệ An	Số 381, khối Tâm Phú, phường Hòa Hiếu, thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An
Chi nhánh Ninh Bình	Số 64, đường Trần Hưng Đạo, phố Bình Hà, phường Ninh Khánh, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình
Chi nhánh Hải Dương	Thôn Tiền, thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương
Chi nhánh Xuân Mai	Thôn Yên Kiện, xã Đông Dương, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội
Chi nhánh Sóc Sơn	Thôn Xuân Sơn, xã Trung Giã, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
Chi nhánh Thái Nguyên	Xóm 8, xã Sơn Cẩm, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên
Chi nhánh Tuyên Quang	Thôn Hợp Hòa 2, xã Lưỡng Vượng, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang
Chi nhánh Phú Thọ	Khu 4, phường Vân Phú, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ
Chi nhánh Vinh	Xóm 14 Nghi Kim, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
Chi nhánh Quảng Bình	Thôn 7, xã Lý Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình
Chi nhánh Cẩm Phả	Tổ 7, khu 10, phường Quang Hanh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh
Chi nhánh Hà Tĩnh	Quốc lộ 1A, xóm Tân Phú, xã Thạch Trung, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là:

-Thu gom rác thải không độc hại; thu gom rác thải độc hại;
-Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại; xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại;
-Giáo dục mầm non; giáo dục tiểu học; giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông; giáo dục nghề nghiệp: Dạy nghề cơ khí, điện, điện tử, điện lạnh, ngoại ngữ, tin học (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép). Bán buôn phân bón;
-Kinh doanh các thiết bị nhà bếp;
-Khai thác về chế biến khoáng sản (trừ loại khoáng sản Nhà nước cấm);
-Khai thác, vận hành và các dịch vụ phục vụ tòa nhà, khu chung cư; công trình dân dụng, công nghiệp; các dịch vụ cho nhà ở và văn phòng làm việc;
-Kinh doanh bất động sản;
-Dịch vụ vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách du lịch bằng xe ô tô; đại lý giao nhận và đại lý vận tải hàng hoá;
-Luyện kim, đúc thép, cán kéo thép;
-Sản xuất và mua bán các loại thiết bị lọc nước;
-Sản xuất và mua bán ống thép các loại;
-Sản xuất và mua bán các sản phẩm năng lượng mới như: năng lượng mặt trời, năng lượng gió;
-Khai thác, sản xuất, mua bán, chế biến sản phẩm đá tự nhiên, đá dung trong xây dựng;
-Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng, sơn xây dựng dân dụng, công nghiệp, bột bả trong xây dựng dân dụng;
-Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông;
-Lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế và các dịch vụ phục vụ khách du lịch, kinh doanh khách sạn, nhà hàng, khu vui chơi giải trí, khu du lịch, thể thao văn hóa (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
-Sản xuất và mua bán các sản phẩm được chế tạo từ vật liệu Composite;
-Cắt, tạo dáng và hoàn thiện đá;
-Sản xuất gỗ nội thất (bàn ghế, tủ, tủ bếp); Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ;
-Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa;
-Sản xuất, gia công, lắp ráp và kinh doanh các sản phẩm điện, điện tử, đồ điện gia dụng;
-Sản xuất các sản phẩm cơ khí tiêu dùng;
-Doanh nghiệp chỉ hoạt động xây dựng công trình khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật./.

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty

Công ty mẹ đã chuyển nhượng một phần cổ phần nắm giữ tại Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn vào tháng 11 năm 2013 dẫn đến không còn nắm giữ quyền kiểm soát tại Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Do đó Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn từ công ty con chuyển thành công ty liên kết.
Công ty mẹ đã chuyển nhượng toàn bộ cổ phần tại Công ty Cổ phần Năng lượng Sơn Hà vào tháng 10 năm 2013, do đó Công ty Cổ phần Năng lượng Sơn Hà không còn là công ty liên kết.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang 8 đến trang 51).

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2013 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Lê Vĩnh Sơn	Chủ tịch	Tái cử tại ĐHCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2013
Ông Lê Hoàng Hà	Phó Chủ tịch	Tái cử tại ĐHCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2013
Ông Lê Văn Ngà	Thành viên	Tái cử tại ĐHCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2013
Ông Nguyễn Công Tạn	Thành viên	Mãn nhiệm tại ĐHCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2013
Ông Lê Huy Côn	Thành viên	Tái cử tại ĐHCĐ ng ày 27 tháng 4 năm 2013
Ông Phùng Viết Điều	Thành viên	Mãn nhiệm tại ĐHCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2013
Ông Nguyễn Đức Tài	Thành viên	Tái cử tại ĐHCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2013
Ông Đặng Minh Quang	Thành viên	Tái cử tại ĐHCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2013
Ông Phan Thuế Ruệ	Thành viên	Trúng cử tại ĐHCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2013
Ông Vi Công Khanh	Thành viên	Trúng cử tại ĐHCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2013

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Nguyễn Thị Việt Hà	Trưởng ban	Trúng cử tại ĐHCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2013
Ông Nguyễn Huy Thưởng	Trưởng ban	Mãn nhiệm tại ĐHCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2013
Ông Nguyễn Văn Tâm	Thành viên	Mãn nhiệm tại ĐHCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2013
Bà Trần Thị Thu Hằng	Thành viên	Tái cử tại ĐHCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2013
Bà Nguyễn Thị Lý	Thành viên	Trúng cử tại ĐHCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2013

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Lê Hoàng Hà	Tổng Giám đốc	01 tháng 6 năm 2010
Ông Đàm Quang Hùng	Phó Tổng Giám đốc	30 tháng 10 năm 2007
Ông Nguyễn Văn Thuận	Phó Tổng Giám đốc	30 tháng 10 năm 2007
Ông Đặng Minh Quang	Phó Tổng giám đốc	01 tháng 6 năm 2010
Bà Phạm Thị Thanh Hà	Phó Tổng giám đốc	06 tháng 4 năm 2011
Ông Phạm Phú Trường	Phó Tổng giám đốc	06 tháng 4 năm 2011
Ông Đặng Quốc Huy	Phó Tổng giám đốc	04 tháng 5 năm 2012

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kế thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ–BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ–BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,
Tổng Giám đốc

Lê Hoàng Hà
Ngày 25 tháng 3 năm 2014

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Số: ..../2014/BCTC-KTTV-KT3

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**
CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà, được lập ngày 25 tháng 3 năm 2014, từ trang 8 đến trang 51, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.
Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Hà Nội

Nguyễn Hoàng Đức - Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0368-2013-008-1

Lê Văn Khoa - Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1794-2013-008-1

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 — Đơn vị tính: VND

	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm	Tăng/Giảm
A -	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		950,505,959,692	1,056,121,343,898	(105,615,384,206)
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	22,781,586,869	131,787,822,045	(109,006,235,176)
1.	Tiền	111		22,781,586,869	31,587,822,045	(8,806,235,176)
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	100,200,000,000	(100,200,000,000)
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		33,044,285,982	36,226,491,822	(3,182,205,840)
1.	Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	33,044,285,982	49,107,544,763	(16,063,258,781)
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	-	(12,881,052,941)	12,881,052,941
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		259,313,375,699	375,036,465,588	(115,723,089,889)
1.	Phải thu khách hàng	131		240,089,049,308	308,649,788,657	(68,560,739,349)
2.	Trả trước cho người bán	132		18,444,338,935	17,416,560,261	1,027,778,674
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-	-
5.	Các khoản phải thu khác	135	V.4	7,705,383,657	49,886,576,019	(42,181,192,362)
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.5	(6,925,396,201)	(916,459,349)	(6,008,936,852)
IV.	Hàng tồn kho	140		569,104,329,879	395,517,296,670	173,587,033,209
1.	Hàng tồn kho	141	V.6	569,104,329,879	397,059,999,409	172,044,330,470
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(1,542,702,739)	1,542,702,739
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		66,262,381,263	117,553,267,773	(51,290,886,510)
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	6,558,698,305	5,437,133,985	1,121,564,320
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		8,371,983,271	35,108,249,606	(26,736,266,335)
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.8	-	122,439,889	(122,439,889)
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-	-
5	Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	51,331,699,687	76,885,444,293	(25,553,744,606)
B -	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		473,282,353,195	558,128,915,849	(77,197,330,435)
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-	-
2.	Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-	-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-	-
4.	Phải thu dài hạn khác	218		-	-	-
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-	-
II.	Tài sản cố định	220		345,447,730,277	445,898,439,794	(100,450,709,517)
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	325,776,563,034	357,941,874,753	(32,165,311,719)
	Nguyên giá	222		492,132,549,633	503,855,564,258	(11,723,014,625)
	Giá trị hao mòn lũy kế	223		(166,355,986,599)	(145,913,689,505)	(20,442,297,094)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	1,525,840,656	5,722,161,643	(4,196,320,987)
	Nguyên giá	225		2,057,313,274	8,350,827,544	(6,293,514,270)
	Giá trị hao mòn lũy kế	226		(531,472,618)	(2,628,665,901)	2,097,193,283
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.12	13,469,083,845	48,407,783,774	(34,938,699,929)
	Nguyên giá	228		17,558,874,778	53,128,195,220	(35,569,320,442)
	Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4,089,790,933)	(4,720,411,446)	630,620,513
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.13	4,676,242,742	33,826,619,624	(29,150,376,882)
III.	Bất động sản đầu tư	240		-	-	-
	Nguyên giá	241		-	-	-
	Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-	-
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		47,763,953,591	30,000,844,663	17,763,108,928
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	655,000,000	(655,000,000)
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.14	43,553,953,591	25,135,844,663	18,418,108,928
3.	Đầu tư dài hạn khác	258	V.15	4,210,000,000	4,210,000,000	-
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-	-
V.	Tài sản dài hạn khác	260		21,289,119,634	15,798,849,481	5,490,270,153
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.16	17,122,320,519	15,259,697,910	1,862,622,609
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.17	-	180,879,771	(180,879,771)
3.	Tài sản dài hạn khác	268		4,166,799,115	358,271,800	3,808,527,315
VI.	Lợi thế thương mại	269	V.18	58,781,549,692	66,430,781,911	(7,649,232,219)
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1,423,788,312,887	1,614,250,259,747	(182,812,714,641)

	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm	Tăng/Giảm
A -	NỢ PHẢI TRẢ	300		1,047,334,717,761	1,186,851,044,020	(139,516,326,259)
I.	Nợ ngắn hạn	310		898,560,158,442	1,015,751,552,900	(117,191,394,458)
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.19	615,895,682,090	744,360,643,520	(128,464,961,430)
2.	Phải trả người bán	312		261,434,942,050	237,713,326,142	23,721,615,908
3.	Người mua trả tiền trước	313		10,220,114,021	1,627,464,662	8,592,649,359
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.20	1,800,992,659	12,389,242,244	(10,588,249,585)
5.	Phải trả người lao động	315		4,165,935,405	7,347,548,777	(3,181,613,372)
6.	Chi phí phải trả	316	V.21	2,984,280,343	8,305,685,087	(5,321,404,744)
7.	Phải trả nội bộ	317		-	-	-
8.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-	-
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.22	1,354,731,435	3,544,214,573	(2,189,483,138)
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-	-
11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.23	703,480,439	463,427,895	240,052,544
12.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-	-
II.	Nợ dài hạn	330		148,774,559,319	171,099,491,120	(22,324,931,801)
1.	Phải trả dài hạn người bán	331		-	10,000,000	(10,000,000)
2.	Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-	-
3.	Phải trả dài hạn khác	333	V.24	12,200,266,054	10,431,674,000	1,768,592,054
4.	Vay và nợ dài hạn	334	V.25	104,538,207,709	127,840,407,311	(23,302,199,602)
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-	-
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-	-
7.	Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện	338	V.26	32,036,085,556	32,817,409,809	(781,324,253)
9.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-	-
B -	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		363,264,831,386	370,144,765,230	(6,879,933,844)
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.27	363,264,831,386	370,144,765,230	(6,879,933,844)
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		267,107,230,000	267,107,230,000	-
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		69,047,988,652	69,047,988,652	-
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-	-
4.	Cổ phiếu quỹ	414		(9,484,460,000)	(9,484,460,000)	-
5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-	-
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-	-
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417		5,330,145,124	4,770,760,273	559,384,851
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418		3,504,149,839	2,385,380,137	1,118,769,702
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-	-
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		27,759,777,771	36,317,866,168	(8,558,088,397)
11.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-	-
12.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-	-
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-	-
1.	Nguồn kinh phí	432		-	-	-
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-	-

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm	Tăng/Giảm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-	-
5. Ngoại tệ các loại:				-
Dollar Mỹ (USD)		302,081.17	503,700.86	(201,620)
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-	-

Lập, ngày 25 tháng 3 năm 2013

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Lê Thị Thanh Huyền	Tôn Thị Thiện An	Lê Hoàng Hà

BÁO CÁO KẾTQUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1,825,198,490,871	2,147,955,492,946
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	5,350,135,580	4,457,772,322
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	1,819,848,355,291	2,143,497,720,624
Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1,559,042,710,942	1,882,403,751,362
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		260,805,644,349	261,093,969,262
Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	13,343,552,663	10,767,044,323
Chi phí tài chính	22	VI.4	100,941,058,130	121,137,143,539
Trong đó: chi phí lãi vay	23		83,603,012,574	118,805,414,817
Chi phí bán hàng	24	VI.5	100,599,210,608	77,388,588,664
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	61,213,201,910	53,212,438,040
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		11,395,726,364	20,122,843,342
Thu nhập khác	31	VI.7	229,431,322	2,810,548,871
Chi phí khác	32	VI.8	1,592,131,512	4,037,229,008
Lợi nhuận khác	40		(1,362,700,190)	(1,226,680,137)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		91,936,422	(874,207,379)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		10,124,962,596	18,021,955,826
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		2,987,401,241	5,011,192,601
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	272,437,593
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		7,137,561,355	12,738,325,632
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		3,181,800,248	1,550,628,607
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		3,955,761,107	11,187,697,025
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	152	421

Lập, ngày 25 tháng 3 năm 2013

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Lê Thị Thanh Huyền	Tôn Thị Thiện An	Lê Hoàng Hà

BÁO CÁO KẾT LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		10,124,962,596	18,021,955,826
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		42,560,555,117	36,290,971,945
- Các khoản dự phòng	03		(6,291,619,241)	(2,204,527,560)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(303,092,624)	(969,911,654)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		2,318,652,113	(1,089,094,341)
- Chi phí lãi vay	06		83,603,012,574	118,805,414,817
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		132,012,470,535	168,854,809,033
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		190,840,975,154	19,868,984,133
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(172,044,330,470)	(42,340,413,870)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(27,018,533,903)	141,486,896,335
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1,973,132,639)	(10,983,557,635)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(89,173,639,500)	(122,989,512,465)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(4,805,392,048)	(4,968,305,558)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		2,628,044,642	9,582,374,859
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(4,922,984,176)	(8,157,120,883)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		25,543,477,595	150,354,153,949
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(41,074,922,776)	(72,992,052,558)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	1,012,480,330
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(54,500,000,000)	(28,132,763,224)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		51,038,065,591	14,700,000,000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(1,025,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		16,595,640,000	6,305,431,646
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		10,441,736,860	3,516,691,901
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(17,499,480,325)	(76,615,211,905)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(2,156,691,000)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		1,602,575,800,875	1,665,063,264,050
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1,711,801,964,817)	(1,649,803,467,538)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	(1,698,000,000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(7,798,398,900)	(12,997,331,500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(117,024,562,842)	(1,592,225,988)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(108,980,565,572)	72,146,716,056
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	131,787,822,045	59,926,054,161
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(25,669,604)	(284,948,172)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	22,781,586,869	131,787,822,045

Lập, ngày 25 tháng 3 năm 2013

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Lê Thị Thanh Huyền	Tôn Thị Thiện An	Lê Hoàng Hà

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA NHÓM CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần

2. Lĩnh vực kinh doanh : Sản xuất - chế biến, dịch vụ, thương mại

3. Ngành nghề kinh doanh : Sản xuất các sản phẩm cơ khí tiêu dùng và công nghiệp như bồn chứa nước, chậu rửa và bình năng lượng Thái dương năng, ống công nghiệp, ống trang trí.

4. Tổng số các Công ty con: 02

Trong đó:

Số lượng các công ty con được hợp nhất: 02

Số lượng các công ty con không được hợp nhất: 0

5. Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất

Tên công ty	*Địa chỉ trụ sở chính*	*Tỷ lệ lợi ích*	*Tỷ lệ quyền biểu quyết*
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Thương mại Vinaconex	Số 8, đường Quang Trung, phường Quang Trung, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	71,13%	71,13%
Công ty TNHH Một thành viên Quốc tế Sơn Hà Chu Lai	KCN Bắc Chu Lai, xã Núi Thành, huyện Tam Hiệp, tỉnh Quảng Nam	100%	100%

6. Danh sách các công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	*Địa chỉ trụ sở chính*	*Tỷ lệ phần lợi ích*	*Tỷ lệ quyền biểu quyết*
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị Kiến Hưng	B14-TT18 Khu đô thị mới Văn Quán, Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	30%	30%
Công ty Cổ phần Năng lượng Sơn Hà	Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội	48,41%	48,41%
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn	292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh.	30%	30%

7.Những sự kiện ảnh hưởng quan trọng đến hoạt động kinh doanh của nhóm Công ty trong năm

Công ty mẹ đã chuyển nhượng một phần cổ phần nắm giữ tại Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn vào tháng 11 năm 2013 dẫn đến không còn nắm giữ quyền kiểm soát tại Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Do đó Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn từ công ty con chuyển thành công ty liên kết.

Công ty mẹ đã chuyển nhượng toàn bộ cổ phần tại Công ty Cổ phần Năng lượng Sơn Hà vào tháng 10 năm 2013, do đó Công ty Cổ phần Năng lượng Sơn Hà không còn là công ty liên kết.

8.Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 nhóm Công ty có 781 nhân viên đang làm việc tại (cuối năm trước là 915 nhân viên).

I. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của nhóm Công tybắt đầu từ ngày 01tháng 01và kết thúc vào ngày 31tháng 12hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

II. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chungtrên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà (Công ty mẹ) và các Công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong nhóm Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong nhóm Công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chí phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của nhóm Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do nhóm Công ty phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.
Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của nhóm Công ty trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

4. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà nhóm Công ty có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động.
Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết được bao gồm trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của nhóm Công ty trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi nhóm Công ty có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.
Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của nhóm Công ty trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu chi phí đầu tư thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.
Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với nhóm Công ty. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong nhóm Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

5. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại là phần chênh lệch giữa chi phí mua so với phần lợi ích của nhóm Công ty trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết tại ngày mua. Lợi thế thương mại được ghi nhận là tài sản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.
Khi bán công ty con, công ty liên kết giá trị còn lại của của lợi thế thương mại liên quan đến các đơn vị này được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh

6. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.
Tăng hoặc giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

8. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.
Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:
• Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
• Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.
Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.
Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.
Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc và thiết bị	03 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

10. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.
Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính được công bố tại thuyết minh số IV.11.

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của nhóm Công ty:
Quyền sử dụng đất
Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo thời gian giao đất.
Phần mềm máy tính
Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 2 – 10 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

13. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

14. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.
Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:
• Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
• Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
• Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
• Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
• Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.
Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của nhóm Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.
Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.
Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

15. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ
Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.
Chi phí xây dựng các showroom, chi phí sửa chữa tài sản, chi phí bảo hiểm tài sản
Được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.
Chi phí quảng cáo, thuê nhà
Chi phí quảng cáo, thuê nhà được phân bổ theo thời hạn quy định trên hợp đồng quảng cáo và hợp đồng thuê nhà.

16. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

17. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Công ty mẹ và các công ty con phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng 1/2 tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc.
Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Công ty mẹ và các công ty con phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Công ty mẹ và các công ty con không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.
Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

18. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu
Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông Công ty mẹ.
Thặng dư vốn cổ phần
Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.
Cổ phiếu quỹ
Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

19. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.
Thuế thu nhập hiện hành
Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.
Thuế thu nhập hoãn lại
Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính hợp nhất và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.
Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

21. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.
Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày:	31/12/2013 :	Công ty mẹ: 21.073 VND/USD
	31/12/2012 :	Công ty mẹ: 20.810 VND/USD
		Công ty con: 20.814 VND/USD

22. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.
Doanh thu cung cấp dịch vụ
Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.
Tiền lãi
Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.
Cổ tức và lợi nhuận được chia
Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

23. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính
Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của nhóm Công ty gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.
Các khoản cho vay và phải thu
Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.
Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính
Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được xác định theo giá hợp lý, các tài sản tài chính khác được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

24. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.
Nợ phải trả tài chính
Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của nhóm Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.
Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.
Công cụ vốn chủ sở hữu
Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty mẹ và các công ty con sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

25. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty mẹ và các công ty con:
- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

26. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.
Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

27. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.
Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.
Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.2.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	3.542.355.714	763.066.472
Tiền gửi ngân hàng (*)	18.511.231.155	30.824.755.573
Tiền đang chuyển	728.000.000	
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống)		100.200.000.000
Cộng	22.781.586.869	131.787.822.045
(*) Trong đó: Tiền gửi phong tỏa do ký quỹ	*1.027.994.887*	*5.000.000.000*

2. Đầu tư ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn				23.111.352.941
HSG (*)			*110.000*	*2.178.000.000*
PET (*)			*210.000*	*3.822.000.000*
PVX (*)			*640.600*	*12.824.352.941*
VND (*)			*230.000*	*4.485.000.000*
Cho vay		33.044.285.982		25.996.191.822
Công ty Cổ phần Hiway Việt Nam		*6.999.168.447*		*5.912.046.922*
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô Thị Kiến Hưng		*26.045.117.535*		*20.084.144.900*
Cộng		**33.044.285.982**		**49.107.544.763**

(*) Đầu năm số cổ phiếu này bị phong tỏa để thực hiện Hợp đồng cầm cố chứng khoán số 101210 HĐCC/AMC-SHI ngày 10 tháng 12 năm 2010 giữa Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà với Công ty TNHH một thành viên Quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình.

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số đầu năm	(12.881.052.941)	15.997.709.786
Trích lập dự phòng bổ sung	(146.180.000)	
Hoàn nhập dự phòng	13.027.232.941	(3.116.656.845)
Số cuối năm		**12.881.052.941**

4. Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các khoản cho vay không tính lãi	4.100.000.000	1.000.000.000
Phải thu lãi tiền cho vay	219.582.057	719.963.844
Thuế GTGT của TSCĐ thuê tài chính	53.163.361	118.052.870
Thuế GTGT đầu vào hàng nhập khẩu nộp trước chưa được khấu trừ	242.115.109	
Tổng Công ty điện lực thành phố Hồ Chí Minh - tiền hỗ trợ lắp đặt thái dương năng		30.000.000
Phải thu tiền bồi thường, hỗ trợ đất tại KCN Nhà máy Phùng	2.419.200.000	
Công ty CP Sản xuất Thương mại Đầu tư Thịnh Phát		45.940.000.000
Các khoản phải thu khác	671.323.130	2.078.559.305
Cộng	**7.705.383.657**	**49.886.576.019**

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán	(6.725.585.600)	(828.412.548)
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm	*(187.130.759)*	*(185.138.798)*
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	*(5.598.617.600)*	*(314.143.577)*
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	*(454.994.317)*	*(129.130.173)*
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm	*(484.842.924)*	*(200.000.000)*
Dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	(199.810.601)	(88.046.801)
Cộng	**(6.925.396.201)**	**(916.459.349)**

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng mua đang đi trên đường	40.436.098.661	34.664.797.844
Nguyên liệu, vật liệu	401.885.603.352	227.000.808.959
Công cụ, dụng cụ	10.059.240.845	7.004.804.889
Thành phẩm	97.118.770.396	103.237.207.363
Hàng hóa	19.604.616.625	24.937.175.389
Hàng gửi đi bán		215.204.965
Cộng	**569.104.329.879**	**397.059.999.409**

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí bảo hiểm	382.314.108	237.775.118
Công cụ dụng cụ	827.946.966	588.763.685
Chi phí làm biển quảng cáo	2.194.178.533	1.529.436.020
Chi phí thuê nhà	2.620.227.799	501.506.831
Chi phí khác	534.030.899	2.579.652.331
Cộng	**6.558.698.305**	**5.437.133.985**

8. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

Số đầu năm là thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa.

9. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng	40.621.421.356	65.102.839.575
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	10.061.956.592	11.126.198.377
Tài sản thiếu chờ xử lý	648.321.739	656.406.341
Cộng	**51.331.699.687**	**76.885.444.293**

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	204.137.972.481	226.341.692.720	60.741.884.081	12.634.014.976	503.855.564.258
Tăng do mua sắm mới	210.986.000	6.798.535.797	3.716.363.640	505.429.866	11.231.315.303
Tăng do đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	5.785.669.834	27.827.666.422	32.500.000	760.662.016	34.406.498.272
Tăng do mua lại TSCĐ thuê tài chính		6.299.514.270			6.299.514.270
Giảm do không đủ tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC		(2.248.054.487)	(10.000.000)	(2.070.069.327)	(4.328.123.814)
Giảm do thanh lý, nhượng bán		(828.123.396)			(828.123.396)
Giảm do Công ty con trở thành Công ty liên kết	(24.922.774.564)	(22.291.170.223)	(10.777.574.512)	(512.575.961)	(58.504.095.260)
Số cuối năm	**185.211.853.751**	**241.900.061.103**	**53.703.173.209**	**11.317.461.570**	**492.132.549.633**
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	*138.272.367*	*29.548.834.284*	*1.582.355.734*	*945.905.563*	*32.215.367.948*
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	18.413.430.756	102.932.001.613	20.012.384.759	4.555.872.377	145.913.689.505
Tăng do khấu hao trong năm	7.587.703.180	24.653.294.890	6.036.604.708	2.083.517.901	40.361.120.680
Tăng khác (chuyển từ Tài sản thuê tài chính)		2.623.735.965			2.623.735.965
Giảm do không đủ tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC		(1.707.449.699)	(4.587.817)	(1.613.910.976)	(3.325.948.492)
Giảm do thanh lý, nhượng bán		(157.737.790)			(157.737.790)
Giảm do Công ty con trở thành Công ty liên kết	(2.401.592.801)	(10.917.420.779)	(5.426.104.516)	(313.755.174)	(19.058.873.270)
Số cuối năm	**23.599.541.135**	**117.426.424.200**	**20.618.297.135**	**4.711.724.129**	**166.355.986.599**
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	185.724.541.725	123.409.691.107	40.729.499.322	8.078.142.599	357.941.874.753
Số cuối năm	**161.612.312.616**	**124.473.636.903**	**33.084.876.074**	**6.605.737.441**	**325.776.563.034**

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 427.536.351.987 VND và 285.464.140.325 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng.

11. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	6.293.514.270	2.057.313.274	8.350.827.544
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(6.293.514.270)		(6.293.514.270)
Số cuối năm		**2.057.313.274**	**2.057.313.274**
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	2.302.924.619	325.741.282	2.628.665.901
Khấu hao trong năm	320.811.346	205.731.336	526.542.682
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(2.623.735.965)		(2.623.735.965)
Số cuối năm		**531.472.618**	**531.472.618**
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	3.990.589.651	1.731.571.992	5.722.161.643
Số cuối năm		**1.525.840.656**	**1.525.840.656**

12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	47.917.209.435	5.210.985.785	53.128.195.220
Mua trong năm		1.010.573.547	1.010.573.547
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành		225.104.190	225.104.190
Giảm do không đủ tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC		(48.397.735)	(48.397.735)
Giảm do Công ty con trở thành Công ty liên kết	(36.756.600.444)		(36.756.600.444)
Số cuối năm	**11.160.608.991**	**6.398.265.787**	**17.558.874.778**
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	2.968.821.655	1.751.589.791	4.720.411.446
Khấu hao trong năm	903.340.207	769.551.549	1.672.891.756
Giảm do không đủ tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC		(39.518.767)	(39.518.767)
Giảm do Công ty con trở thành Công ty liên kết	(2.263.993.502)		(2.263.993.502)
Số cuối năm	**1.608.168.360**	**2.481.622.573**	**4.089.790.933**
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	44.948.387.780	3.459.395.994	48.407.783.774
Số cuối năm	**9.552.440.631**	**3.916.643.214**	**13.469.083.845**

Một số tài sản cố định vô hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 13.029.773.018 VND và 9.869.083.215 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các ngân hàng.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào tài sản cố định trong năm	Kết chuyển giảm khác	Giảm do Công ty con trở thành Công ty liên kết	Số cuối năm
Mua sắm TSCĐ	2.042.575.484	21.872.198.386	19.916.078.414	2.220.764.182		1.777.931.274
Xây dựng cơ bản dở dang	31.784.044.140	17.104.741.181	15.190.784.528	5.727.595.625	25.072.093.700	2.898.311.468
Quyền sử dụng đất (Hóc Môn 2)	*25.072.093.700*				*25.072.093.700*	
Công trình xử lý nước thải	*760.662.016*		*760.662.016*			
Siêu thị Vinaconex Plaza	*5.918.469.716*	*5.476.139.990*	*5.448.030.867*	*5.682.861.917*		263.716.922
Công trình nhà máy Sơn Hà - Chu Lai		*2.634.594.546*				2.634.594.546
Hệ thống sản xuất bồn nhựa	*32.818.708*	*8.994.006.645*	*8.982.091.645*	*44.733.708*		
Cộng	**33.826.619.624**	**38.976.939.567**	**35.106.862.942**	**7.948.359.807**	**25.072.093.700**	**4.676.242.742**

14. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Tên công ty	Hoạt động chính	Số cuối năm: Tỷ lệ phần sở hữu	Số cuối năm: Giá trị	Số đầu năm: Tỷ lệ phần sở hữu	Số đầu năm: Giá trị
Công ty Cổ phần Đầu tu Phát triển Đô thị Kiến Hưng [(i)]	Kinh doanh bất động sản	30%	15.000.000.000	30%	15.000.000.000
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn [(ii)]		30%	28.553.953.591		
Công ty Cổ phần Năng lượng Sơn Hà [(iii)]	Sản xuất, thương mại			48,41%	10.135.844.663
Cộng			**43.553.953.591**		**25.135.844.663**

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0103003387 ngày 12 tháng 4 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị Kiến Hưng 15.000.000.000 VND, tương đương 30% vốn điều lệ. Tại thời điểm ngày 31/12/2013 Công ty đã góp đủ: 15.000.000.000 VND. Trong đó, vốn đầu tư của Sơn Hà là 50% và vốn nhận ủy thác đầu tư là 50%.

(ii) Trong năm Công ty mẹ đã chuyển nhượng thành công 1.680.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn, chỉ còn nắm giữ 2.400.000 cổ phiếu tương đương với 30% vốn điều lệ và Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn trở thành công ty liên kết của Công ty.

(ii) Công ty chuyển nhượng lại toàn bộ 968.200 cổ phiếu Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà và Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà không còn là Công ty liên kết.

Khoản đầu tư vào Công ty liên kết đã được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ như sau:

	Giá gốc của khoản đầu tư	Tăng, giảm giá trị khoản đầu tư do hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Tăng do chuyển từ Công ty con thành Công ty liên kết	Giá trị khoản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị Kiến Hưng	15.000.000.000			15.000.000.000
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn	24.000.000.000	91.936.422	4.462.017.169	28.553.953.591
Cộng	**39.000.000.000**	**91.936.422**	**4.462.017.169**	**43.553.953.591**

15. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm: Số lượng	Số cuối năm: Giá trị	Số đầu năm: Số lượng	Số đầu năm: Giá trị
Đầu tư vào đơn vị khác		4.210.000.000		4.210.000.000
Công ty Bất động sản Havico		*2.710.000.000*		*2.710.000.000*
Công ty Cổ phần Hiway Việt Nam[(i)]	*150.000*	*1.500.000.000*	*150.000*	*1.500.000.000*
Cộng		**4.210.000.000**		**4.210.000.000**

(i) Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2013 Công ty sở hữu 150.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Hiway Việt Nam, tương đương với 15% vốn điều lệ.

16. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Phân bổ vào chi phí trong năm	Giảm do Công ty con trở thành Công ty liên kết	Số cuối năm
Chi phí Bảo hiểm	148.334.086	205.618.478	278.310.698		75.641.866
Công cụ dụng cụ	7.039.884.385	5.692.574.503	6.479.234.223	667.756.242	5.585.468.423
Phí thuê nhà	294.957.234	2.922.178.285	3.078.425.846		138.709.673
Sửa chữa thiết bị, văn phòng	120.647.552	248.666.808	77.711.159	238.792.669	52.810.532
Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng	4.916.107.068		458.333.333		4.457.773.735
Chi phí quảng cáo		277.172.951	273.184.247		3.988.704
Phần mềm quản lý	239.895.766	37.170.635	268.841.158		8.225.243
Chi phí đào tạo	67.485.417		34.627.000		32.858.417
Các khoản chi phí khác	2.432.386.402	7.247.959.429	2.913.501.905		6.766.843.926
Cộng	**15.259.697.910**	**16.631.341.088**	**13.862.169.568**	**906.548.911**	**17.122.320.519**

17. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	180.879.771	453.317.364
Số hoàn nhập		(272.437.593)
Giảm do Công ty con trở thành Công ty liên kết	(180.879.771)	
Số cuối năm		180.879.771

18. Lợi thế thương mại

Là khoản lợi thế thương mại phát sinh khi mua lại Công ty con. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	66.430.781.911	74.580.014.130
Số phân bổ vào kết quả kinh doanh trong năm	(7.649.232.219)	(7.649.232.219)
Giảm khác		(500.000.000)
Số cuối năm	58.781.549.692	66.430.781.911

19. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	*582.050.265.854*	*656.874.779.902*
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	82.016.375.979	89.260.551.214
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam		13.846.467.100
Ngân hàng TMCP Hàng hải	91.953.676.022	74.541.917.046
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	32.073.171.964	65.242.356.316
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương	188.580.278.767	202.851.888.718
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Mỹ Đình	79.247.116.652	63.900.365.026
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam –Chi nhánh Hà Tây	108.179.646.470	115.940.182.559
Ngân hàng TMCP Nam Việt - Chi nhánh Hà Nội		13.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng		18.291.051.923
Vay dài hạn đến hạn trả	*33.371.416.236*	*36.359.638.804*
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	*474.000.000*	*1.126.224.814*
Trái phiếu phát hành đến hạn trả		*50.000.000.000*
Cộng	615.895.682.090	744.360.643.520

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

Vay ngắn hạn	Vay dài hạn đến hạn trả	Nợ thuê tài chính đến hạn trả	Trái phiếu phát hành đến hạn trả	Cộng
656.874.779.902	36.359.638.804	1.126.224.814	50.000.000.000	744.360.643.520
1.573.733.047.882				1.573.733.047.882
	33.972.603.736	474.000.000		34.446.603.736
(1.623.426.793.699)	(35.823.946.304)	(1.126.224.814)	(50.000.000.000)	(1.710.376.964.817)
(24.700.000.000)	(1.136.880.000)			(25.836.880.000)
(430.768.231)				(430.768.231)
582.050.265.854	33.371.416.236	474.000.000		615.895.682.090

20. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Giảm do Công ty con trở thành Công ty liên kết	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	8.441.989	4.222.105.011	3.971.127.399	171.897.724	87.521.877
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	4.070.499.596	57.651.705.584	61.722.205.153		27
Thuế xuất, nhập khẩu	64.794.066	1.977.856.238	2.118.248.052		(75.597.748)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.549.355.154	2.987.401.241	4.805.392.048	513.993.752	217.370.595
Thuế thu nhập cá nhân	114.794.378	1.242.747.230	969.824.300	19.807.474	367.909.834
Tiền thuê đất	5.575.357.061	(3.501.550.386)	1.040.726.815		1.033.079.860
Các loại thuế khác	6.000.000	183.708.214	19.000.000		170.708.214
Cộng	12.389.242.244	64.763.973.132	74.646.523.767	705.698.950	1.800.992.659

Thuế giá trị gia tăng

Công ty mẹ và các công ty con nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất như sau:

Hàng hóa xuất khẩu	0%
Hàng hóa trong nước	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	10.124.962.596	18.021.955.826
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	5.361.172.284	4.539.026.678
- *Các khoản điều chỉnh tăng*	*12.269.440.775*	*17.285.526.104*
Chi phí không hợp lý, hợp lệ	4.211.186.897	2.404.197.399
Lỗ của Công ty con		5.744.691.462
Lỗ trong Công ty liên kết		874.207.379
Lỗ của Chi nhánh Sơn Hà Sài Gòn (Công ty mẹ)	182.164.823	
Lãi CLTG do đánh giá lại số dư cuối kỳ		332.865.810
Lợi thế thương mại	7.649.232.219	7.649.232.219
Hoàn nhập dự phòng vào Công ty liên kết đã thanh lý trong năm	226.856.836	280.331.835
- *Các khoản điều chỉnh giảm*	*(6.908.268.491)*	*(12.746.499.426)*
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(336.000.000)	(578.000.000)
CLTG chưa thực hiện của năm trước	(332.865.810)	(1.086.824.841)
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của tiền và các khoản phải thu	(1.026.598)	
Lãi trong Công ty liên kết	(91.936.422)	
Lãi thanh lý Công ty con, công ty liên kết	(584.835.076)	(1.897.488.447)
Hoàn nhập trích lập dự phòng đầu tư vào Công ty con	(5.561.604.585)	(7.867.578.929)
Hoàn nhập trích lập dự phòng đầu tư vào Công ty liên kết		(226.856.836)
Lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ năm trước đã thực hiện trong năm nay		(1.089.750.373)
Thu nhập chịu thuế	15.486.134.880	22.560.982.504
Lỗ các năm trước được chuyển	(3.994.532.316)	
Thu nhập tính thuế	11.491.602.564	22.560.982.504
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	***2.872.900.641***	***5.640.245.626***
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm theo Thông tư 140/2012/TT-BTC		***(629.053.025)***
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	***114.500.600***	
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	**2.987.401.241**	**5.011.192.601**

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất theo 2 hợp đồng: Hợp đồng thuê đất số 98-2005/TNMTNĐ-HĐTĐTN ngày 07 tháng 7 năm 2005 diện tích 8.793 m2 đất tại lô CN1 cụm công nghiệp tập trung vừa và nhỏ xã Minh Khai, huyện Từ Liêm, Hà Nội với mức 106.313 VND/m2. Và hợp đồng thuê đất số 06 HD/TĐ ngày 14 tháng 1 năm 2008 diện tích 44.800 m2 tại cụm công nghiệp thị trấn Phùng - huyện Đan Phượng - tỉnh Hà Tây với mức 87.789 VND/m2.

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác được kê khai và nộp theo qui định.

21. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả	1.292.157.629	6.862.784.555
Chi phí bảo hành		55.275.820
Chi phí hàng khuyến mại	366.521.275	
Chi phí khác	1.325.601.439	1.387.624.712
Cộng	**2.984.280.343**	**8.305.685.087**

22. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản thừa chờ xử lý	50.141.399	685.888
Kinh phí công đoàn	898.636.446	612.378.625
Bảo hiểm xã hội	9.289.370	150.794.671
Bảo hiểm y tế		18.297.606
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn		1.379.556.058
Thù lao HĐQT, BKS	144.000.000	906.838.356
Phải trả, phải nộp khác	252.664.220	475.663.369
Cộng	**1.354.731.435**	**3.544.214.573**

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	463.427.895	4.698.701.374
Tăng do trích lập từ lợi nhuận trong năm	111.876.970	236.556.279
Tăng khác	282.810.559	134.693.000
Chi quỹ trong năm	(62.990.000)	(2.702.443.000)
Giảm do Công ty con trở thành Công ty liên kết	(91.644.985)	
Giảm do hoàn nhập số đã tạm trích từ năm trước		(1.904.079.758)
Số cuối năm	**703.480.439**	**463.427.895**

24. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhận ký cược, ký quỹ ngắn hạn	2.900.266.054	1.131.674.000
Nhận ủy thác đầu tư vào Công ty Kiến Hưng	9.300.000.000	9.300.000.000
Cộng	**12.200.266.054**	**10.431.674.000**

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng	*104.101.780.709*	*127.179.980.311*
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Chi nhánh Hà Tây [(a)]	95.935.332.688	103.663.579.695
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	1.144.769.652	2.261.131.360
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam [(b)]		725.600.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Sở Giao dịch [(c)]	5.378.115.869	7.880.666.615
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Mỹ Đình	1.643.562.500	318.000.000
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Chợ Lớn [(d)]		1.761.592.641
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh [(e)]		69.410.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng [(f)]		10.500.000.000
Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân khác	*250.000.000*	
Nợ dài hạn	*186.427.000*	*660.427.000*
Công ty Cho thuê tài chính - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	186.427.000	660.427.000
Cộng	104.538.207.709	127.840.407.311

(a) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Tây theo Hợp đồng tín dụng số 01/2012/HĐTDTH ngày 22 tháng 6 năm 2012, số tiền vay là 79.800.000.000 VND với mục đích là cơ cấu tài chính để đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh, thời hạn vay 54 tháng, ân hạn gốc vay tối đa đến ngày 25 tháng 3 năm 2013, lãi suất theo quy định về lãi suất tại thời điểm giải ngân. Lãi vay được trả theo kỳ hạn vào ngày 25 hàng tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp 4.547.647 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Thương mại Vinaconex thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà, thế chấp và bảo lãnh tài sản là quyền sở hữu tòa nhà và quyền khai thác toàn bộ tài sản trên đất tại Trung tâm Thương mại Hà Đông của Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Thương mại Vinaconex cùng toàn bộ số dư tiền gửi của bên vay tại các tổ chức tính dụng khác.

(b) Vay ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam theo 3 hợp đồng tín dụng Hợp đồng 5897/HĐT-D/TH-PN/TCB-HKM ngày 17/09/2009, Hợp đồng 6028/HĐTD/TH-PN/TCB-HKM ngày 16/10/2009 và Hợp đồng tín dụng số 7065/HDTD/SME-DN/TCB-HKM ngày 14/12/2010 để mua máy móc thiết bị và phương tiện vận chuyển. Khoản vay này được thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

(d) Vay ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam theo hợp đồng tín dụng 01/HDTD-2010/SONHA-VCB để đầu tư máy móc thiết bị phục vụ sản xuất. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay là toàn bộ máy móc thiết bị đầu tư.

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn

	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm
Vay dài hạn ngân hàng	137.473.196.945	33.371.416.236	104.101.780.709	
Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân khác	250.000.000		250.000.000	
Thuê tài chính	660.427.000	474.000.000	186.427.000	
Cộng	138.383.623.945	33.845.416.236	104.538.207.709	

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn

	Vay dài hạn ngân hàng	Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân khác	Thuê tài chính	Cộng
Số đầu năm	127.179.980.311		660.427.000	127.840.407.311
Số tiền vay phát sinh trong năm	26.258.752.993	5.862.611.834		32.121.364.827
Nhận nợ thuê tài chính			1.984.000.000	1.984.000.000
Số tiền vay đã trả trong năm	(1.244.000.000)	(5.412.611.834)	(31.000.000)	(6.687.611.834)
Số kết chuyển	(33.772.603.736)	(200.000.000)	(474.000.000)	(34.446.603.736)
Giảm do Công ty con trở thành Công ty liên kết	(14.405.002.641)		(1.457.000.000)	(15.862.002.641)
Giảm do bù trừ công nợ			(496.000.000)	(496.000.000)
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối năm	84.653.782			84.653.782
Số cuối năm	104.101.780.709	250.000.000	186.427.000	104.538.207.709

26. Doanh thu chưa thực hiện

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Nhân lực và Thương mại Vinaconex trả trước tiền thuê tầng 6 tòa nhà số 8 Quang Trung (từ 01/01/2012 đến 31/12/2054)	25.225.197.261	25.840.519.733
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây trả trước tiền thuê 120 m^2 tại tầng 1 tòa nhà số 8 Quang Trung (từ 01/01/2012 đến 31/12/2054)	6.810.773.640	
Doanh thu chưa thực hiện khác	114.655	6.976.890.076
Cộng	32.036.085.556	32.817.409.809

27. Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quĩ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	267.107.230.000	69.047.988.652	(9.976.769.000)	1.062.518.382	4.191.115.097	2.095.557.549	38.073.444.928	371.601.085.608
Mua cổ phiếu quỹ			(2.156.691.000)					(2.156.691.000)
Thưởng cho Ban lãnh đạo bằng cổ phiếu quỹ			2.649.000.000					2.649.000.000
Lợi nhuận trong năm trước							11.187.697.025	11.187.697.025
Trích lập các quỹ trong năm trước					579.645.176	289.822.588	(1.106.024.043)	(236.556.279)
Chia cổ tức trong năm trước							(12.997.331.500)	(12.997.331.500)
Thù lao Ban kiểm soát							(744.000.000)	(744.000.000)
Hoàn nhập số trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi							1.904.079.758	1.904.079.758
Hoàn nhập CLTG cuối năm trước				(1.062.518.382)				(1.062.518.382)
Số dư cuối năm nay	**267.107.230.000**	**69.047.988.652**	**(9.484.460.000)**		**4.770.760.273**	**2.385.380.137**	**36.317.866.168**	**370.144.765.230**
Số dư đầu năm nay	267.107.230.000	69.047.988.652	(9.484.460.000)		4.770.760.273	2.385.380.137	36.317.866.168	370.144.765.230
Lợi nhuận trong năm nay							3.955.761.107	3.955.761.107
Trích lập các quỹ trong năm nay					559.384.851	1.118.769.702	(1.790.031.523)	(111.876.970)
Giảm do thay đổi tỷ lệ sở hữu tại Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn							(2.925.419.081)	(2.925.419.081)
Chia cổ tức năm nay							(7.798.398.900)	(7.798.398.900)
Số dư cuối năm nay	**267.107.230.000**	**69.047.988.652**	**(9.484.460.000)**		**5.330.145.124**	**3.504.149.839**	**27.759.777.771**	**363.264.831.386**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Tình hình góp vốn điều lệ tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

	Vốn điều lệ theo Giấy đăng ký kinh doanh	Vốn đã góp của chủ đầu tư
Ông Lê Văn Ngà	25.680.000.000	25.680.000.000
Ông Lê Vĩnh Sơn	61.267.020.000	62.067.020.000
Ông Lê Hoàng Hà	48.150.000.000	48.950.000.000
Cổ đông khác	132.010.210.000	130.410.210.000
Cộng	**267.107.230.000**	**267.107.230.000**

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tạm ứng cổ tức năm trước bằng tiền	7.798.398.900	12.997.331.500

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	26.710.723	26.710.723
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	26.710.723	26.710.723
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại	716.060	716.060
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	25.994.663	25.994.663

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

28. Lợi ích cổ đông thiểu số

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông thiểu số trong giá trị tài sản thuần của các công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông thiểu số như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	57.254.450.497	51.899.868.732
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	3.181.800.248	1.550.628.607
Giảm do Công ty con trở thành Công ty liên kết	(47.247.487.005)	
Cổ đông thiểu số góp thêm vốn trong năm		3.932.530.000
Giảm do chia cổ tức, lợi nhuận		(128.576.842)
Số cuối năm	**13.188.763.740**	**57.254.450.497**

VI.THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	1.825.198.490.871	2.147.955.492.946
Doanh thu bán hàng hóa	*266.007.187.693*	*272.920.210.638*
Doanh thu bán thành phẩm	*1.505.578.757.391*	*1.846.811.409.125*
Doanh thu cung cấp dịch vụ	*53.612.545.787*	*28.223.873.183*
Các khoản giảm trừ doanh thu	5.350.135.580	4.457.772.322
Doanh thu thuần	1.819.848.355.291	2.143.497.720.624
Trong đó:		
Doanh thu thuần bán hàng hóa	*263.193.619.199*	*270.774.979.457*
Doanh thu thuần bán thành phẩm	*1.503.042.190.305*	*1.844.498.867.984*
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	*53.612.545.787*	*28.223.873.183*

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	205.977.257.004	229.628.921.831
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	1.326.641.915.468	1.646.360.814.096
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	26.423.538.470	5.011.900.361
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		1.402.115.074
Cộng	1.559.042.710.942	1.882.403.751.362

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	7.700.755.433	3.658.655.745
Cổ tức, lợi nhuận được chia	336.000.000	578.000.000
Lãi đầu tư cổ phiếu ngắn hạn	1.361.451.000	
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	320.399.540	969.911.654
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.427.585.802	3.662.988.477
Lãi thanh lý các khoản đầu tư	193.640.000	1.897.488.447
Doanh thu tài chính khác	3.720.888	
Cộng	13.343.552.663	10.767.044.323

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	83.603.012.574	118.805.414.817
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	17.306.916	2.155.543.541
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	6.714.579.345	48.846.297
Lỗ thanh lý công ty con, liên kết	9.495.164.924	
Lỗ thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn	13.603.470.941	1.849.809.845
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(12.881.052.941)	(3.116.656.845)
Chi phí tài chính khác	388.576.371	1.394.185.884
Cộng	100.941.058.130	121.137.143.539

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	25.777.304.703	18.400.437.535
Chi phí vật liệu, bao bì	4.128.180.126	795.879.742
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	8.485.426.084	1.814.140.598
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.053.806.686	3.444.241.791
Chi phí bảo hành	245.444.691	474.015.067
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.524.631.921	23.563.797.060
Chi phí bằng tiền khác	30.384.416.397	28.896.076.871
Cộng	100.599.210.608	77.388.588.664

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	19.443.193.679	18.524.531.341
Chi phí vật liệu quản lý	517.133.551	287.345.561
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.739.136.367	1.965.114.604
Chi phí khấu hao TSCĐ	5.007.683.278	4.375.701.867
Thuế, phí và lệ phí	565.367.164	511.464.185
Chi phí dự phòng	6.589.433.700	(489.985.789)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.802.227.393	4.938.539.963
Chi phí bằng tiền khác	17.549.026.778	23.099.726.308
Cộng	61.213.201.910	53.212.438.040

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định		1.012.480.330
Tiền phạt vi phạm hợp đồng, bồi thường	32.666.500	387.000.954
Tiền phạt do làm mất tài sản		45.873.334
Hoàn nhập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm		262.403.712
Xử lý công nợ lâu ngày, nhỏ lẻ		979.827.000
Thu nhập khác	196.764.822	122.963.541
Cộng	229.431.322	2.810.548.871

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại tài sản cố định nhượng bán, thanh lý		3.285.834.355
Chi phí khấu hao tài sản cho thuê		159.402.504
Giá trị còn lại của tài sản bị mất		45.873.334
Thuế bị phạt, bị truy thu	57.099.943	49.335.019
Phạt vi phạm hành chính	137.200.000	
Xử lý công nợ	964.574.045	70.444.501
Chi phí khác	433.257.524	426.339.295
Cộng	1.592.131.512	4.037.229.008

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.955.761.107	11.187.697.025
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.955.761.107	11.187.697.025
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	25.994.663	26.573.201
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**152**	**421**

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	25.994.663	26.710.723
Ảnh hưởng của cổ phiếu mua lại trong năm		(304.188)
Ảnh hưởng của cổ phiếu quỹ phát hành chia thưởng trong năm		166.667
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	**25.994.663**	**26.573.201**

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

1. Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm, Công ty đã hạch toán nhập gốc lãi cho Công ty Cổ phần Đầu tư đô thị Kiến Hưng, Công ty Cổ phần Hiway Việt Nam, Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Thương mại Vinaconex vay số tiền là 798.117.215 VND.

2. Các khoản tiền và tương đương tiền nhóm Công ty đang nắm giữ nhưng không được sử dụng

Số tiền gửi phong tỏa tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thanh Xuân đến thời điểm 31/12/2013 là 48.782,56 USD đem ký quỹ.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các khoản cam kết

Ngày 16 tháng 5 năm 2013, một nhóm các nhà sản xuất nội địa của Mỹ đã khởi kiện Công ty liên quan đến việc bán phá giá đối với mặt hàng Ống thép hàn chịu lực không gỉ.

Ngày 29 tháng 5 năm 2013, Văn phòng Công ty đã ký hợp đồng dịch vụ về điều tra chống bán phá giá đối với mặt hàng ống thép hàn chịu lực không gỉ có nguồn gốc xuất xứ Việt Nam với Công ty luật Grunfeld, Desiderio, Lebowitz, Silverman & Klestadt Llp. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2013, Văn phòng Công ty đã trả 153.500 USD tương đương với 3.243.527.000 VND cho Công ty luật, số tiền đã ghi nhận vào chi phí năm 2013 là 153.500 USD tương đương với 3.234.705.500 VND.

Trong năm 2014, vụ kiện sẽ có phán quyết cuối cùng. Theo điều khoản về Phí dịch vụ và các khoản chi phí trong hợp đồng, Văn phòng Công ty sẽ phải trả tiền thưởng theo Hợp đồng là 150.000 USD (không kể tiền thưởng cho luật sư khi Bộ Thương mại Hoa Kỳ áp tỷ lệ thuế xuất khẩu <3,00%).

2. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Năm nay	Năm trước
Hội đồng quản trị		
Tạm ứng	61.148.327.000	150.514.380.000
Thanh toán tạm ứng	80.058.327.000	180.897.080.000

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu Hội đồng quản trị	37.647.162.629	56.307.162.629

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương và phụ cấp	2.953.288.000	2.251.977.000

Các giao dịch phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà		
Bán hàng hóa, thành phẩm	66.386.018.617	98.061.168.407
Cho Năng lượng Sơn Hà thuê tài sản	1.031.469.540	1.031.469.540
Thuê tài sản của Năng lượng Sơn Hà	130.200.000	
Mua nguyên vật liệu, hàng hóa	56.521.132.491	60.315.124.240
Dịch vụ phải trả	70.694.790	
Công ty Cổ phần Hiway Việt Nam		
Cho vay ngắn hạn	1.087.121.525	
Lãi vay	618.058.919	
Cho công ty Hiway thuê tài sản	44.000.000	
Dịch vụ tư vấn	297.336.274	

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà	***23.551.137.504***	***6.409.179.305***
Phải thu tiền bán hàng hóa, thành phẩm	23.551.137.504	6.409.179.305
Công ty Cổ phần Hiway Việt Nam	***7.237.550.504***	
Cho vay ngắn hạn	6.999.168.447	
Lãi vay	219.582.057	
Cho thuê tài sản	18.150.000	
Phải thu khác	650.000	
Cộng nợ phải thu	30.788.688.008	194.941.638.330

3. Thông tin về bộ phận

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực kinh doanh: Ngành hàng công nghiệp
- Lĩnh vực kinh doanh: Ngành hàng gia dụng

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Hàng công nghiệp	Hàng gia dụng	Lĩnh vực khác	Cộng
Năm nay				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.136.273.451.365	614.195.488.450	69.379.415.476	1.819.848.355.291
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	*1.136.273.451.365*	*614.195.488.450*	*69.379.415.476*	*1.819.848.355.291*
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	39.535.529.462	95.116.996.756	25.553.907.523	160.206.433.741

	Hàng công nghiệp	Hàng gia dụng	Lĩnh vực khác	Cộng
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(61.213.201.910)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				98.993.231.831
Doanh thu hoạt động tài chính				13.343.552.663
Chi phí tài chính				(100.941.058.130)
Thu nhập khác				229.431.322
Chi phí khác				(1.592.131.512)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh				91.936.422
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(2.987.401.241)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				*7.137.561.355*
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	*5.796.237.320*	*13.661.816.156*	*43.729.541.456*	*63.187.594.932*
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	*20.805.090.461*	*9.489.444.086*	*26.128.190.137*	*56.422.724.685*
Năm trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.479.332.274.731	624.827.542.308	39.337.903.585	2.143.497.720.624
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	*1.479.332.274.731*	*624.827.542.308*	*39.337.903.585*	*2.143.497.720.624*

	Hàng công nghiệp	Hàng gia dụng	Lĩnh vực khác	Cộng
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	73.819.195.717	114.235.799.243	4.666.003.109	192.720.998.069
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(62.228.055.511)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				130.492.942.558
Doanh thu tài chính				10.767.044.323
Chi phí tài chính				(121.137.143.539)
Thu nhập khác				2.810.548.871
Chi phí khác				(4.037.229.008)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết				(874.207.379)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(5.011.192.601)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				(272.437.593)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				12.738.325.632
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	*2.460.656.057*	*5.661.010.270*	*64.870.386.231*	*72.992.052.558*
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	*11.039.369.992*	*21.257.306.366*	*12.227.503.091*	*44.524.179.449*

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Hàng công nghiệp	Hàng gia dụng	Lĩnh vực khác	Cộng
Số cuối năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	515.566.760.409	411.925.656.690	111.115.062.315	1.038.607.479.414
Tài sản phân bổ cho bộ phận	69.969.482.317	21.327.277.613		91.296.759.930
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				293.884.073.543
Tổng tài sản				*1.423.788.312.887*
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	8.378.283.160	1.916.154.322	99.648.935.135	109.943.372.617
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	211.681.286.234	64.522.208.932		276.203.495.166
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				661.187.849.978
Tổng nợ phải trả				*1.047.334.717.761*
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	783.337.593.052	223.693.933.401	205.762.494.842	1.212.794.021.295
Tài sản phân bổ cho bộ phận	142.417.689.689	34.353.987.649		176.771.677.338
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				224.684.561.114
Tổng tài sản				**1.614.250.259.747**
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	27.967.771.055	6.155.054.632	104.714.828.288	138.837.653.975
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	201.346.857.133	48.568.878.334		249.915.735.467
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				798.097.654.578
Tổng nợ phải trả				*1.186.851.044.020*

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực trong nước và khu vực nước ngoài.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Năm nay	Năm trước
Khu vực trong nước	1.504.296.717.888	1.693.196.737.793
Khu vực nước ngoài	315.551.637.403	450.300.982.831
Cộng	1.819.848.355.291	2.143.497.720.624

Chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và tài sản bộ phận chỉ có trên lãnh thổ Việt Nam

4. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của nhóm Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho nhóm Công ty.

Nhóm Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

Phải thu khách hàng

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Tổng Giám đốc đã ban hành qui chế bán hàng với các qui định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Tổng Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ qui chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của nhóm Công ty liên quan đến nhiều đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực và các khu vực địa lý khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước, vì vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay

Công ty cho các công ty con công ty liên kết và các thành viên quản lý chủ chốt vay tiền. Các đơn vị và cá nhân này đều có uy tín và khả năng thanh toán tốt nên rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.781.586.869				22.781.586.869
Phải thu khách hàng	239.154.214.503			934.834.805	240.089.049.308
Các khoản cho vay	33.044.285.982				33.044.285.982
Các khoản phải thu khác	21.638.860.894				21.638.860.894
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	4.210.000.000				4.210.000.000
Cộng	320.828.948.248			934.834.805	321.763.783.053
Số đầu năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	131.787.822.045				131.787.822.045
Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh				23.111.352.941	23.111.352.941
Phải thu khách hàng	306.952.389.000			1.697.399.657	308.649.788.657
Các khoản cho vay	25.996.191.822				25.996.191.822
Các khoản phải thu khác	58.454.470.177				58.454.470.177
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	4.210.000.000				4.210.000.000
Cộng	527.400.873.044			24.808.752.598	552.209.625.642

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ	615.895.682.090	104.538.207.709		720.433.889.799
Phải trả người bán	261.434.942.050			261.434.942.050
Các khoản phải trả khác	3.236.944.563	12.200.266.054		15.437.210.617
Cộng	880.567.568.703	116.738.473.763		997.306.042.466
Số đầu năm				
Vay và nợ	744.360.643.520	127.840.407.311		872.201.050.831
Phải trả người bán	237.713.326.142	10.000.000		237.723.326.142
Các khoản phải trả khác	9.685.241.145	10.431.674.000		20.116.915.145
Cộng	991.759.210.807	138.282.081.311		1.130.041.292.118

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là trung bình. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá hàng hóa, nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán, giá hàng hóa/nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất và xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Nợ phải trả thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	Số cuối năm USD	Số đầu năm USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	302.081,17	503.700,86
Phải thu khách hàng	665.076,67	513.434,94
Vay và nợ	(5.533.845,95)	(16.155.153,25)
Phải trả người bán	(7.330.342,92)	(94.574,92)
Nợ phải trả thuần có gốc ngoại tệ	(11.897.031,03)	(15.232.592,37)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 3.760.592.024 VND (năm trước giảm/tăng 4.769.924.310 VND) do ảnh hưởng của lỗ/lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các công cụ tài chính. Mức độ nhạy cảm đối với sự biến động của tỷ giá hối đoái năm nay không thay đổi nhiều so với năm trước.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của các khoản cho vay và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền		100.200.000.000
Các khoản cho vay	33.044.285.982	25.996.191.822
Vay và nợ	(472.218.454.707)	(536.012.311.699)
Nợ phải trả thuần	(439.174.168.725)	(409.816.119.877)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Tập đoàn sẽ giảm/tăng 6.587.612.531 VND (năm trước giảm/tăng 6.147.241.798 VND). Mức độ nhạy cảm đối với sự biến động của lãi suất năm nay không thay đổi nhiều so với năm trước.

Rủi ro về giá hàng hóa, nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa, nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa, nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Giá trị sổ sách của các tài sản tài chính thế chấp cho đơn vị khác như sau:

	Giá trị sổ sách tại 31/12/2013	Giá trị sổ sách tại 31/12/2012
Tiền gửi ngân hàng bị phong tỏa (thuyết minh số V.1)	1.027.994.887	5.000.000.000
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn (thuyết minh số V.2)		23.111.352.941
Cộng	1.027.994.887	28.111.352.941

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm			
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.781.586.869		131.787.822.045		22.781.586.869	131.787.822.045
Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh			23.111.352.941	(12.881.052.941)		10.230.300.000
Phải thu khách hàng	240.089.049.308	(739.837.241)	308.649.788.657	(916.459.349)	239.349.212.067	307.733.329.308
Các khoản cho vay	33.044.285.982		25.996.191.822		33.044.285.982	25.996.191.822
Các khoản phải thu khác	19.219.660.894		58.454.470.177		19.219.660.894	58.454.470.177
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	4.210.000.000		4.210.000.000		4.210.000.000	4.210.000.000
Cộng	**319.344.583.053**	**(739.837.241)**	**552.209.625.642**	**(13.128.968.641)**	**318.604.745.812**	**538.412.113.352**

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay và nợ	720.433.889.799	872.201.050.831	720.433.889.799	872.201.050.831
Phải trả người bán	261.434.942.050	237.723.326.142	261.434.942.050	237.723.326.142
Các khoản phải trả khác	15.437.210.617	20.116.915.145	15.437.210.617	20.116.915.145
Cộng	**997.306.042.466**	**1.130.041.292.118**	**997.306.042.466**	**1.130.041.292.118**

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.
Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

• Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
• Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán thì giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố.

Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

Lập, ngày 25 tháng 3 năm 2014

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Lê Thị Thanh Huyền	Tôn Thị Thiện An	Lê Hoàng Hà